



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2022

VƯƠN CÁNH CHUYỂN MÌNH



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2022

VƯƠN CÁNH CHUYỂN MÌNH

MỤC LỤC

06

THÔNGIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC

14

TỔNG QUAN

- 16 THÔNG TIN DOANH NGHIỆP
- 18 SỨ MỆNH, TẦM NHÌN VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI
- 20 MẠNG LƯỚI GIAO DỊCH
- 21 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH
- 22 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
- 24 GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

26

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2022

- 28 KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2022
- 38 BÁO CÁO VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA BSC NĂM 2022

46

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2023

- 48 MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2023
- 52 ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH CỦA BSC NĂM 2023

56

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 58 THÔNG TIN CỔ ĐÔNG
- 60 CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ
- 71 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022
- 80 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
- 86 CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

88

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 90 TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
- 91 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TOÀN DIỆN
- 92 QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
- 98 ĐẢM BẢO CAM KẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
- 115 GRI CÔNG BỐ THÔNG TIN

120

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thông điệp Tổng Giám đốc

Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên BSC,

Với sứ mệnh phục vụ khách hàng, BSC luôn mang trong mình khát vọng trở thành “người bạn” đồng hành thông tuệ mang đến giá trị tài chính bền vững, thịnh vượng cùng lời hứa nỗ lực, sáng tạo không ngừng để phát triển hệ sinh thái sản phẩm đa dạng, toàn diện tối ưu trải nghiệm của quý nhà đầu tư.

Trải qua hơn 20 năm hình thành và phát triển từ ngày thành lập 18/11/1999, BSC vẫn giữ vững vị thế là một công ty chứng khoán uy tín số 1 hàng đầu Việt Nam đứng Top trong những công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu, trái phiếu và chứng chỉ quỹ tại sàn HoSE, HNX, UPCOM. Sự chuyên nghiệp trong hoạt động cùng những đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán của BSC được ghi nhận bởi nhiều giải thưởng danh giá do các Tạp chí tài chính lớn, uy tín trên thế giới trao tặng như Giải thưởng “**Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2022**” do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng, giải thưởng “**Nhà phân tích xuất sắc nhất năm 2022**” được đánh giá bởi Tạp chí Asiamoney.



Lời hứa Thương hiệu của BSC “nỗ lực, sáng tạo không ngừng để phát triển hệ sinh thái sản phẩm đa dạng, toàn diện tối ưu trải nghiệm của khách hàng” luôn là điều Ban lãnh đạo BSC hướng đến. Câu chuyện tái định vị thương hiệu của BSC một lần nữa khẳng định quyết tâm mạnh mẽ trong cam kết của BSC. Đây là những sự thay đổi sâu sắc trong chiến lược, trong hành động và tầm nhìn tương lai, đón đầu xu hướng để trở thành một công ty chứng khoán kỹ thuật số và ngân hàng đầu tư hàng đầu Việt Nam.



Song hành cùng nhịp đập năng động của thị trường cùng sự đồng hành tin cậy của đối tác Hana Securities với nền tảng công nghệ số tiên tiến đến từ Tập đoàn tài chính hàng đầu Hàn Quốc, BSC sẽ xây dựng và triển khai một chiến lược mang tính đột phá hướng tới trở thành một công ty chứng khoán số hàng đầu Việt Nam. Trong tâm thế và diện mạo mới, BSC cam kết sẽ tiếp tục **Mang đến niềm tin yêu** và **Kết nối sức mạnh** để **Sáng tạo không ngừng** trong hành trình đồng hành cùng khách hàng, góp phần đưa thị trường chứng khoán Việt Nam trở thành điểm đến đầu tư trong khu vực và toàn thế giới.

Đi qua những biến động, những thăng trầm của thị trường, BSC vẫn giữ vững bản lĩnh và khẳng định vị thế của một công ty chứng khoán uy tín bởi không chỉ vì có nền tảng vững chắc từ ngân hàng BIDV mà còn bởi mỗi một cán bộ nhân viên của BSC đều mang trong mình những khát khao được cống hiến, chung tay dựng xây vì một thị trường chứng khoán Việt Nam ngày càng phát triển.

Tôi mong rằng, trong năm 2023, BSC sẽ tiếp tục được đồng hành cùng các Quý nhà đầu tư, các Quý khách hàng, các Cổ đông và đối tác trên vạn nẻo đường của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Xin kính chúc Quý vị sức khỏe và thành công.

Tổng Giám đốc

Nguyễn Duy Viễn

Điểm nhấn BSC năm 2022

Hợp tác Hana Securities và BSC cùng những điểm sáng trong chiến lược kinh doanh sau thỏa thuận hợp tác chiến lược



Thời gian gần đây, thị trường Việt Nam liên tục bùng nổ cuộc đua tăng vốn của nhiều công ty chứng khoán. Không đứng ngoài "đường đua" đó, Công ty Chứng khoán BIDV (BSC) đã được Hana Securities (Hàn Quốc) rót gần 2.700 tỷ đưa Vốn chủ sở hữu lên gần 4.400 tỷ đồng.

Ngày 30/9/2022 ghi dấu cột mốc đáng nhớ trong lịch sử hoạt động hơn 20 năm đã qua của BSC với sự kiện quan trọng: Giao dịch bán chiến lược của BSC cho đối tác Hana Securities ("HSC" - Hàn Quốc) đã chính thức hoàn thành. Theo đó kể từ ngày 30/09/2022 HSC đã chính thức trở thành cổ đông chiến lược của BSC, và đối tác sẽ trở thành người bạn đồng hành của BSC trên chặng đường phát triển sắp tới. Đây cũng là một trong những giao dịch M&A lớn nhất trên thị trường vốn của Việt Nam trong năm 2022 và là một điểm sáng nổi bật trên thị trường hiện tại.

Với việc được bổ sung năng lực tài chính với quy mô phát hành gần 2700 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu của BSC được nâng lên gần 4.400 tỷ đồng, đưa BSC trở thành 1 trong 12 công ty chứng khoán có quy mô vốn chủ sở hữu lớn nhất trên thị trường hiện nay. Điều này đồng nghĩa với việc chúng ta sẽ có nguồn lực mới dồi dào hơn cho cả hoạt động kinh doanh và phục vụ khách hàng.

Không chỉ dừng ở khía cạnh tài chính, BSC và Hana Securities sẽ cùng nhau khởi động nhiều dự án mới, từ thúc đẩy các dự án chuyển đổi số, nâng cấp hạ tầng CNTT cho đến phát triển mạng lưới khách hàng cá nhân và tổ chức nước ngoài, đồng thời thành lập Công ty Quản lý quỹ, xây dựng mô hình quản trị theo tiêu chuẩn quốc tế.

Việc hợp tác cùng cổ đông chiến lược không chỉ mang đến nguồn lực phát triển cho công ty mà đồng thời cũng mở ra rất nhiều cơ hội phát triển cho đội ngũ nhân sự BSC. BSC sẽ đẩy mạnh hơn nữa hoạt động kinh doanh không chỉ tại Việt Nam mà cả trên thị trường khu vực và quốc tế, được học hỏi và đào tạo thêm để phát triển năng lực chuyên môn và kỹ năng ứng xử với môi trường toàn cầu. Đây là cơ hội nhưng cũng là thách thức đòi hỏi mỗi cán bộ nhân viên BSC cần tiếp tục trau dồi, học hỏi thêm những kiến thức và kỹ năng mới để cùng nhau đạt được những thành tựu mới, thành công mới.



Với sự tham gia trong công tác điều hành của Hana Securities, trong thời gian tới đây, hai bên sẽ tăng cường hợp tác trên các hoạt động:



Cung cấp giải pháp phần mềm, hệ thống công nghệ để phát triển các sản phẩm ứng dụng công nghệ số.



Hiện thực hóa cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp tại Việt Nam với nhu cầu linh hoạt trong hoạt động IPO, M&A, đầu tư sản phẩm lãi suất cố định (Fixed income), tư vấn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam...



Mở rộng và phát triển nền khách hàng, thúc đẩy hợp tác bán chéo, mở rộng thị trường, chia sẻ thông tin về thị trường và giới thiệu cơ hội đầu tư cho các khách hàng tổ chức có quan hệ hợp tác và khách hàng cá nhân VIP...

Trên cơ sở tiềm lực sẵn có kết hợp với sự đồng hành của ngân hàng mẹ là BIDV và đối tác chiến lược Hana Securities, BSC sẽ gia tăng đáng kể năng lực cạnh tranh trên thị trường chứng khoán ở các lĩnh vực môi giới, cho vay margin, tư vấn tài chính và đầu tư. Tối đa hóa lợi ích giữa hai bên, BSC có cơ hội tiếp cận và khai thác nền khách hàng nước ngoài rộng lớn từ Hana Securities, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, gia tăng nguồn thu và xây dựng uy tín của BSC trên thị trường quốc tế. Hợp tác đồng hành cùng phát triển, Hana Securities và BSC hoàn toàn tin tưởng ở tương lai tươi sáng phía trước, hai bên sẽ có những bước tiến chuyển mình vượt bậc, đồng hành cùng sự thịnh vượng tài chính của khách hàng, cổ đông, người lao động BSC và thị trường chứng khoán Việt Nam.



Ra mắt nhận diện thương hiệu mới và hành trình xây dựng BSC thành công ty chứng khoán số và ngân hàng đầu tư

Tháng 1 năm 2023, BSC đã chính thức ra mắt Nhận diện thương hiệu mới, đánh dấu cho bước chuyển mình quan trọng trong chiến lược phát triển và là lời khẳng định cho tinh thần tiên phong, đổi mới, sáng tạo không ngừng để phù hợp với tầm nhìn phát triển của BSC trong giai đoạn mới.

Thiết kế biểu tượng BSC mới được lấy cảm hứng từ hình tượng cánh chim đại bàng đang sải rộng đôi cánh bay lên thể hiện sự vững tin vươn cao, bay xa. Với 3 màu sắc chủ đạo Xanh lam – Vàng – Xanh Ngọc lục bảo tượng trưng cho sự kế thừa và phát triển. Khởi đầu từ màu Xanh lam (màu sắc truyền thống của BIDV, BSC) đến màu Vàng và màu Xanh Ngọc Lục Bảo là gam màu trong nhận diện thương hiệu mới của BIDV cũng như đối tác chiến lược Hana Securities, mang thông điệp “Tự hào truyền thống – Đổi mới sáng tạo – Vững bước tiên phong”.

Hình ảnh nhận diện thương hiệu mới được hình thành nên bởi sự chất lượng từ những giá trị cốt lõi đã kết tinh và được bồi đắp trong suốt 23 năm qua đồng thời cũng là mục tiêu, là phương châm và cam kết của BSC trong giai đoạn phát triển mới. Đó là Niềm tin (Belief), Hợp lực (Synergy), Sáng tạo (Creativity).

B Belief - Niềm tin

Thượng tôn pháp luật, minh bạch và chuyên nghiệp trong hoạt động, để xây dựng niềm tin vững chắc cho khách hàng, nhà đầu tư, cổ đông và người lao động của công ty.

Kể từ khi thành lập BSC đã lựa chọn và kiên trì thực hiện một phương châm hành động “lớn lên từ bé, đứng ngay từ đầu”. Với hành trình 23 năm, BSC đã xây dựng được một đội ngũ nhân sự đủ mạnh, phát triển công nghệ và các mảng nghiệp vụ theo kịp tốc độ phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam, công tác quản trị công ty đặc biệt là quản trị rủi ro luôn được đặc biệt chú trọng, đảm bảo cho hoạt động Công ty đúng định hướng, an toàn, hiệu quả.

Là một thành viên của Ngân hàng BIDV, BSC kế thừa và cam kết duy trì giá trị cốt lõi về thượng tôn pháp luật, minh bạch trong hoạt động, bài bản trong vận hành để tạo dựng một thương hiệu BSC luôn xứng đáng với niềm tin được trao gửi từ các Cơ quan quản lý nhà nước, các khách hàng, nhà đầu tư và đối tác.

S Synergy – Hợp lực

Hợp sức đồng lòng giữa từng cá nhân, từng tập thể trong công ty; giữa sức mạnh nội tại của BSC với đối tác chiến lược... để cùng nhau đóng góp vào sự thành công chung của tổ chức

Những thành quả mà BSC có được được xây lên bởi sự chung sức, đồng lòng của nhiều thế hệ Người BSC; Sự ủng hộ đầy trách nhiệm của Cổ đông lớn – Ngân hàng mẹ BIDV. Thành quả ấy chính là nền tảng truyền năng lượng tích cực cho BSC của ngày hôm nay. Năng lượng ấy giờ đây đang được nhân lên bởi sự sát cánh của Công ty chứng khoán Hana Securities với tư cách là Cổ đông chiến lược.

Đoàn kết tạo nên sức mạnh. Sự hợp sức, đồng lòng giữa từng cá nhân, từng tổ chức, giữa sức mạnh nội tại của BSC với nguồn lực mới từ đối tác sẽ cùng nhau đóng góp vào sự thành công chung của tổ chức.

“ Với tâm thế và diện mạo mới, với sứ mệnh phụng sự khách hàng, BSC cam kết sẽ tiếp tục Mang đến niềm tin yêu và Kết nối sức mạnh để Sáng tạo không ngừng trong hành trình đồng hành cùng khách hàng trên vạn nẻo đường của Thị trường Chứng khoán Việt Nam. ”

C Creativity – Sáng tạo

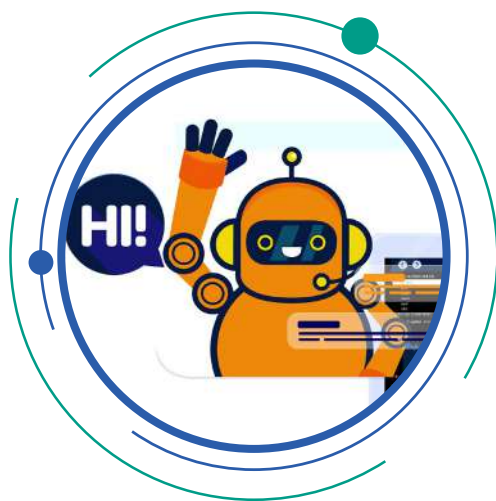
Không ngừng tư duy, học hỏi và sẵn sàng đón nhận những tri thức mới, công nghệ mới, tiên phong mang đến những lợi ích và tiện ích tốt nhất cho khách hàng và đối tác.

Với những lát cắt sắc nét, phóng khoáng, hình ảnh cánh chim sải cánh bay cao trong biểu tượng logo mới thể hiện một khát khao đổi mới, sáng tạo, đón đầu xu thế của đội ngũ nhân sự chất lượng cao BSC. Khoác lên mình chiếc áo mới, BSC muốn gửi gắm tới khách hàng hình ảnh về một công ty chứng khoán chuyên nghiệp, luôn sẵn sàng bứt phá và thích nghi với môi trường kinh doanh trong giai đoạn mới.

Bước vào kỷ nguyên số, song hành cùng nhịp sống năng động của thị trường, với nền tảng công nghệ số tiên tiến đến từ Hana Securities. BSC sẽ xây dựng và triển khai một chiến lược mang tính đột phá hướng tới trở thành một công ty chứng khoán số hàng đầu Việt Nam, mang lại cho khách hàng, đối tác một sự trải nghiệm mới mẻ qua từng giao dịch từ đó mang tới sự thịnh vượng cho khách hàng, đối tác, góp phần thúc đẩy sự phát triển của TTCK Việt Nam.

Tiên phong CHUYỂN ĐỔI SỐ

Nắm bắt xu thế công nghệ trong lĩnh vực tài chính, BSC đã sớm định hướng và đầu tư phát triển kinh doanh trên nền tảng ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm nâng cao trải nghiệm và tính bảo mật dành cho khách hàng. BSC tự hào trong việc tiên phong phát triển các sản phẩm tư vấn đầu tư, dịch vụ chứng khoán ứng dụng công nghệ hiện đại tiêu biểu như:



Trợ lý tư vấn đầu tư 24/7 BSC i-Broker

Hỗ trợ nhà đầu tư tra cứu thông tin nhanh chóng, trực quan và thuận tiện

Là một trong những sản phẩm công nghệ tài chính xuất hiện đầu tiên tại thị trường Việt Nam, BSC i-Broker là hệ thống trợ lý tư vấn đầu tư toàn diện với 05 trợ lý chuyên sâu về: Phân tích định lượng, Phân tích cơ bản, Báo cáo phân tích, Phân tích Phái sinh, Phân tích Chứng quyền. BSC i-Broker được tích hợp trên nền tảng giao dịch trực tuyến webtrading và ứng dụng đầu tư BSC Smart Invest, hỗ trợ khách hàng tra cứu thông tin nhanh chóng, trực quan và thuận tiện trong quá trình đầu tư.



Giải pháp đầu tư chuyên nghiệp BSC i-Invest

Hỗ trợ khách hàng xây dựng kế hoạch đầu tư phù hợp, tiết kiệm thời gian và gia tăng hiệu quả.

Khác với các phương thức quen thuộc là đặt lệnh theo từng mã cổ phiếu, BSC i-Invest sử dụng phương thức quản lý và thực hiện mua bán theo danh mục đầu tư cùng hệ thống đặt lệnh tự động. Đây là một cách thức đầu tư không lạ trên thế giới nhưng lại mới mẻ ở Việt Nam, thay thế cho cách thức giao dịch cũ ít hiệu quả mà tốn kém về thời gian, chi phí và năng lượng.



Mở tài khoản trực tuyến eKYC

Mở tài khoản mọi lúc mọi nơi trên mọi thiết bị và có thể giao dịch ngay chỉ sau vài phút

Trong thời đại công nghệ 4.0, với giải pháp định danh điện tử eKYC, khách hàng chỉ mất vài phút để có thể mở tài khoản giao dịch tại BSC dựa vào các thông tin sinh trắc học, nhận diện khách hàng bằng trí tuệ nhân tạo (AI),...

eKYC là giải pháp mở tài khoản tối ưu nhất hiện nay, giúp tiết kiệm thời gian và công sức khi mở tài khoản giao dịch. Khách hàng không cần xếp hàng chờ đợi tại quầy giao dịch, có thể mở tài khoản mọi lúc mọi nơi, không bị giới hạn về thời gian và không gian.



Ứng dụng đầu tư thế hệ mới BSC Smart Invest

Công cụ hỗ trợ đầu tư hiệu quả - thông minh - tiện lợi

Chú trọng tới việc tối ưu sự tiện lợi cho khách hàng, BSC Smart Invest tích hợp giao dịch chứng khoán cơ sở và chứng khoán phái sinh giúp nhà đầu tư có thể lựa chọn sản phẩm phù hợp với khẩu vị đầu tư của mình. Ứng dụng cũng cho phép người dùng theo dõi thông tin thị trường mà không cần thao tác đăng nhập. Không dừng lại ở đó, Danh mục cổ phiếu khuyến nghị được xây dựng như một tính năng riêng biệt, đáng chú ý danh mục này được khuyến nghị bởi đội ngũ Chuyên gia phân tích của BSC với độ chính xác và triển vọng sinh lời cao.

Trong thời gian tới, cùng với đối tác chiến lược Hana Securities, BSC tiếp tục tập trung vào Chuyển đổi số mạnh mẽ các sản phẩm tài chính – chứng khoán, mang tới nhiều sản phẩm ứng dụng công nghệ hiện đại cho nhà đầu tư trong kỷ nguyên 4.0



TỔNG QUAN

- 16 Thông tin doanh nghiệp
- 18 Sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi
- 20 Mạng lưới giao dịch
- 21 Ngành nghề kinh doanh chính
- 22 Quá trình hình thành và phát triển
- 24 Giải thưởng tiêu biểu

Thông tin doanh nghiệp



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
(BSC)**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC) được cấp phép thành lập ngày 26 tháng 11 năm 1999, tiền thân là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Trải qua hơn 2 thập kỷ đồng hành cùng thị trường chứng khoán, BSC đã liên tục mở rộng và phát triển. Qua nhiều lần tăng vốn điều lệ để phục vụ hoạt động kinh doanh, hiện vốn điều lệ của BSC đạt 1.878 tỷ đồng. BSC luôn khẳng định vị thế tiên phong trong việc cung cấp hệ sinh thái các sản phẩm, dịch vụ toàn diện, không ngừng mở rộng và phát triển hệ thống với trụ sở chính tại Hà Nội và một chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh cùng mạng lưới hỗ trợ khách hàng giao dịch rộng khắp toàn quốc.

Với nguồn lực hiện có cùng sự hậu thuẫn mạnh mẽ từ BIDV, BSC đã đang và sẽ không ngừng nỗ lực vươn lên với mục tiêu trở thành một trong những Công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam.

	TÊN GIAO DỊCH Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam		SỐ ĐIỆN THOẠI 84-24 39352722 / 84-28 38218885
	TÊN VIẾT TẮT BSC		SỐ FAX 84-24 22200669 / 84-28 38218510
	VỐN ĐIỀU LỆ TẠI 31/12/2022 1.878.001.200.000 VND		WEBSITE www.bsc.com.vn
	VỐN CHỦ SỞ HỮU TẠI 31/12/2022 4.366.397.458.467 VND		MÃ CỔ PHIẾU BSI
	TRỤ SỞ CHÍNH Tầng 8, Tầng 9, Tòa nhà ThaiHoldings, số 210 Trần Quang Khải, Phường Trảng Tiễn, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.		NGÀNH NGHỀ Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh; Các nghiệp vụ khác được pháp luật cho phép.
	CHI NHÁNH Tầng 9, Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh		



Sứ mệnh Tầm nhìn và Giá trị cốt lõi



Sứ mệnh

Đóng góp **tích cực** cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích tối ưu cho khách hàng, Nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.



Tầm nhìn

Trở thành Công ty **chứng khoán hàng đầu, trên nền công nghệ số tiên tiến**, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ toàn diện với giá trị tốt nhất cho khách hàng. Xây dựng nền tảng vững chắc để trở thành một Ngân hàng đầu tư **khi khuôn khổ pháp lý cho phép (Investment Bank)**.



Giá trị cốt lõi

- **Niềm tin (Belief):** Thượng tôn pháp luật, minh bạch và chuyên nghiệp trong hoạt động, để xây dựng niềm tin vững chắc cho khách hàng, nhà đầu tư, cổ đông và người lao động của công ty.
- **Hợp lực (Synergy):** Hợp sức đồng lòng giữa từng cá nhân, từng tập thể trong công ty; giữa sức mạnh nội tại của BSC với đối tác chiến lược... để cùng nhau đóng góp vào sự thành công chung của tổ chức.
- **Sáng tạo (Creativity):** Không ngừng tư duy, học hỏi và sẵn sàng đón nhận những tri thức mới, công nghệ mới, tiên phong mang đến những lợi ích và tiện ích tốt nhất cho khách hàng và đối tác.



Chiến lược phát triển dài hạn

- **Nhân sự:** Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức, văn hóa ứng xử và cởi mở đón nhận những tri thức mới, sáng tạo, đổi mới không ngừng.
- **Công nghệ:** Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, phát triển và đưa vào vận hành hệ thống các phần mềm ứng dụng tiên tiến, đẩy mạnh phát triển các sản phẩm công nghệ ứng dụng kỹ thuật số mang tới khách hàng trải nghiệm đầu tư tối ưu.
- **Khách hàng:** luôn lấy khách hàng là trung tâm để đưa ra các chính sách kinh doanh, cung cấp cho khách hàng những sản phẩm dịch vụ tốt nhất, đem lại lợi ích và tiện ích nhất cho khách hàng trong việc sử dụng và trải nghiệm các sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng kỹ thuật số hiện đại.



Khẩu hiệu

**Chia sẻ cơ hội,
hợp tác thành công/
Share opportunities,
share success**

Slogan khẳng định luôn đồng hành, đặt khách hàng là trung tâm trong chiến lược phát triển BSC với cam kết:

- Mang tới các sản phẩm và giá trị tốt nhất cho khách hàng;
- Mang tới sự thịnh vượng tài chính cho khách hàng, nhà đầu tư và cổ đông của BSC.

Thúc đẩy sự phát triển bền vững để mang lại những giá trị thực, lâu dài cho mỗi cá nhân trong tổ chức cũng như cộng đồng xã hội.



Định hướng phát triển bền vững

BSC xác định phát triển bền vững là một trong những mục tiêu quan trọng, là hướng đi lâu dài tạo giá trị cho doanh nghiệp. Là một thành viên hoạt động tích cực vì sự phát triển của thị trường chứng khoán nói chung và nền kinh tế xã hội nói riêng, BSC xây dựng và xác định rõ văn hóa để cao tính trách nhiệm với môi trường và tinh thần vì cộng đồng, góp phần phát triển xã hội ổn định, bền vững.

Mạng lưới giao dịch

Với mong muốn nâng cao hơn nữa trải nghiệm của khách hàng, mạng lưới giao dịch được chúng tôi phát triển mở rộng trên toàn quốc. BSC luôn sẵn sàng cung ứng dịch vụ đến khách hàng với sự tận tâm, nhiệt huyết của toàn bộ đội ngũ cán bộ nhân viên BSC.



Trụ sở chính:

Tầng 8, Tầng 9, Tòa nhà ThaiHoldings,
số 210 Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Chi nhánh:

Lầu 9, Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ,
quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh chính

Chặng đường hơn 20 năm hình thành và phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam đã qua, hàng loạt các sản phẩm – dịch vụ với nhiều ưu điểm, bắt nhịp với xu hướng phát triển của toàn cầu lần lượt ra đời. BSC luôn là Công ty chứng khoán đi đầu trong việc phát triển hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ tài chính một cách đa dạng và toàn diện cung cấp tới khách hàng. Mục tiêu BSC hướng đến không chỉ ở số lượng mà còn ở chất lượng các sản phẩm, dịch vụ cung cấp, luôn tuân thủ nguyên tắc cao nhất về đạo đức nghề nghiệp, mang lại trải nghiệm tối ưu cho khách hàng.



Dịch vụ chứng khoán

Dịch vụ giao dịch chứng khoán:

- Mở tài khoản giao dịch chứng khoán.
- Dịch vụ lưu ký chứng khoán.
- Đặt lệnh với các phương thức giao dịch thuận tiện: đặt lệnh qua điện thoại, đặt lệnh tại quầy, đặt lệnh qua web.
- Đặt lệnh đấu thầu trái phiếu chính phủ.
- Dịch vụ đại lý đấu giá.
- Phân phối chứng chỉ quỹ mở.

Dịch vụ tài chính:

- Dịch vụ ký quỹ.
- Dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán.

Dịch vụ đăng ký lưu ký và thanh toán trái phiếu:

- Lưu giữ thông tin và danh sách trái chủ.
- Chuẩn bị danh sách trái chủ cho các sự kiện của Tổ chức phát hành và hội nghị người sở hữu trái phiếu.
- Quản lý chuyển nhượng trái phiếu.
- Chốt danh sách, xác định lãi suất và chi trả cổ tức cho các trái chủ.



Tư vấn đầu tư

- Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Tư vấn tái cấu trúc danh mục.
- Tư vấn chiến lược giao dịch.
- Tìm kiếm và thực hiện các deal giao dịch lớn.
- Quản lý tài sản cá nhân.
- Cung cấp báo cáo phân tích hàng ngày, định kỳ hoặc đột xuất theo biến động của thị trường tài chính.
- Tư vấn đầu tư các sản phẩm công nghệ i-Broker và i-Invest.



Nghị vụ ngân hàng đầu tư

- Tư vấn cổ phần hóa.
- Tư vấn niêm yết.
- Tư vấn thu xếp nguồn vốn.
- Tư vấn phát hành cổ phiếu ra công chúng.
- Tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp.
- Tư vấn M&A.



Đầu tư

- Tự doanh cổ phiếu.
- Tự doanh trái phiếu.
- Tự doanh các sản phẩm cấu trúc.

Quá trình hình thành và phát triển



Năm 2000:
Thành lập Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Thành lập Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh.

BSC

Năm 1999:
Thành lập Công ty

Ngày 26/11/1999 được cấp phép thành lập với tên giao dịch Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – là một trong hai Công ty chứng khoán đầu tiên, đồng thời là Công ty đầu tiên trong ngành ngân hàng tham gia kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.



Năm 2010 - 2011:
Chuyển đổi mô hình

Ngày 17/11/2010 thực hiện thành công việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng - chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần.

Ngày 01/01/2011 đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số vốn điều lệ là 865 tỷ đồng.

Ngày 19/07/2011 chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là BSI.



Năm 2014 - 2015:
Thành tựu ấn tượng trong mảng IB

Hoạt động tư vấn tài chính đã đạt được các thành tựu nổi trội với các thương vụ gây tiếng vang trên thị trường như tư vấn IPO cho Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam; Tư vấn phát hành 3.000 tỷ đồng trái phiếu Vinacomin; Tư vấn IPO cho Vinatex và Vietnam Airlines.



Năm 2013:
Vươn lên TOP 10 thị phần môi giới

BSC có mặt trong TOP10 thị phần môi giới cổ phiếu của hai sàn HNX và HSX. Công ty đã vươn lên giữ vị trí dẫn đầu thị phần môi giới trái phiếu tại HNX.



Năm 2016 - 2018:
Nâng cao năng lực tài chính

Ngày 12/12/2016, tăng vốn điều lệ lên 902 tỷ đồng, đáp ứng điều kiện cung cấp dịch vụ giao dịch hợp đồng tương lai.

Ngày 27/11/2017, tăng vốn điều lệ lên 976 tỷ đồng.

Ngày 13/07/2018, tăng vốn điều lệ lên 1.109,7 tỷ đồng.



Năm 2019 - 2020:
Tiên phong phát triển sản phẩm

Ngày 11/07/2019, tăng vốn điều lệ lên 1.220 tỷ đồng.

1 trong 2 Công ty chứng khoán đầu tiên phát hành chứng quyền có đảm bảo trên thị trường.

Ra mắt 02 sản phẩm mới ứng dụng công nghệ hiện đại hỗ trợ nhà đầu tư là i-Broker và i-Invest; đồng thời ra mắt sản phẩm Quản lý tài sản cá nhân i-Fortune tạo giá trị khác biệt cho khách hàng.



Năm 2022: Vươn cánh chuyển mình

Tháng 6/2022: Ra mắt ứng dụng đầu tư chứng khoán thể hệ mới – BSC Smart Invest tích hợp nhiều tính năng nổi trội, là công cụ tiện lợi, thông minh, hiệu quả và hỗ trợ đắc lực cho nhà đầu tư.

Tháng 9/2022: Hoàn tất giao dịch bán chiến lược với đối tác nước ngoài tổng giá trị đặt mua gần 2.700 tỷ đồng cho 65,730,042 cổ phần nâng tổng vốn chủ sở hữu lên gần 4.400 tỷ đồng.

Cuối năm 2022: BSC chính thức ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới với hình ảnh logo trẻ trung, năng động được xây dựng dựa trên những giá trị cốt lõi kết tinh trong suốt 23 năm hình thành và phát triển của BSC: Niềm tin (Belief) – Hợp lực (Synergy) – Sáng tạo (Creativity). Với định hướng phát triển trong giai đoạn mới, BSC sẽ xây dựng công ty trở thành Công ty chứng khoán số và Ngân hàng đầu tư hàng đầu thị trường.



Năm 2021:
Không ngừng cải tiến

Ra mắt tính năng mở tài khoản trực tuyến trên website và thông qua ứng dụng BIDV SmartBanking có ứng dụng công nghệ eKYC.

8 năm liên tiếp giữ vững vị trí TOP 1 thị phần môi giới TPCP trên sàn HNX.

Tháng 11/2021, BSC chuyển trụ sở mới, mang tới cho khách hàng sự thuận tiện, không gian giao dịch hiện đại, nâng cao trải nghiệm khách hàng.

Giải thưởng tiêu biểu

Năm 2005:

Bộ Tài chính tặng bằng khen về việc tổ chức bán đấu giá thành công cổ phần của Công ty Cổ phần sữa Việt Nam (Vinamilk).



Năm 2009:

Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tôn vinh là 01 trong 15 Công ty chứng khoán tiêu biểu trong gần 100 thành viên giao dịch.



Năm 2010:

Giải thưởng Công ty tư vấn chứng khoán tốt nhất do Diễn đàn kinh tế Việt Nam và báo Vietnamnet bình chọn.



Năm 2011:

Nhận Huân chương lao động hạng 3 do Nhà nước trao tặng vì sự nghiệp đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán.



Năm 2014:

- Nhận bằng khen của Bộ tài chính vì đã có những đóng góp vào thị trường chứng khoán giai đoạn 2009- 2013.
- Giải thưởng Ngân hàng Đầu tư tốt nhất Việt Nam do tạp chí Alpha South East Asia bình chọn.
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vinh danh TOP 5 Công ty chứng khoán có giá trị bán đấu giá cổ phần lớn nhất năm 2014.



Năm 2015:

- Giải thưởng Nhà thu xếp chứng khoán nợ tốt nhất Việt Nam – Tạp chí Finance Asia và Alpha South East Asia bình chọn.
- Giải thưởng Nhà thu xếp chứng khoán vốn tốt nhất Việt Nam – Tạp chí Alpha South East Asia bình chọn.
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vinh danh là Công ty chứng khoán có thương vụ IPO điển hình.



Năm 2017:

- Giải thưởng Best Investment Management 2017 do tạp chí World Finance bình chọn.
- HNX trao kỷ niệm chương Công ty chứng khoán tiêu biểu năm 2017 và Thành viên thị trường chứng khoán phái sinh đầu tiên.



Năm 2016:

- Giải thưởng Best Investment Management 2016 do tạp chí World Finance bình chọn.
- Bộ tài chính tặng bằng khen với thành tích xuất sắc trong công tác huy động vốn cho NSNN thông qua phát hành trái phiếu chính phủ, góp phần vào thành công chung của ngành, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ Tài chính – Ngân sách năm 2016.



Năm 2018:

- Giải thưởng Nhà cung cấp dịch vụ quản lý tài khoản tốt nhất Việt Nam năm 2018 do tạp chí World Finance tổ chức.
- Giải thưởng Best Securities Broker Vietnam 2018 do tạp chí CFI bình chọn.
- Top 3 hạng mục Best Overall Country Research, Top 1 hạng mục Best analyst for Automobiles & Components tại giải bình chọn Asia Money Broker Poll 2018 do tạp chí AsiaMoney/EuroMoney, dựa trên khảo sát các khách hàng tổ chức trên toàn cầu.



Năm 2020:

- Giải thưởng "Công ty chứng khoán có sản phẩm dịch vụ sáng tạo tiêu biểu" tại sự kiện Diễn đàn Dịch vụ Tài chính Việt Nam.
- Giải thưởng "Công ty chứng khoán có dịch vụ Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam năm 2020" do tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng.



Năm 2022:

- Giải thưởng "Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2022" do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng.
- Giải thưởng "Nhà phân tích xuất sắc nhất năm 2022" được trao cho ông Trần Thăng Long – Trưởng phòng Phân tích Nghiên cứu công ty BSC do Tạp chí Asiamoney trao tặng.



Năm 2019:

- Giải thưởng "Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2019" do tạp chí Ngân hàng Tài chính Toàn cầu (Global Finance and Banking) tại London – Anh quốc bình chọn.
- Top 3 Công ty chứng khoán Việt Nam trong cả 3 hạng mục của Asia Money Broker Poll 2019 – (1) Best overall research, (2) Best overall sales service và (3) Best local brokerage.



Năm 2021:

- Giải thưởng "Công ty quản lý đầu tư tốt nhất Việt Nam năm 2021" do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng.
- 06 giải thưởng do Tạp chí Asiamoney trao tặng
 - Top 1 Chuyên gia phân tích ngành xây dựng và kỹ thuật
 - Top 2 Công ty chứng khoán có dịch vụ môi giới nội địa tốt nhất
 - Top 2 Công ty chứng khoán có dịch vụ phân tích nghiên cứu tốt nhất
 - Top 2 Công ty chứng khoán có dịch vụ bán hàng tốt nhất
 - Top 2 Công ty chứng khoán có hoạt động giao dịch tốt nhất
 - Top 3 Công ty chứng khoán tiếp cận doanh nghiệp tốt nhất
- Vinh danh "TOP 100 Thương hiệu mạnh Việt Nam giai đoạn 2020 – 2021" do báo VnEconomy, Kinh tế Việt Nam và Vietnam Economic Times tổ chức.





BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2022

- 28 Kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán năm 2022
- 38 Báo cáo về các hoạt động kinh doanh của BSC năm 2022

Kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán năm 2022

1 Bức tranh vĩ mô năm 2022

1.1. Tăng trưởng kinh tế

GDP năm 2022

▲ **8.02%** tăng trưởng

Tăng trưởng kinh tế (GDP) năm 2022 tăng 8.02% (quý I tăng 5.05%; quý II tăng 7.83%; quý III tăng 13.71%; quý IV tăng 5.92%) so với năm trước do nền kinh tế được khôi phục trở lại và đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022.

Khu vực dịch vụ là mũi nhọn tăng trưởng chính của nền kinh tế trong năm 2022 với mức tăng 9.99% và đóng góp 56.65% vào tăng trưởng kinh tế. Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7.78%, đóng góp 38.24% vào tăng trưởng kinh tế. Ngành công nghiệp hồi phục khá tốt từ quý I.2022 đến quý III.2022 nhưng chậm lại rõ nét ở quý IV.2022. Tốc độ tăng trưởng chậm lại do nhu cầu tiêu dùng toàn cầu suy yếu dưới ảnh hưởng của CSTT thắt chặt. Ảnh hưởng này thể hiện khá rõ lên tốc độ tăng trưởng XNK suy yếu vào nửa cuối 2022.

Chỉ số PMI trung bình cả năm 2022 đạt 51.7 điểm. Tháng 12 cũng là tháng thứ 2 liên tiếp PMI ở dưới mức 50 điểm, cho thấy mức độ suy giảm ngành sản xuất tăng lên vào cuối năm. Nguyên nhân chủ yếu đến từ hiện trạng cầu trong nước và các khu vực xuất khẩu suy giảm khi CSTT thắt chặt khiến nền kinh tế tăng trưởng chậm lại.

1.2. Chính sách tiền tệ

Lạm phát

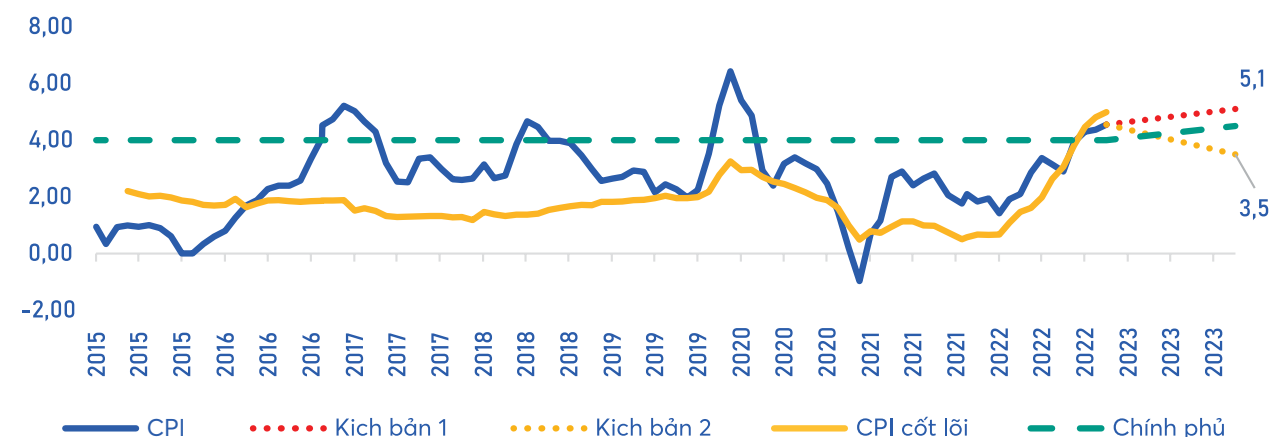
CPI năm 2022

▲ **4.55%** tăng trưởng tháng 12.2022

CPI năm 2022 tăng 4.55% YoY vào tháng 12.2022, khiến mức CPI trung bình cả năm 2022 đạt mức 3.15%.

CPI quý I duy trì ở mức thấp (+1.76% YoY) khi quý IV.2021 nền kinh tế mới mở cửa trở lại và các hoạt động kinh doanh đang trong giai đoạn hồi phục. Xu hướng hồi phục kéo dài sang quý II (+2.78% YoY) và tăng đột biến trong quý III. Mức tăng đột biến trong quý III (+3.32% YoY) đến từ hai yếu tố chính: (1) Mức nền thấp của quý III.2021 do đóng cửa kinh tế; (2) Cấu phần tiêu dùng hồi phục mạnh trở lại kéo theo giá cả của hầu hết các nhóm hàng hóa và dịch vụ gia tăng mạnh. Xu hướng tăng mạnh của giá cả hàng hóa càng thể hiện rõ hơn trong quý IV (+4.41% YoY) với mức lạm phát tăng mạnh vào cuối năm ở gần như tất cả các nhóm ngành. Chỉ có nhóm giao thông và bưu chính viễn thông có dấu hiệu suy giảm do giá xăng, dầu được điều chỉnh giảm 16 lần (Ron A95 giảm -11.12% YTD, E5 giảm -11.4% YTD) nhằm kiểm chế lạm phát và kích thích tăng trưởng kinh tế.

Diễn biến CPI qua các năm



Nguồn: GSO, BSC Research

Ngân hàng – Lãi suất

Tín dụng

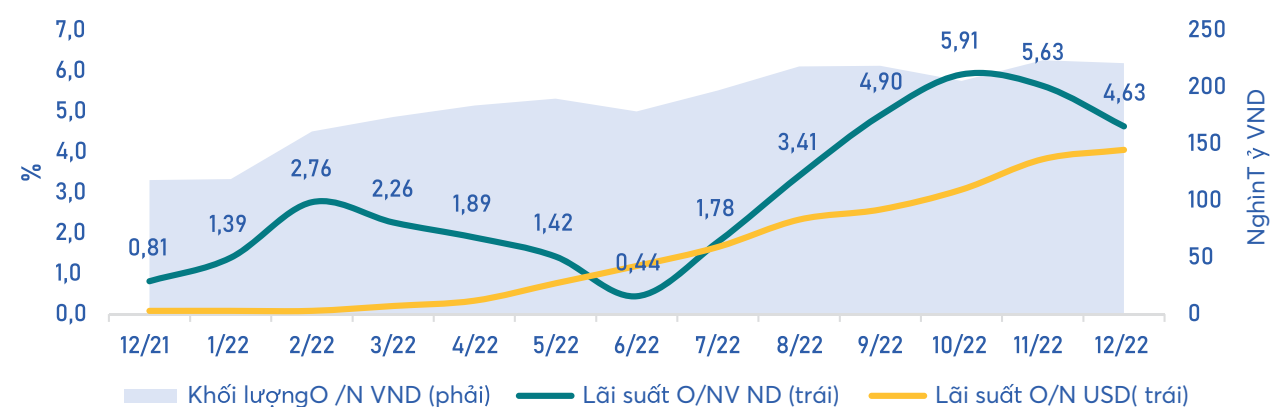
▲ **12.9%** tăng trưởng

Tín dụng tăng trưởng khoảng 12.9% so với cuối năm 2021. Tổng phương tiện thanh toán (M2) tăng 3.85% so với cuối năm 2021.

Thanh khoản hệ thống liên ngân hàng suy giảm mạnh trong năm 2022 với mức lãi suất tăng cao trước áp lực đồng USD tăng giá và tình trạng thị trường TPDN đóng băng vào nửa cuối 2022.

Trong năm qua, NHNN đã tăng lãi suất 2 lần trong tháng 9 và tháng 10 trước áp lực từ đồng USD tăng mạnh, lãi suất FED tăng cao và lạm phát toàn phần gia tăng. Lãi suất tái chiết khấu tăng từ 2.5% lên 4.5% và lãi suất tái cấp vốn tăng từ 4% lên 6%. Đồng thời, Nghị định 65/2022 thắt chặt thị trường TPDN (chủ yếu là nhóm BDS) cũng gây áp lực mạnh lên vốn đầu tư dài hạn. Từ đó, tổng phương tiện thanh toán có mức tăng chậm nhất trong lịch sử và chỉ đạt 3.85%. Mức chênh lệch giữa tổng phương tiện thanh toán cho thấy tình trạng thiếu vốn của các doanh nghiệp. Lượng giao dịch liên ngân hàng tăng mạnh trong năm 2022 bất chấp đà tăng của lãi suất cho thấy sức ép căng thẳng lên hệ thống liên ngân hàng. Tuy nhiên, áp lực đã suy giảm vào cuối năm nhờ tỷ giá đã bình ổn trở lại và Bộ tài chính cũng đưa ra một số kiến nghị liên quan đến giảm mức độ thắt chặt của ND 65/2022.

Giao dịch liên ngân hàng qua đêm



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

1.3. Chính sách tài khóa

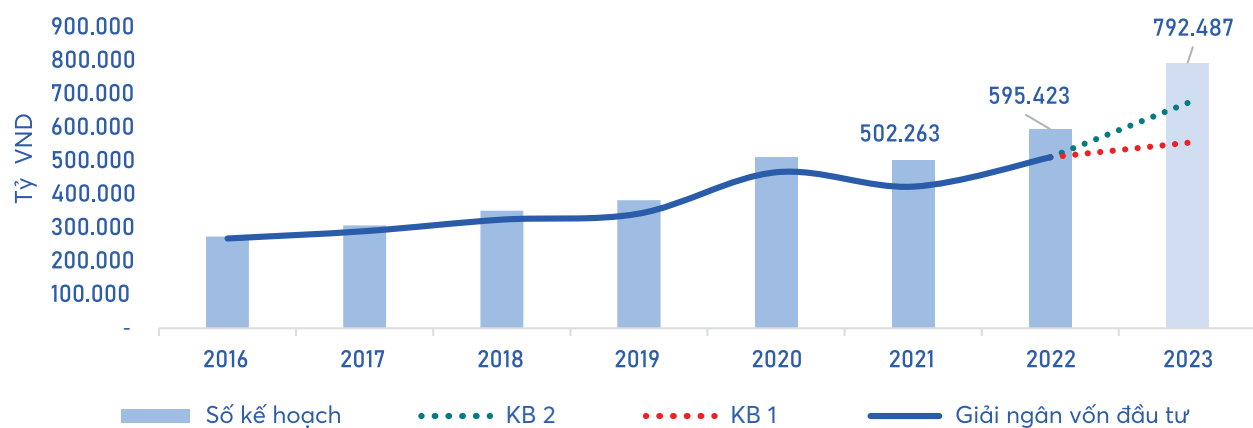
Giải ngân vốn ngân sách Nhà nước năm 2022

511,562 TỶ ĐỒNG
▲ **18.8%** YOY

Giải ngân vốn ngân sách Nhà nước năm 2022 ước tính đạt 511,562 tỷ (+18.8% YoY).

Mặc dù mức độ hoàn thành kế hoạch gần như tương đồng với năm 2021 (84%) nhưng tốc độ tăng trưởng về giá trị tuyệt đối vẫn cho thấy sự cố gắng của Chính phủ trong việc thúc đẩy đầu tư công. Tuy nhiên, tình trạng đầu tư công trong năm 2022 chậm lại do 2 yếu tố chính: (1) Đội vốn đầu tư tại 1 số dự án lớn; (2) Thủ tục liên quan đến quy hoạch cho các dự án diễn ra khá chậm.

Giải ngân vốn ngân sách Nhà nước (2016-2023)

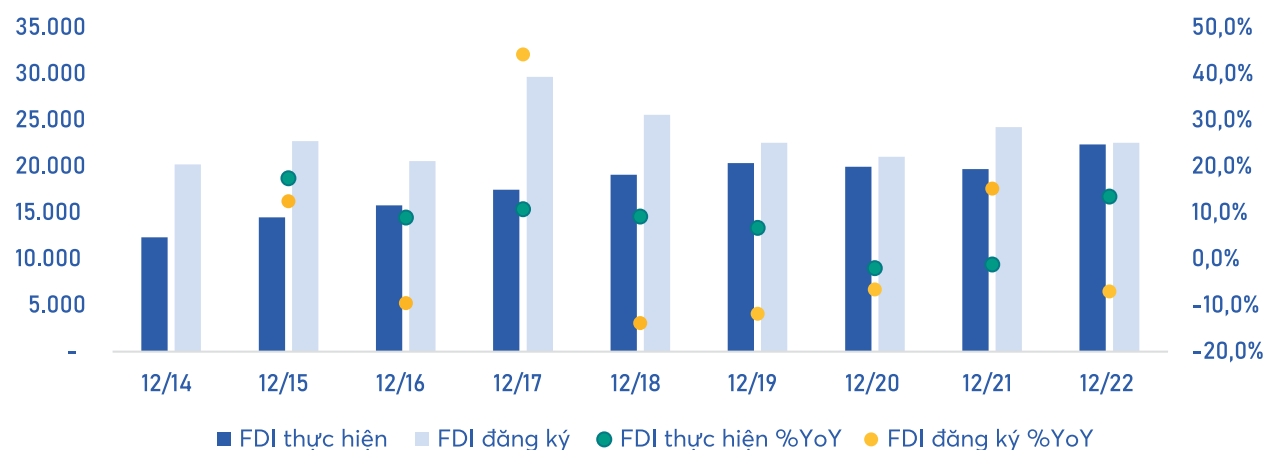


Nguồn: Bloomberg, GSO, BSC Research

1.4. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

FDI đăng ký cấp mới và tăng thêm tính đến 22/12/2022 đạt mức 22.56 tỷ USD, giảm 6.99% so với cùng kỳ năm 2021. FDI thực hiện năm 2022 ước tính đạt 22.40 tỷ USD, tăng 13.45% so với cùng kỳ năm 2021.

Tình hình vốn đầu tư FDI (triệu USD)



Nguồn: Bộ KH&ĐT, BSC Research

Về cơ cấu vốn FDI: Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với 15.19 tỷ USD, bằng 67.32% tổng số vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm. Ngành kinh doanh BĐS đạt 2.87 tỷ USD, bằng 12.74%. Ngành sản xuất, phân phối điện, khí, nước, điều hòa đạt 2.17 tỷ USD, bằng 9.62%.

Về đối tác: Singapore tiếp tục dẫn đầu với 4.62 tỷ USD, bằng 20.48% tổng số vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm. Nhật Bản đạt 4.56 tỷ USD, bằng 20.20%. Trung Quốc và Hong Kong đạt 4.42 tỷ USD, bằng 19.58%. Hàn Quốc đạt 3.94 tỷ USD, bằng 17.45%. Đan Mạch đạt 1.32 tỷ USD, tương đương 5.85%.

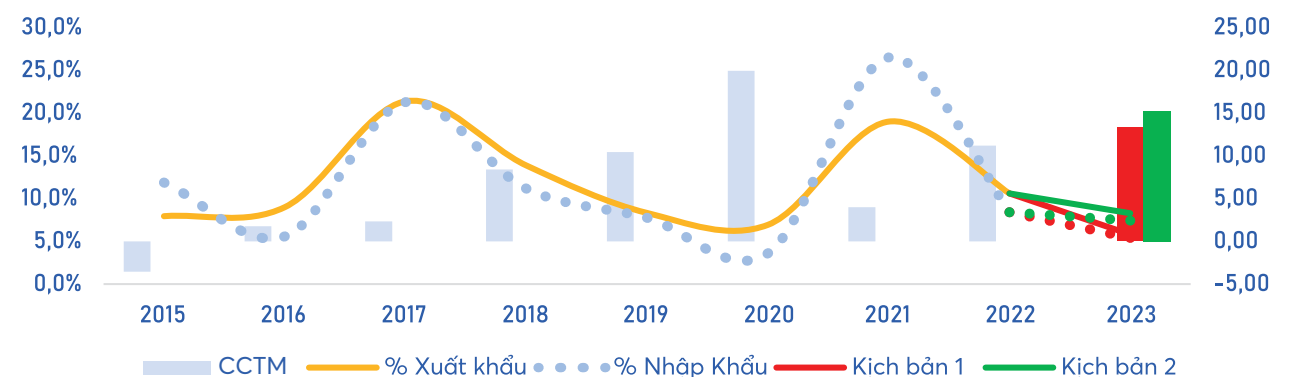
Về địa bàn: TP.Hồ Chí Minh dẫn đầu với 2.20 tỷ USD, chiếm 9.76% tổng số vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm. Bắc Ninh xếp thứ hai với 2.19 tỷ USD, tương đương 9.70%. Quảng Ninh xếp thứ ba với 2.18 tỷ USD, tương đương 9.67%.

1.5. Thương mại, xuất nhập khẩu

Năm 2022, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 371.9 tỷ USD, tăng 10.6%; nhập khẩu hàng hóa đạt 360.7 tỷ USD, tăng 8.4%.

Tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu duy trì mức tăng tốt trong quý I nhưng đã giảm tốc dần theo thời gian từ quý II đến quý IV. Nguyên nhân của hiện tượng này là do FED tăng tốc thắt chặt chính sách tiền tệ và tạo nên xu hướng tăng lãi suất của các NHTW trên thế giới. Mức độ thắt chặt như vậy đã tác động vào nhu cầu tiêu dùng của nền kinh tế và từ đó khiến số lượng đơn đặt hàng hóa xuất khẩu Việt Nam suy yếu. Đồng thời, việc Trung Quốc hạn chế giao dịch thương mại xuất nhập khẩu dưới chính sách Zero-COVID cũng khiến số lượng hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam bị suy giảm.

Diễn biến Xuất nhập khẩu qua các năm



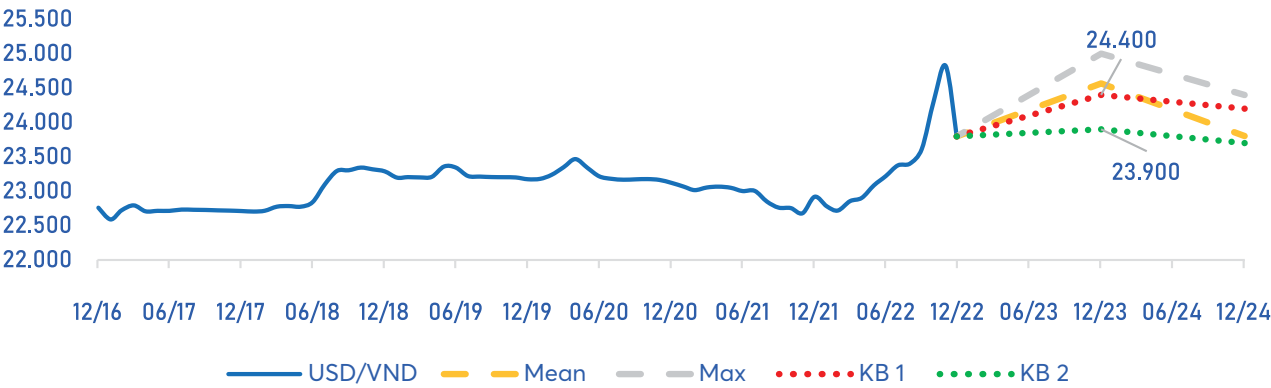
Nguồn: GSO, BSC Research

1.6. Tỷ giá USD/VND

Tỷ giá liên ngân hàng USD/VND trong năm 2022 tăng mạnh do áp lực tăng giá của đồng USD trên toàn cầu khi FED nâng lãi suất.

Tính đến ngày 30/12, tỷ giá liên ngân hàng USD/VND đạt 23,633 (+3.4% YTD). Tỷ giá USD/VND tăng mạnh do: (1) Chênh lệch lãi suất giữa USD và VND thu hẹp tạo áp lực mạnh lên thị giá VND; (2) Dự trữ ngoại hối suy giảm trong giai đoạn căng thẳng vào quý II và quý III chủ yếu do dòng vốn ngoại rút khỏi nền kinh tế Việt Nam trước áp lực gia tăng của đồng USD trên toàn cầu.

Đồ thị 14. Diễn biến tỷ giá USD/VND



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chú thích: Mean = Giá trị trung bình các tổ chức dự đoán.
Max = Giá trị lớn nhất các tổ chức dự đoán.

So sánh với các quốc gia khác, tỷ giá USD/VND vẫn khá bình ổn và thấp hơn mức trung bình của các quốc gia này. Kết quả này cho thấy sức ổn định của tỷ giá VND và làm suy giảm nỗi lo lắng về việc rút dòng vốn nóng USD khỏi nền kinh tế Việt Nam.



2 Thị trường chứng khoán Việt Nam 2022

TTCK Việt Nam đã trải qua 02 năm thăng hoa với nhiều kỷ lục được xác lập, tuy nhiên thị trường bắt đầu chứng kiến bức tranh tương phản trong năm 2022. Gam màu tiêu cực lấn át sự lạc quan kể từ tháng 4 và duy trì gần hết năm 2022. VN-Index trải qua thị "trường giá gấu" với mức sụt giảm lớn trên các phương diện: điểm số, giá trị vốn hóa thị trường, thanh khoản... đặc biệt là niềm tin của nhà đầu tư bị thử thách rất lớn trong giai đoạn này.

Sự sụt giảm mạnh đã khiến vận động của các nhóm ngành trong năm 2022 hầu hết trong trạng thái giảm điểm, tuy nhiên với sự quay trở lại mạnh mẽ của khối ngoại vào nửa cuối quý IV/2022 đã giúp chỉ số hồi phục tích cực và tạo đà tâm lý cho thị trường với triển vọng khả quan trong năm 2023.

2.1. Theo dòng sự kiện

Quý I.2022

Quý I.2022 duy trì tâm lý tích cực: VN-Index tiếp đà quán tính tăng từ giai đoạn thăng hoa trước đó tuy nhiên nhịp tăng điểm diễn ra trong biên độ hẹp và xu hướng đi ngang, đã có thời điểm VN-Index vượt ngưỡng 1,530 điểm – mốc lịch sử của TTCK Việt Nam. Tuy nhiên, xung đột địa chính trị giữa Nga – Ukraine xảy ra vào cuối tháng 2 và Fed bắt đầu tiến hành nâng lãi suất vào giữa tháng 3.2022 đánh dấu những diễn biến khó lường cho TTCK thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng trong giai đoạn còn lại của năm 2022.

Quý II.2022

Quý II.2022 chứng kiến nhịp giảm điểm sâu: thị trường chứng kiến những phiên rung lắc, giảm điểm mạnh khi tâm lý chốt lời cùng tình trạng call-margin, force-sell bắt đầu diễn ra trên thị trường khiến VN-Index mất 318.84 điểm (tương đương giảm -21.03%) trong quý II.

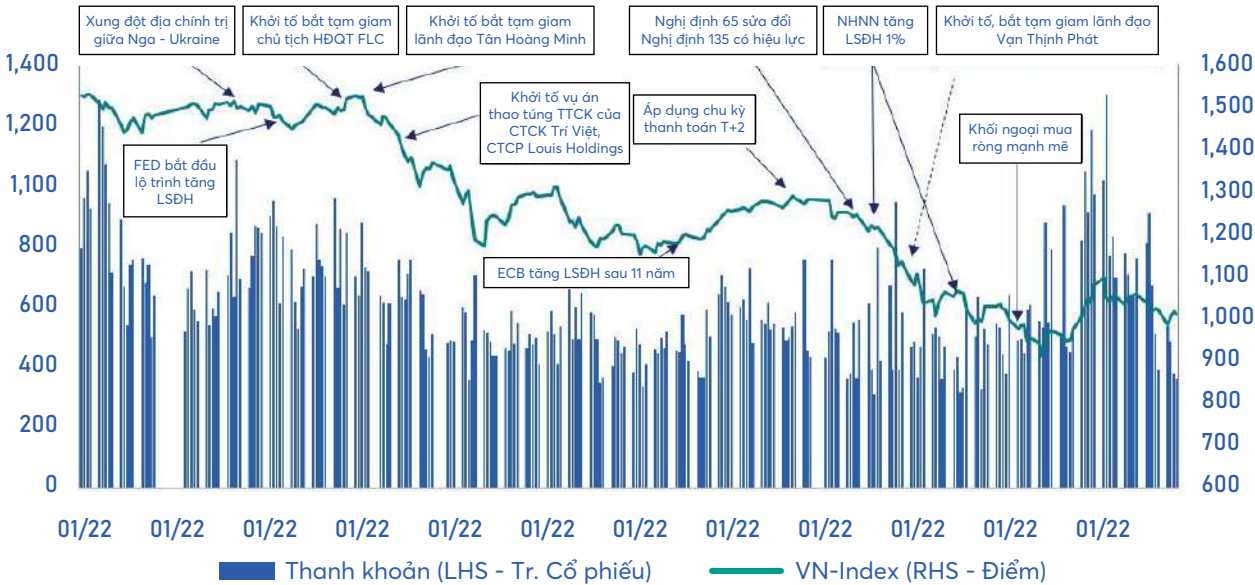
Quý III.2022

Quý III.2022 chứng kiến 2 gam màu đan xen: TTCK trong giai đoạn này chia làm 2 thời điểm khi giai đoạn phục hồi tích cực bắt đầu từ giữa tháng 7 và kéo dài cho đến hết tháng 8 - VN-Index lấy lại 139.27 điểm (tương đương mức tăng +12.11% kể từ vùng đáy) trước khi quay trở lại xu hướng giảm điểm trong tháng 9, đồng thời thiết lập vùng đáy mới trong năm 2022. Kết thúc quý 3.2022, VN-Index đóng cửa ở mức 1,132.11 điểm – giảm 24.44% so với thời điểm 31/12/2021.

Quý IV.2022

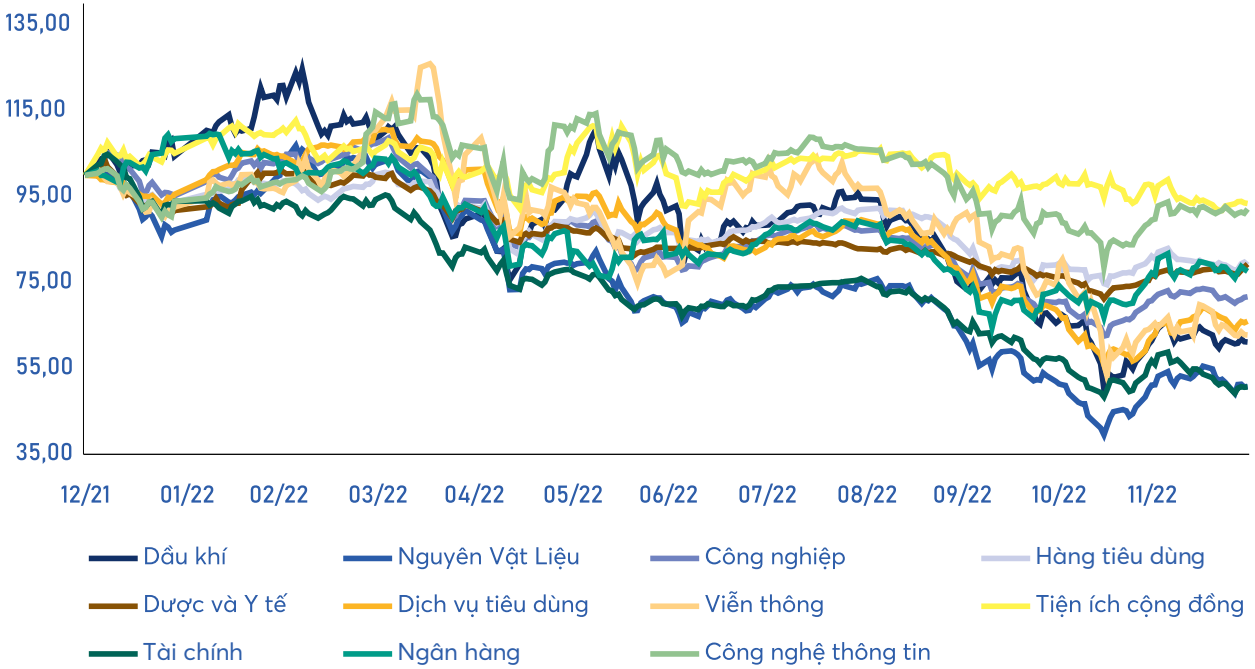
Quý IV.2022 khối ngoại trở lại mạnh mẽ cùng những tín hiệu tích cực: Tâm lý tiêu cực từ quý III tiếp tục kéo dài cho đến giữa tháng 11, VN-Index mất mốc 900 điểm và rơi xuống 873.78 điểm (tương đương mức giảm 42.69% kể từ ngày 4/4 – thời điểm VN-Index đánh dấu quá trình giảm điểm), tuy nhiên đây cũng là thời điểm chứng kiến sự mua ròng mạnh mẽ của nhóm NĐTNN, VN-Index tăng điểm ngoạn mục đồng thời đánh dấu sự hồi phục sau chuỗi giảm điểm kéo dài trước đó. Kết thúc năm 2022, VN-Index đóng cửa ở mức 1,007.09 – tương đương mức giảm -32.78% so với thời điểm 31/12/2021.

VN-Index theo dòng sự kiện



Nguồn: BSC Research

Vận động ngành cấp 1 _ ICB trong năm 2022



Nguồn: FiinPro, BSC Research

2.2. Năm của nhiều diễn biến khó lường

Năm 2022 thế giới trải qua nhiều sự kiện bất ngờ và đón nhận những quyết định mang tính bước ngoặt của các NHTW trên thế giới. Mặt khác những vấn đề nội tại của nền kinh tế Việt Nam cũng như TTCK bắt đầu bộc lộ, hành động quyết liệt của các cơ quan quản lý trong việc làm lành mạnh, thanh lọc và ổn định thị trường là điều cần thiết để TTCK có những sự tăng trưởng bền vững hơn trong tương lai – tuy nhiên điều này cũng gây ra những ảnh hưởng nhất định đến thị trường và tâm lý chung của nhà đầu tư.

VN-Index chính thức bước vào thị trường giá giảm lần thứ 5 trong lịch sử. Trong quá khứ, VN-Index đã trải qua 4 lần bước vào giai đoạn thị trường giá giảm với thời gian kéo dài lâu nhất là 26.8 tháng trong giai đoạn từ 2009-2012. Trong tháng 11, VN-Index đã có thời điểm đánh mất mốc 900 điểm và ghi nhận sự sụt giảm 42% kể từ ngày 4/4, tuy nhiên dòng tiền khối ngoại trở lại mạnh mẽ từ giữa tháng 11 và duy trì đến hết tháng 12 đã giúp chỉ số hồi phục trở lại. Kết thúc năm 2022, VN-Index ghi nhận mức giảm 32.78% so với 31/12/2021.

Quy mô vốn hóa thị trường điều chỉnh giảm theo diễn biến của thị trường. Vốn hóa thị trường đạt 238.31 tỷ USD, giảm -30.6% YoY và tương đương 58.7% GDP. Sự điều chỉnh giảm sâu của các cổ phiếu khi tâm lý tiêu cực, thận trọng chiếm xu thế chủ đạo đã khiến vốn hóa toàn thị trường điều chỉnh sau quãng thời gian thăng hoa trước đó.

Thanh khoản thị trường bắt đầu suy giảm tuy nhiên vẫn ở mức khả quan. Thanh khoản bình quân 3 sản đạt 0.86 tỷ USD, giảm 25.8% YoY tuy nhiên so với bình quân 5 năm ghi nhận tăng +99.6%. Quý I thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức tốt giúp cho việc suy giảm trong phần còn lại của năm không quá lớn, bên cạnh sự trở lại mạnh mẽ của khối ngoại trong quý IV giúp cho thanh khoản không sụt giảm nhiều. Số tài khoản mở mới đến hết tháng 11 đạt 2.48 triệu tài khoản, tăng 62.02% YoY và gần bằng số lượng tài khoản mở mới 5 năm trước đó – bao gồm năm 2021 ghi nhận mở mới 1.53 triệu tài khoản.

Nhiều sự kiện, diễn biến bất ngờ tác động tiêu cực đến TTCK. Sự kiện nhiều lãnh đạo tập đoàn, công ty có tầm ảnh hưởng trên thị trường BĐS, chứng khoán Việt Nam đã tác động tiêu cực đến tâm lý thị trường. Nhà đầu tư bị thử thách nghiêm trọng khi nhiều vụ án tham nhũng, thao túng giá cổ phiếu và nguy cơ khủng hoảng trên thị trường trái phiếu đã khiến tâm lý bán tháo lẫn át những thông tin tích cực về sự tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam. Mặt khác, xung đột địa chính trị giữa Nga-Ukraine xảy ra vào tháng 2 khiến thế giới và các NHTW bước vào cuộc đua tăng lãi suất chưa từng có – thị trường chứng khoán thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng trải qua giai đoạn giảm điểm mạnh sau diễn biến tích cực của giai đoạn 2020-2021.

Khối ngoại quay trở lại mạnh mẽ - điểm sáng cuối năm cho thị trường. Khối ngoại mua ròng 910 triệu USD trong năm 2022, trong đó mua ròng trên thị trường cổ phiếu với giá trị 1.25 tỷ USD tuy nhiên trên thị trường trái phiếu Chính phủ thứ cấp khối này bán ròng 336 triệu USD. Đặc biệt 2 tháng cuối năm 2022, NĐT nước ngoài mua ròng 30,268 tỷ đồng trên 3 sản đã giúp chỉ số hồi phục tích cực và tâm lý nhà đầu tư không quá bi quan trong bối cảnh thị trường đã giảm điểm sâu. Lực mua ròng tốt đã giúp trạng thái khối này đảo chiều sang mua ròng trong cả năm 2022 – gần tương đương giai đoạn năm 2017.



Các chỉ báo thị trường từ 2018 – 2022

Các tiêu chí	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tiêu chí chung					
- VN-Index	892.5	960.9	1,103.80	1,498.30	1,007.09
% tăng trưởng	-9.30%	7.7%	14.87%	35.74%	-32.78%
- HNX-Index	109	102.5	203.1	473.99	205.31
- UPCOM-Index	53.8	56.6	74.5	112.68	71.65
Số công ty niêm yết	1,625	1,687	1,754	1,733	1,590
% tăng trưởng	14.70%	3.82%	3.97%	-1.20%	-8.25%
- VN-Index	386	389	408	415	401
- HNX-Index	382	381	363	343	336
- UPCOM-Index	857	917	983	975	853
Số tài khoản (nghìn tài khoản)	2,180.0	2,360.0	2,710.0	4,310.2	6,797.9
% tăng trưởng	14.60%	8.26%	14.83%	59.05%	57.72%
- Tài khoản nước ngoài	28.8	32.8	34.7	39.4	42.5
- Tài khoản trong nước	2,151.20	2,327.20	2,675.30	4,270.80	6,755.40
Vốn hóa thị trường (tỷ USD)	184	190	231.5	343.6	238.31
% tăng trưởng	23.90%	3.26%	21.84%	48.42%	-30.64%
Giá trị mua bán ròng khối ngoại (triệu USD)	1,820.0	315.0	(876.0)	(2,535.6)	1,254.3
Tiêu chí thanh khoản					
GTGDBQ1/phiên 3 sàn gồm thỏa thuận (triệu USD)	282	199.8	320.1	1,165.40	846.37
% tăng trưởng	29.50%	-29.15%	60.21%	264.07%	-27.38%
Vòng quay thanh khoản TT2 (vòng quay CP3/năm)	0.5	0.4	0.68	1.3	1.08
- HSX	0.6	0.5	0.8	1.5	1.20
- HNX	1	1	1.2	2.6	1.54
- Upcom	0.1	0.2	0.2	0.4	0.42
Cổ phiếu giao dịch BQ4 trên 1 triệu USD/ngày	58	45	55	177	144
Các chỉ số cơ bản					
VN-Index					
- P/E	16.8	16.8	15.8	17.5	10.5
- P/B	2.6	2.6	2.2	2.8	1.6
HNX-Index					
- P/E	9.5	9.5	10	30.6	13
- P/B	1	1.1	1	3.1	1.16

(1) GTGDBQ: Giá trị giao dịch bình quân

(2) TT: Thị trường

(3) CP: Cổ phiếu

(4) BQ: Bình quân

Nguồn: BSC Research



Báo cáo về các hoạt động kinh doanh của BSC năm 2022

“ Kinh tế Việt Nam năm 2022 đã có những sự tăng trưởng tích cực. Tuy nhiên, trước những áp lực đến từ nền kinh tế toàn cầu, lo ngại về lạm phát và khủng hoảng kinh tế đã khiến thị trường chứng khoán trải qua một năm đầy thăng trầm và nhiều biến động khi chỉ số VN-Index giảm 35% và nằm trong top các thị trường giảm mạnh nhất thế giới. Trước thách thức đó, hoạt động kinh doanh tại BSC vẫn giữ ổn định, kiểm soát tốt rủi ro đảm bảo an toàn vốn và đạt được kết quả tốt trên nhiều khía cạnh. ”

1 Tình hình tài chính 2022

Tổng tài sản BSC cuối năm 2022 đạt 5.594 tỷ đồng, giảm 4% so với cuối năm 2021.

Bảng cân đối kế toán

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2022	31/12/2021	Thay đổi
A. Tài sản ngắn hạn	5.463.899	5.681.234	-4%
1. Tài sản tài chính	5.451.996	5.653.426	-4%
Tiền và các khoản tương đương tiền	787.865	582.976	35%
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	1.450.059	1.043.413	39%
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	211.967	671.217	-68%
Các khoản cho vay	2.959.576	3.303.210	-10%
Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	0	0	0%
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	-6.486	-9.639	-33%
Tài sản tài chính khác	42.408	62.249	-32%
2. Tài sản ngắn hạn khác	11.903	27.809	-57%
B. Tài sản dài hạn	127.188	323.498	-61%
1. Tài sản tài chính dài hạn	51.366	257.244	-80%
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	51.366	257.244	-80%
2. Tài sản cố định	25.769	15.886	62%
3. Tài sản dài hạn khác	50.052	50.368	-1%
TỔNG TÀI SẢN	5.591.087	6.004.732	-7%
C. Nợ phải trả	1.224.689	4.285.475	-71%
1. Nợ phải trả ngắn hạn	1.218.880	4.285.475	-72%
Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	929.458	2.512.393	-63%
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	0	1.127.840	-100%
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	226.458	417.368	-46%
Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	0	103.346	-100%
Nợ phải trả ngắn hạn khác	62.965	124.529	-49%
2. Nợ phải trả dài hạn	5.809	0	100%
D. Vốn chủ sở hữu	4.366.397	1.719.257	154%
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.911.466	1.218.873	221%
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	54.270	54.270	0%
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	54.270	54.270	0%
4. Lợi nhuận chưa phân phối	346.392	391.844	-12%
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	5.591,087	6.004.732	-7%

Về cơ cấu, tài sản ngắn hạn chiếm 98% tổng tài sản Công ty, đạt 5.464 tỷ đồng. Trong đó, tiền và các tài sản tương đương tiền đạt 788 tỷ đồng, tăng 36% so với cuối năm 2021; các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) đạt 1.450 tỷ đồng, tăng 39%; các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đạt 212 tỷ đồng, giảm 68%; các khoản cho vay đạt 2.960 tỷ đồng, giảm 10%. Danh mục tài sản đầu tư của BSC chiếm phần lớn là các chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu do các tổ chức tín dụng phát hành, đây đều là các tài sản có tính an toàn cao được BSC đầu tư nhằm mang lại mức chênh lệch lãi suất tốt bên cạnh mục tiêu phục vụ cho hoạt động nguồn vốn.

Về quy mô nguồn vốn, Nguồn vốn chủ sở hữu của BSC tại ngày 31/12/2022 đạt 4.366 tỷ đồng – tăng 154% so với cuối năm 2021. Tháng 9 năm 2022, BSC đã hoàn tất tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu chiến lược Hana Securities với quy mô gần 2.700 tỷ đồng. Với việc được củng cố nguồn lực tài chính, bên cạnh mở rộng quy mô các hoạt động kinh doanh, BSC cũng thực hiện cơ cấu lại các khoản nợ nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn. Tại ngày 31/12/2022, tổng nợ phải trả BSC đạt 1.225 tỷ đồng, giảm 71% so với cuối năm 2021, trong đó BSC đã trả toàn bộ 1.128 tỷ đồng dư nợ gốc trái phiếu phát hành trong năm 2021.

BSC luôn đề cao việc tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo các giới hạn trong tất cả các hoạt động kinh doanh. Việc quản lý tài sản, quản lý dòng tiền được Công ty vận hành linh hoạt song song với việc kiểm soát chặt chẽ nhằm đảm bảo tối ưu hoá lợi nhuận, đồng thời không phát sinh rủi ro thanh toán hoặc thanh khoản và đáp ứng nhu cầu của các hoạt động kinh doanh. BSC luôn chú trọng kiểm soát nhiều vòng từ các bộ phận Kiểm soát tại bước tác nghiệp, Quản trị rủi ro và rà soát của Kiểm soát nội bộ và Kiểm toán nội bộ. **Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng** (theo thông tư 91/2020/TT-BTC) được giữ ở mức cao. Tại thời điểm 31/12/2022, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của Công ty là 871%, ở vào nhóm tốt theo quy định của UBCKNN.

Hoạt động quản trị tài sản – nguồn vốn được Công ty vận hành hiệu quả, linh hoạt giữa các hoạt động kinh doanh và tập trung vào công tác quản trị rủi ro trong năm 2022.

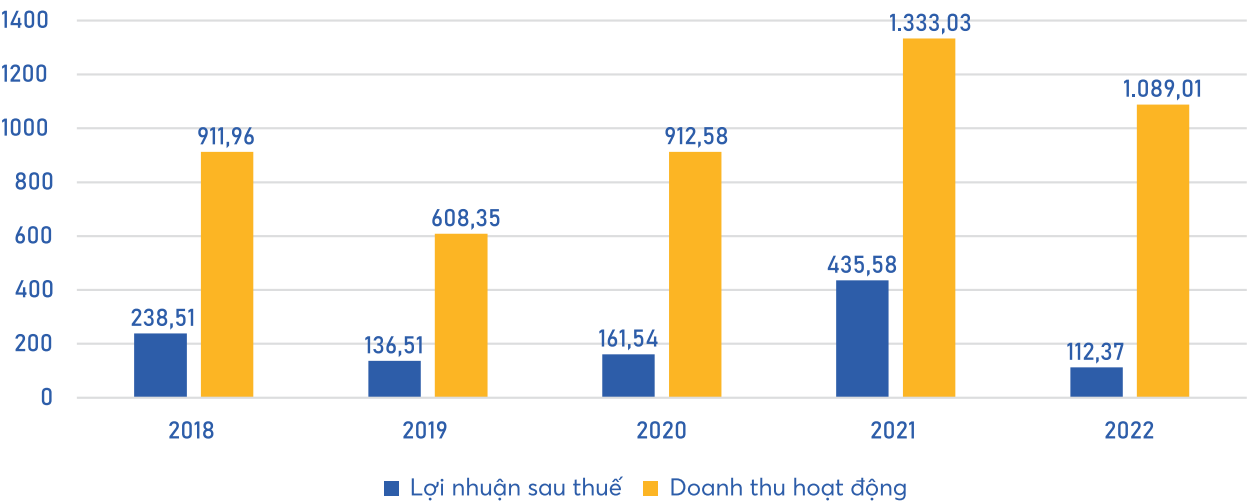
Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Thay đổi
Doanh thu hoạt động	1.089.005	1.333.025	-18%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	430.857	696.384	-38%
Lợi nhuận trước thuế	148.937	435.581	-66%
Lợi nhuận sau thuế	112.371	356.890	-69%
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	4,48	1,33	237%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,22	0,71	-69%
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,28	2,49	-89%
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu hoạt động	10,3%	26,8%	-62%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	2,57%	22,2%	-88%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2,0%	8,0%	-75%
4. Chỉ tiêu cho một đơn vị cổ phiếu			
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	811	2.719	-235%

2 Kết quả kinh doanh 2022

Năm 2022, kinh tế Việt Nam tuy đã có những sự tăng trưởng tích cực, tuy nhiên, trước những ảnh hưởng của nền kinh tế thế giới cùng những dự đoán về lạm phát và các thông tin tiêu cực trên thị trường chứng khoán đã tạo ra tâm lý thận trọng cho nhà đầu tư trong năm qua. Thị trường chứng khoán Việt Nam chứng kiến sự sụt giảm mạnh cả về thanh khoản và điểm số, tác động tiêu cực đến kết quả kinh doanh của các công ty trong lĩnh vực chứng khoán. Kết thúc năm 2022, lợi nhuận trước thuế của BSC đạt 149 tỷ đồng, tương đương 32% KHKD được ĐHCĐ giao từ đầu năm.

Kết quả kinh doanh BSC giai đoạn 2018-2022 (tỷ đồng)



Năm 2022 là một năm khó khăn của thị trường chứng khoán, nhưng đối với BSC, đây là một năm bản lề để xây dựng nền móng vững chắc tạo đà cho những bước phát triển trong tương lai. Một trong những mục tiêu chiến lược của BSC là tăng vốn, nâng cao năng lực tài chính đã được triển khai thành công trong năm 2022 thông qua phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược Hana Securities (Hàn Quốc). Đây là giao dịch M&A lớn nhất Việt Nam trong năm 2022, là tiền đề cho sự hợp tác sâu rộng và toàn diện trong mọi lĩnh vực hoạt động của BSC.

Bên cạnh đó, việc hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm và đẩy mạnh chuyển đổi số cũng là một trong những mục tiêu mà BSC luôn chú trọng. Trong năm 2022, BSC đã cho ra mắt Ứng dụng đầu tư chứng khoán thế hệ mới – BSC Smart Invest. Với việc tích hợp nhiều tính năng và công cụ tư vấn đầu tư tiện lợi và thông minh, ứng dụng BSC Smart Invest trở thành 1 công cụ đắc lực cho Nhà đầu tư khi giao dịch trên thị trường chứng khoán. Cũng với chiến lược như trên, BSC đã sớm đầu tư và chú trọng phát triển nhiều sản phẩm ứng dụng công nghệ góp phần nâng cao trải nghiệm và hiệu quả đầu tư cho khách hàng như: Trợ lý tư vấn đầu tư 24/7 iBroker, Mở tài khoản trực tuyến áp dụng công nghệ eKYC, nâng cấp các nền tảng giao dịch trực tuyến,...



2.1. Hoạt động môi giới

Doanh thu môi giới

Năm 2022, doanh thu môi giới BSC đạt 398,7 tỷ đồng, giảm 23% so với năm 2021 do thanh khoản thị trường sụt giảm mạnh (giảm 24% so với năm 2021). Tốc độ tăng trưởng doanh thu môi giới bình quân giai đoạn 5 năm 2018-2022 đạt 14,3%/năm.

Trong bối cảnh thị trường có những diễn biến chưa thuận lợi ở mảng kinh doanh, BSC định hướng đây là giai đoạn để tích cực để thực hiện công tác chuyển đổi số, hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng, tiện ích, trải nghiệm cho khách hàng.

Dư nợ margin ổn định, kiểm soát rủi ro

Trước thanh khoản thị trường năm 2022 có sự giảm mạnh, tuy nhiên, quy mô cho vay margin của BSC vẫn được duy trì ổn định ở mức 2.959 tỷ đồng, giảm 10% so với 2021.

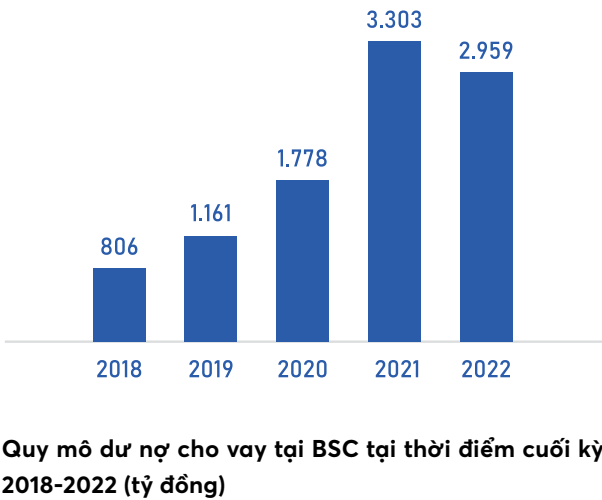
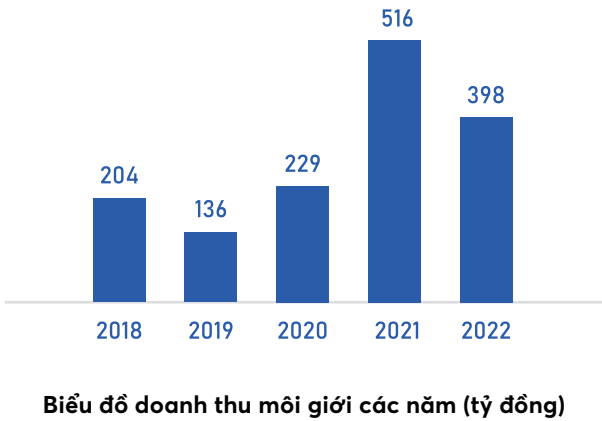
Năm 2022, VN-Index đã có thời điểm giảm hơn 40% so với mức đỉnh và nằm trong top các thị trường giảm mạnh nhất thế giới, hoạt động cho vay margin của các CTCK đứng trước nhiều rủi ro về khả năng mất vốn. Bên cạnh nhiệm vụ mở rộng quy mô cho vay để tạo lợi nhuận, BSC vẫn giữ mục tiêu kép là đẩy mạnh kiểm soát rủi ro cho hoạt động cho vay margin. BSC đã tăng cường công tác kiểm soát rủi ro theo mô hình 3 lớp phòng vệ: quản trị tại bộ phận vận hành, bộ phận quản trị rủi ro và cấp kiểm toán nội bộ. Cùng với đó, BSC triển khai đánh giá, quản lý hạn mức theo từng khách hàng, danh mục cho vay liên tục và bám sát tình hình thị trường nhằm đảm bảo an toàn vốn đồng thời vẫn giữ được tính cạnh tranh cho sản phẩm. Với việc triển khai những biện pháp quản trị rủi ro kịp thời, hoạt động cho vay tại BSC trong năm qua hoàn toàn không phát sinh nợ xấu.

Mở rộng nền tảng khách hàng

Bên cạnh hoàn thiện hệ thống sản phẩm dịch vụ, mở rộng nền tảng khách hàng cũng được BSC chú trọng.

Dịch vụ môi giới cho khách hàng cá nhân:

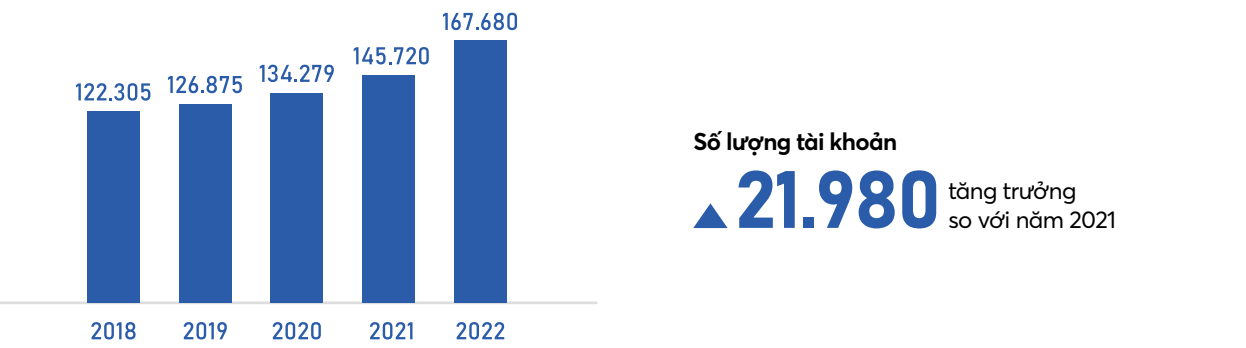
BSC liên tục nghiên cứu và chủ động điều chỉnh chính sách sản phẩm phù hợp theo mỗi phân khúc, đảm bảo tính cạnh tranh, thúc đẩy khách hàng giao dịch: Chương trình voucher miễn phí giao dịch trị giá 1.000.000 đồng cho khách hàng mới và khách hàng inactive; chương trình giảm mức phí giao dịch phái sinh chỉ từ 500đ/hợp đồng. Trong năm 2022 có gần 22 nghìn tài khoản mở mới tại BSC, nâng số lượng tài khoản quản lý lên gần 168 nghìn tài khoản, tăng 15% so với năm 2021. Với định hướng mở rộng mạng lưới giao dịch trên toàn quốc, BSC



đã thực hiện bao phủ hầu hết hệ thống chi nhánh, phòng giao dịch của BIDV để kịp thời hỗ trợ và cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

Những sản phẩm dịch vụ và chính sách khách hàng linh hoạt đã tạo niềm tin cho khách hàng tại BSC. Trong năm 2022, BSC tiếp tục giữ vững vị trí Top 9 thị phần môi giới cổ phiếu trên sàn HNX; Top 8 thị phần môi giới cổ phiếu trên sàn UPCoM và Top 10 thị phần môi giới chứng khoán phái sinh.

Số lượng tài khoản giao dịch giai đoạn 2018-2022



Dịch vụ môi giới khách hàng tổ chức:

Nền tảng khách hàng tổ chức giao dịch qua BSC tiếp tục được chú trọng mở rộng, tiêu biểu là các quỹ lớn trên thị trường như SSIAM, Vinacapital, DCVFM, IPAAM, KIM,...

Đối với mảng môi giới trái phiếu, BSC tiếp tục phát huy và khẳng định vị thế nhà môi giới trái phiếu chính phủ, thể hiện chất lượng dịch vụ ổn định, chuyên nghiệp cũng như sự tín nhiệm cao với các đối tác là các Ngân hàng thương mại, công ty bảo hiểm. BSC tiếp tục phát huy và giữ vững vị thế top đầu thị trường, và được Bộ Tài Chính vinh danh Top 1 Nhà tạo lập thị trường công cụ nợ của chính phủ; SGDCK Hà Nội (HNX) vinh danh Top 2 thành viên đầu thầu TPCP, và Top 3 thành viên giao dịch Môi giới giao dịch TPCP.

Đẩy mạnh chuyển đổi số và nâng cấp nền tảng công nghệ

Không chỉ tập trung vào công tác xây dựng chính sách về giá cho khách hàng, BSC còn tập trung vào công tác chuyển đổi số và tích hợp nhiều tính năng, tiện ích trên các nền tảng trực tuyến để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.



Ra mắt ứng dụng giao dịch qua điện thoại BSC Smart Invest: tích hợp giao dịch chứng khoán cơ sở và chứng khoán phái sinh, cung cấp khuyến nghị kịp thời và tăng cường tính bảo mật thông qua SmartOTP hoặc SMS-OTP.



Nâng cấp sản phẩm i-Invest – sản phẩm đầu tư của tương lai: Bên cạnh tính năng khuyến nghị đầu tư theo danh mục, năm 2022, BSC xây dựng thêm tính năng đầu tư tự động theo tháng, hướng đến sản phẩm đầu tư tích sản, mang lại lợi nhuận đầu tư lâu dài cho khách hàng.



Zalo Official Account: trong năm 2022, BSC phát triển tính năng gửi tin nhắn khuyến nghị tự động cho khách hàng dựa trên nền tảng khuyến nghị i-Broker giúp khách hàng cập nhật thông tin và có thêm nguồn tham khảo đầu tư.

Nâng cao chất lượng tư vấn

Với uy tín 23 năm trên thị trường, chất lượng báo cáo tư vấn phục vụ khách hàng cá nhân và tổ chức luôn được BSC chú trọng. Bằng đội ngũ có sự đa dạng về kiến thức, kinh nghiệm và có sự am hiểu thị trường, Trong năm 2022, BSC đã thực hiện 389 báo cáo phân tích gồm 248 bản tin hàng ngày, 67 báo cáo doanh nghiệp, 2 báo cáo chuyên đề, 50 báo cáo tuần, 13 báo cáo Vĩ mô tháng, 9 báo cáo Ngành lớn và được dịch ra Tiếng Anh và Tiếng Nhật nhằm liên tục cập nhật các thông tin, tìm kiếm các mã cổ phiếu tốt khuyến nghị cho Nhà đầu tư.

Bên cạnh những đóng góp về các báo cáo cập nhật tin tức nhanh chóng và kịp thời đến khách hàng, BSC cũng được thị trường ghi nhận, đánh giá cao về chất lượng dịch vụ và nhận được nhiều giải thưởng danh giá do các Tạp chí tài chính lớn, uy tín trên thế giới:



2.2. Tư vấn tài chính

Đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa nguồn thu

Trong năm 2022, thị trường phát hành trái phiếu riêng lẻ gần như đóng băng do các sự kiện liên quan đến vi phạm quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Bên cạnh những khó khăn của doanh nghiệp trong việc phát hành mới trái phiếu, những quy định chặt chẽ của Nghị định 65/2022/NĐ-CP cũng gây những trở ngại nhất định cho các nhà đầu tư cá nhân. Do đó, hoạt động Tư vấn tài chính của BSC cũng bị ảnh hưởng bởi tình hình chung của thị trường. Doanh thu hoạt động Tư vấn tài chính năm 2022 đạt 17.2 tỷ đồng. Bên cạnh các sản phẩm đang cung cấp, năm 2022 BSC cũng triển khai kết nối sâu hơn với khách hàng cũ và tích cực tìm kiếm, mở rộng khách hàng trong nước và quốc tế.

2.3. Đầu tư & kinh doanh nguồn vốn

Điều tiết và sử dụng vốn an toàn, nâng cao công tác quản trị rủi ro.

Trong năm 2022, trước biến động trên thị trường, BSC tập trung cơ cấu lại danh mục, hạ tỷ trọng danh mục đầu tư và chuyển hướng sang mảng dịch vụ với tỷ suất lợi nhuận cố định nhằm mang lại nguồn thu ổn định. Năm 2022, lợi nhuận từ các tài sản ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) và các tài sản nắm giữ tới ngày đáo hạn (HTM) đạt 17.2 tỷ đồng.

Hoạt động đầu tư bao gồm 02 mảng chính:

Đầu tư cổ phiếu và sản phẩm cấu trúc: Trước diễn biến bất lợi trên thị trường, BSC tập trung cơ cấu lại danh mục, đẩy mạnh các biện pháp quản trị rủi ro, giảm đầu tư trên sàn và chuyển hướng sang các mảng dịch vụ tài chính, thực hiện tốt vai trò tạo lập thị trường (market maker) cho quỹ hoán đổi danh mục (ETF), phát hành chứng quyền có bảo đảm (CW) nhằm đa dạng sản phẩm, đa dạng hóa nguồn thu ổn định và hiệu quả.

Đầu tư trái phiếu và các giấy tờ có giá khác: Trong năm 2022, các hoạt động kinh doanh trái phiếu và các giấy tờ có giá khác chịu nhiều áp lực từ các thay đổi tỷ giá, lãi suất và áp lực thanh khoản của hệ thống ngân hàng, đặc biệt từ Quý 2/2022. Bên cạnh đó, những sự kiện trên thị trường TPDN đã ảnh hưởng kém tích cực đến các hoạt động đầu tư và kinh doanh dịch vụ liên quan tới TPDN. Bên cạnh đầu tư hưởng chênh lệch lãi suất, các trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi đều là các tài sản có tính an toàn cao được BSC đầu tư nhằm mục tiêu phục vụ cho hoạt động nguồn vốn, đáp ứng đầy đủ, kịp thời và hiệu quả cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.



BSC

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2023

48 Môi trường kinh doanh năm 2023

52 Định hướng kinh doanh của BSC năm 2023

Môi trường kinh doanh năm 2023

1 Triển vọng vĩ mô năm 2023

Sau hai năm 2020 và 2021 chịu ảnh hưởng nghiêm trọng bởi đại dịch COVID-19, nền kinh tế toàn cầu trong năm 2022 tiếp tục trải qua nhiều thử thách. Những ảnh hưởng từ thế giới tác động không nhỏ đến vĩ mô và thị trường chứng khoán năm 2023. Trong đó, 2 yếu tố ảnh hưởng lớn đến kinh tế vĩ mô và TTCK Việt Nam gồm: (1) Tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại và sự mở cửa trở lại của Trung Quốc; (2) Thanh khoản hệ thống & thị trường TPDN có dấu hiệu căng thẳng từ nửa cuối 2022.

Dự báo về các chỉ tiêu vĩ mô chính của Việt Nam trong năm 2023:

1.1. Tăng trưởng kinh tế

GDP ước tính đạt 6.2% (Kịch bản 1) - 6.7% (Kịch bản 2). Các yếu tố tác động tới GDP năm 2023:

Chính sách tài khóa mở rộng: (1) Chính sách tài khóa cao nhất trong lịch sử với con số đạt 792 nghìn tỷ đồng (bao gồm đầu tư công từ gói kích thích kinh tế) (2) Tốc độ giải ngân có thể đạt mức cao khi các dự án tuyến đường Bắc - Nam đã đến giai đoạn đấu thầu vào cuối năm 2022.

Tăng trưởng xuất nhập khẩu suy yếu do tăng trưởng kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ suy giảm so với năm 2022.

Chính sách tiền tệ: (1) Có thể tăng lãi suất thêm từ 0.5-1% khi FED duy trì mức lãi suất cao tại 5.1% (2) Lạm phát trong nước tiếp tục chịu thách thức trong năm 2023 bởi áp lực tăng giá hàng hóa khởi đầu từ nửa cuối năm 2022.

Tỷ giá USD/VND ổn định: (1) Chênh lệch lãi suất nằm ở mức hợp lý làm giảm thiểu lượng tiền ngoại tệ nóng rút khỏi nền kinh tế Việt Nam. (2) Việc Trung Quốc mở cửa trở lại kéo theo tăng trưởng của ngành du lịch và kéo theo dòng ngoại tệ chảy vào Việt Nam.

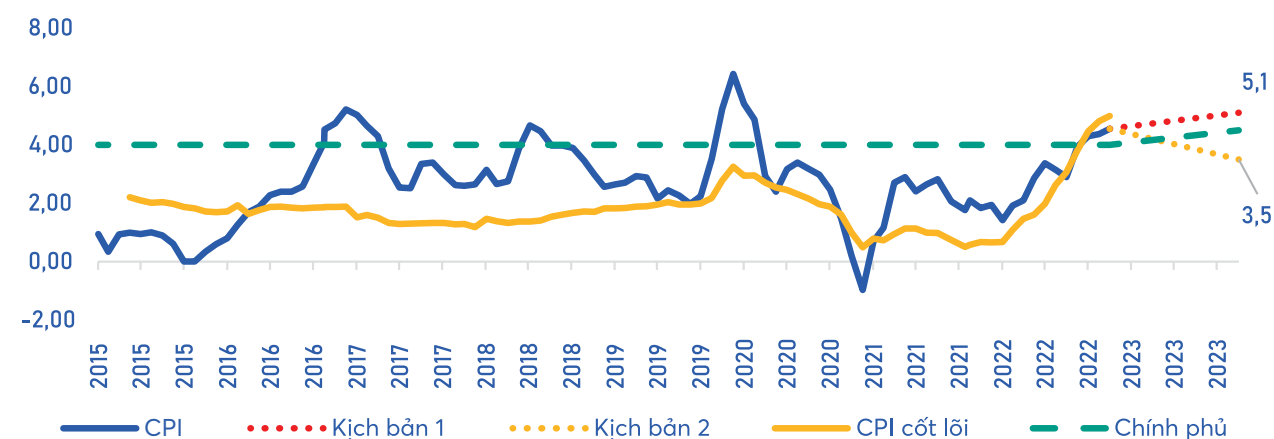
Các chỉ báo vĩ mô qua các năm và dự báo cho năm 2023

Tiêu chí/năm	2018	2019	2020	2021	2022	2023F	
						KB1	KB2
GDP YoY (%)	7.08	7.02	2.91	2.58	8.02	6.2	6.7
Lạm phát YoY (%)	2.98	5.3	0.2	1.81	4.55	5.1	3.5
Xuất khẩu (tỷ USD)	243.5	263.45	281.5	336.25	371.5	393.4	402.6
Nhập khẩu (tỷ USD)	236.7	253.51	262.4	332.25	360.3	380.1	387.4
Cán cân thương mại (tỷ USD)	6.8	9.9	19.1	4.0	11.2	13.3	15.2
Tỷ giá (VND/USD)	23,355	23,229	23,229	22,920	23,480	24,400	23,900
Nợ công/GDP (%)	58.4	57.4	56.8	43.7		-	-
Nợ Chính phủ/GDP (%)	50	49.9	50.8	39.5		-	-
Giải ngân vốn ngân sách	324,906	342,948	466,597	423,647	511,562	-	-
Tăng trưởng tín dụng (%)	14	13	12	13	13	8%	14%
FDI đăng ký (tỷ USD)	25.57	22.5	21.1	24.3	22.5	-	-
FDI giải ngân (tỷ USD)	19.1	20.4	20	19.9	22.4	24.8	27.0

1.2. Chỉ số CPI

CPI cuối năm 2023 ước tính đạt 5.1% ở KB 1 và 3.5% ở KB 2.

Diễn biến CPI qua các năm



CPI cuối năm 2023 sẽ bị ảnh hưởng bởi các yếu tố sau:



Giá dầu dao động trong khoảng từ 82-96 USD/thùng: Giá dầu được dự báo đi ngang và suy giảm do hai yếu tố sau: (1) Kinh tế thế giới giảm tốc kéo theo nguồn cầu dầu thế giới tăng suy giảm. (2) OPEC+ không tăng sản lượng dầu mỏ và có thể cắt giảm nếu giá dầu xuống quá thấp khi sản lượng dầu mỏ đang ở vùng đỉnh.



Giá heo ước tính nằm trong khoảng từ 60,000-80,000 VND/kg khi áp lực lạm phát gia tăng và nhu cầu tiêu dùng tăng trưởng.



Áp lực lạm phát tăng mạnh. Áp lực lạm phát đã khá rõ nét khi CPI cốt lõi vượt lên CPI toàn phần với mức tăng trung bình 0.4%/tháng, là mức cao nhất trong 10 năm trở lại đây. Hiện tượng này cho thấy rõ xu hướng tăng giá đã lan tỏa ra các nhóm hàng hóa cơ bản của nền kinh tế. Tuy nhiên, tác động của việc thắt chặt CSTT của NHNN sẽ phần nào kiểm chế được đà tăng này vào quý II.2023.

1.3. Tỷ giá USD/VND

Xét về nguồn cung ngoại hối cho năm 2023, dự trữ ngoại hối vẫn sẽ duy trì trạng thái dồi dào dựa trên 3 yếu tố sau:

- Tình trạng xuất siêu dự tính sẽ tiếp tục trong năm 2023 khi các yếu tố vĩ mô vẫn đang ủng hộ xu hướng xuất siêu của Việt Nam. Theo tính toán BSC, con số này ước tính đạt 13-15 tỷ đô.
- Nguồn kiều hối ước tính có tốc độ tăng trưởng trung bình 3 năm ở mức 4.4% và đạt 19.7 tỷ USD vào năm 2023.
- Ngân hàng Nhà nước duy trì chính sách điều hành tỷ giá ổn định và có thể mua lại đồng USD nếu có các điều kiện thuận lợi như lạm phát kiểm soát và chỉ số Dollar Index điều chỉnh sau chu kỳ tăng mạnh năm 2022.

Dự báo 02 kịch bản về tỷ giá liên ngân hàng:

- **KB 1: 24,400 USD/VND (+3.2% YTD).** Trường hợp này xảy ra khi FED tăng lãi suất vượt lên 5.25% cùng với lạm phát Việt Nam ở mức 5.1% và tốc độ hồi phục của ngành du lịch, lữ hành chậm.
- **KB 2: 23,900 USD/VND (+1.1% YTD).** Trường hợp này xảy ra khi FED duy trì lãi suất tại mức 5.25% cùng với lạm phát Việt Nam ở dưới mức 4.5% và tốc độ hồi phục của ngành du lịch, lữ hành nhanh.

2 Triển vọng thị trường chứng khoán năm 2023

Kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2023 đối diện với nhiều thách thức khi suy thoái kinh tế nhiều khả năng sẽ xảy ra. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn là quốc gia được nhiều tổ chức uy tín nhận định là điểm đến đầu tư lý tưởng với mức tăng trưởng tốt, cùng với sự quyết tâm của Chính phủ trong việc thực thi các chính sách, giải pháp nhằm tháo gỡ những khó khăn cho thị trường, bên cạnh áp lực về điều hành tỷ giá, lãi suất của NHNN phần nào đã được giảm bớt vào cuối năm sẽ là những yếu tố nâng đỡ, tạo đà trong năm 2023.

Các yếu tố ảnh hưởng đến TTCK trong năm 2023

STT	Nội dung	Tác động	Chiều hướng tác động
1 Môi trường kinh tế	Cơ cấu dân số, thu nhập, tầng lớp trung lưu và đô thị hóa		Dài hạn
	Tăng trưởng tốt nhờ chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế, tham gia chuỗi sản xuất và hội nhập thế giới		Trung và dài hạn
	Hoàn thiện Luật Đất đai, Luật Bất động sản, Luật Nhà ở, Luật Chứng khoán...		Gỡ rào cản, hỗ trợ doanh nghiệp, thu hút những dòng vốn mới
	Môi trường lãi suất cao, hoạt động SXKD1, xuất khẩu bị thu hẹp, tình trạng thất nghiệp có nguy cơ gia tăng, lạm phát kỷ vọng cao		Tác động đến HĐKD2 của doanh nghiệp, ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng kinh tế
2 Nội tại thị trường	Minh bạch, lành mạnh hóa môi trường kinh doanh, bảo vệ quyền lợi của các thành phần tham gia kinh tế một cách đầy đủ		Cải thiện chất lượng, minh bạch, cải thiện quy tắc ứng xử, gây dựng niềm tin cho thị trường
	Nhiều cổ phiếu cơ bản tốt đang có mức định giá thấp trong nhiều năm		Định giá thị trường, thu hút dòng tiền dài hạn
	Kiện toàn lại tổ chức, điều chỉnh các quy định để nỗ lực nâng hạng TTCK giai đoạn 2023-2024 (FTSE) và giai đoạn 2024-2025 (MSCI)		Hội nhập quốc tế, cải thiện chất lượng, quy mô, tính chuyên nghiệp trên thị trường.
	Nhà đầu tư cá nhân gia tăng cả về số lượng, chất lượng bên cạnh sự trở lại của nhóm nhà đầu tư nước ngoài		Tăng độ hấp dẫn TTCK Việt Nam
3 Các dòng vốn	Lộ trình cổ phần hóa, thoái vốn theo Quyết định 1479/QĐ-TTg ngày 29/11 sớm được triển khai, hiện thực hóa		Mở rộng quy mô thị trường, hàng hóa chất lượng đồng thời tăng nguồn cung trên thị trường
	Chính phủ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công, chính sách hỗ trợ từ Gói Phục hồi Phát triển kinh tế-xã hội		Ảnh hưởng tích cực dòng tiền và hiệu quả doanh nghiệp tại lĩnh vực liên quan
	Sự vận động của dòng vốn đầu tư toàn cầu	...	Cân bằng trở lại sau khi đã rút ròng trong môi trường lãi suất cao
	Xu hướng tích lũy, đầu tư tiếp tục phát triển và tầng lớp trung lưu ngày một gia tăng	...	Thu hút thêm dòng tiền tham gia các kênh đầu tư
4 Các vấn đề khác	Tỷ giá USD/VND duy trì ổn định	...	Định giá thị trường và thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài
	Các hiệp định thương mại song phương và đa phương		Hội nhập sâu rộng với thế giới
	Các vấn đề địa chính trị khu vực	...	Tiềm ẩn bất ổn định
5 Kinh tế thế giới	Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới 2023 suy giảm, một số nước chính thức bước vào suy thoái		Ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng và thương mại thế giới
	Trung Quốc gỡ bỏ các quy định chặt chẽ chống COVID, từng bước khôi phục lại hoạt động SXKD		Ảnh hưởng cho tăng trưởng toàn cầu và khu vực
	FED và các NHTW lớn dự kiến sẽ giảm nhịp độ nâng lãi suất tuy nhiên vẫn duy trì ở mức cao		Ảnh hưởng đến tính hấp dẫn của TTCK và dòng vốn ngoại
	Giá cả hàng hóa còn nhiều tiềm ẩn gây biến động mạnh		Lạm phát tăng cao, ảnh hưởng tốc độ ổn định và hạ lãi suất
	Các vấn đề địa chính trị		Tiềm ẩn bất ổn định

(1) SXKD: Sản xuất kinh doanh
(2) HĐKD: Hoạt động kinh doanh

Định hướng kinh doanh của BSC năm 2023

1 Mục tiêu nhiệm vụ năm 2023

- (1) **Cải thiện chất lượng tổng thể** các mảng kinh doanh trên cơ sở quản trị rủi ro, tạo nền tảng và nguồn lực vững mạnh để nắm bắt cơ hội kinh doanh khi thị trường phục hồi.
- (2) **Nâng cao vị thế và thứ hạng**, phấn đấu quay trở lại top 10 thị phần môi giới cổ phiếu.
- (3) **Chuyển đổi số**, tích hợp sâu vào từng hoạt động tại BSC, gắn liền với các sản phẩm dịch vụ và quy trình vận hành.
- (4) **Tìm kiếm cơ hội kinh doanh mới** trên cơ sở hợp tác với cổ đông chiến lược Hana Securities (phát triển các mảng kinh doanh fintech, quản lý tài sản,...).
- (5) **Hoàn thiện công tác tổ chức nhân sự, tiền lương** theo hướng tinh gọn và gắn với hiệu suất công việc, mang tính cạnh tranh trên thị trường.

2 Kế hoạch hành động năm 2023

Trong bối cảnh thị trường diễn biến khó lường trong năm 2023, để đạt được mục tiêu chiến lược dài hạn, các nhóm kế hoạch hành động năm 2023 được xây dựng nhằm tận dụng và phát duy các sức mạnh nội tại, khắc phục các nhược điểm, thích nghi với các điều kiện thị trường để bứt phá và hoàn thành Kế hoạch kinh doanh được giao.

Kế hoạch hành động 2023 đối với từng nhóm giải pháp như sau:

2.1. Các giải pháp thúc đẩy hoạt động kinh doanh của công ty



Đẩy mạnh phát triển và chăm sóc khách hàng: Nâng cấp các tiện ích giao dịch, các công cụ tư vấn trực tuyến (Zalo Official, i-Invest, i-Broker) nhằm nâng cao chất lượng tư vấn cho khách hàng. Phát triển nhóm khách hàng VIP, khách hàng nước ngoài thông qua hợp tác với cổ đông lớn (BIDV, Hana Securities).



Hệ sinh thái và chính sách sản phẩm: Cung cấp hệ sinh thái sản phẩm toàn diện và đa dạng các kênh bán hàng; Liên tục rà soát, cập nhật chính sách sản phẩm phù hợp với từng phân khúc khách hàng mục tiêu; Ứng dụng công nghệ trong phát triển sản phẩm dịch vụ, trong tác nghiệp và quản trị.



Cung cấp các sản phẩm theo chuỗi: BSC cần tạo ra lợi thế cạnh tranh trong việc triển khai các giao dịch cấu trúc tài chính, cung cấp các sản phẩm phức hợp, chuỗi dịch vụ nhằm tạo giá trị gia tăng khác biệt trên thị trường.



Đẩy mạnh hoạt động Tư vấn tài chính: Định vị và xây dựng bản đồ khách hàng; cung cấp đa dạng các sản phẩm tư vấn tài chính cao cấp trên cả thị trường vốn và thị trường nợ; Mở rộng mạng lưới khách hàng qua việc bán chéo sản phẩm dịch vụ với khách hàng của BIDV, Hana Securities.



Hoạt động đầu tư: Tiếp tục bám sát thị trường, nắm bắt các cơ hội kinh doanh trên cơ sở kiểm soát rủi ro, đảm bảo an toàn vốn; Hoạt động kinh doanh nguồn đảm bảo thanh khoản và tối ưu hóa nguồn tiền nhàn rỗi.



Đẩy mạnh và phát triển nghiệp vụ Marketing: Xây dựng Chiến lược truyền thông phù hợp với từng phân khúc khách hàng với từng sản phẩm dịch vụ; Truyền thông nhận diện thương hiệu, vinh danh thương hiệu BSC trong các giải thưởng quốc tế, các chương trình vì cộng đồng; Đẩy mạnh Digital Marketing thúc đẩy doanh số sản phẩm.

2.2. Các công tác quản trị điều hành



Hoàn thiện cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của các phòng ban minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hòa với lợi ích của bên liên quan.



Xây dựng chiến lược quản trị rủi ro, khẩu vị rủi ro phù hợp với định hướng hoạt động, áp dụng nguyên tắc quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế.



Củng cố, nâng cao kỷ luật lao động, tính tuân thủ quy trình, quy chế trong các hoạt động.



2.3. Các công tác hoàn thiện hệ thống



Mô hình tổ chức và cơ chế chi trả thu nhập: Nâng cao sức mạnh thể chế thông qua hoàn thiện mô hình tổ chức và chính sách động lực. Thực hiện rà soát, cải tiến đồng bộ hệ thống chính sách nhân sự, chính sách động lực gắn với thực tiễn và tạo động lực thúc đẩy hiệu quả kinh doanh, đảm bảo công bằng và thu nhập.



Phát triển đội ngũ: Tăng cường đào tạo nhân sự nhằm phát triển và bồi dưỡng nguồn nhân lực, sẵn sàng cho sự đổi mới và sáng tạo.



Đầu tư và nâng cấp hệ thống Công nghệ thông tin: Phát triển đa dạng các tính năng cho các sản phẩm công nghệ đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Đầu tư, nâng cấp hệ thống giao dịch, tích hợp các công cụ phân tích và tư vấn đầu tư, đảm bảo hoạt động ổn định và kiểm soát các lỗi phát sinh.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 58 Thông tin cổ đông
- 60 Cơ cấu tổ chức quản trị
- 71 Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2022
- 80 Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát
- 82 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Thông tin cổ đông

Thông tin cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư Và Phát triển Việt Nam tại ngày 30/12/2022:

1 Thông tin Cổ phần

Tổng số cổ phần BSI: **187.800.120**

Số lượng cổ phiếu quỹ: **499.460**

Loại cổ phần đang lưu hành: Phổ thông

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: **187.300.660**

Mệnh giá cổ phần: **10.000** đồng/cổ phiếu

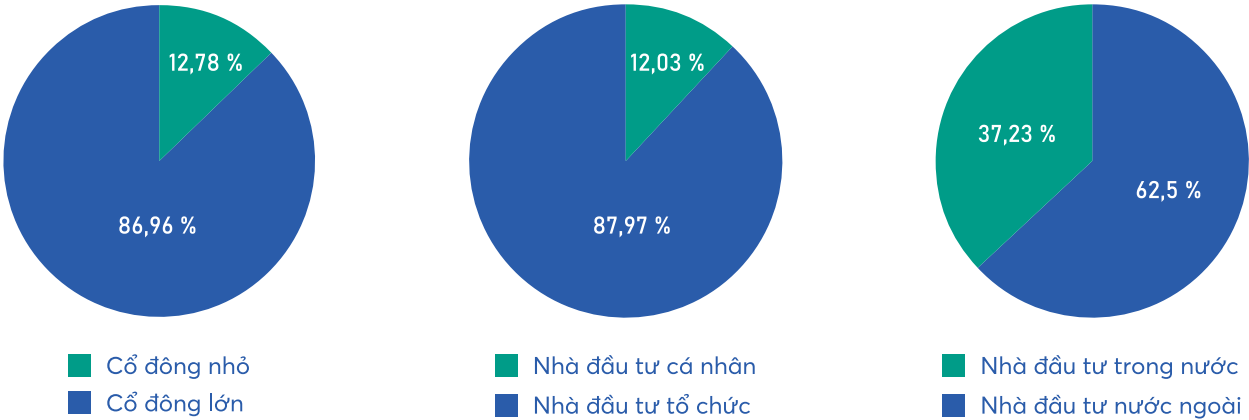
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: **65.730.042**

STT	Tên cổ đông	Số GCNĐKKD/CMND	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %/Vốn điều lệ
1	Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	0100150619	Tháp BIDV, Số 194 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	97.579.039	51,96%
2	Hana Securities CO., LTD	CB1827	82, Uisadang-daero, Youngdeungpo-gu, Seoul	65.730.042	35.0%

2 Cơ cấu cổ đông

Tiêu chí	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông lớn vs cổ đông nhỏ			
Cổ đông nhỏ	5.285	23.991.579	12,78%
Cổ đông lớn	2	163.309.081	86,96%
Cổ đông tổ chức vs cá nhân			
Nhà đầu tư trong nước	5.160	117.376.985	62,50%
Nhà đầu tư nước ngoài	127	69.923.675	37,23%
Cổ đông nhà nước vs cổ đông khác			
Cổ đông nhà nước	0	0	0,00%
Cổ đông khác	5287	187.300.660	99,73%
Cổ phiếu quỹ	1	499.460	0,27%
Tổng	5.288	187.800.120	100,00%

Nguồn: VSD, BSC tổng hợp



3 Tình hình thay đổi vốn điều lệ trong năm 2022

Vốn điều lệ đầu năm: **1.220.700.780.000** đồng

Giá trị cổ phần phát hành thêm trong năm (theo mệnh giá): **657.300.420.000** đồng

Vốn điều lệ sau phát hành: **1.878.001.200.000** đồng

Lý do thay đổi: Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược.

4 Thay đổi số lượng cổ phiếu quỹ

Số lượng cổ phiếu quỹ đầu năm 2022: **499.458** cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đã thực hiện mua lại trong năm 2022: **2** cổ phiếu

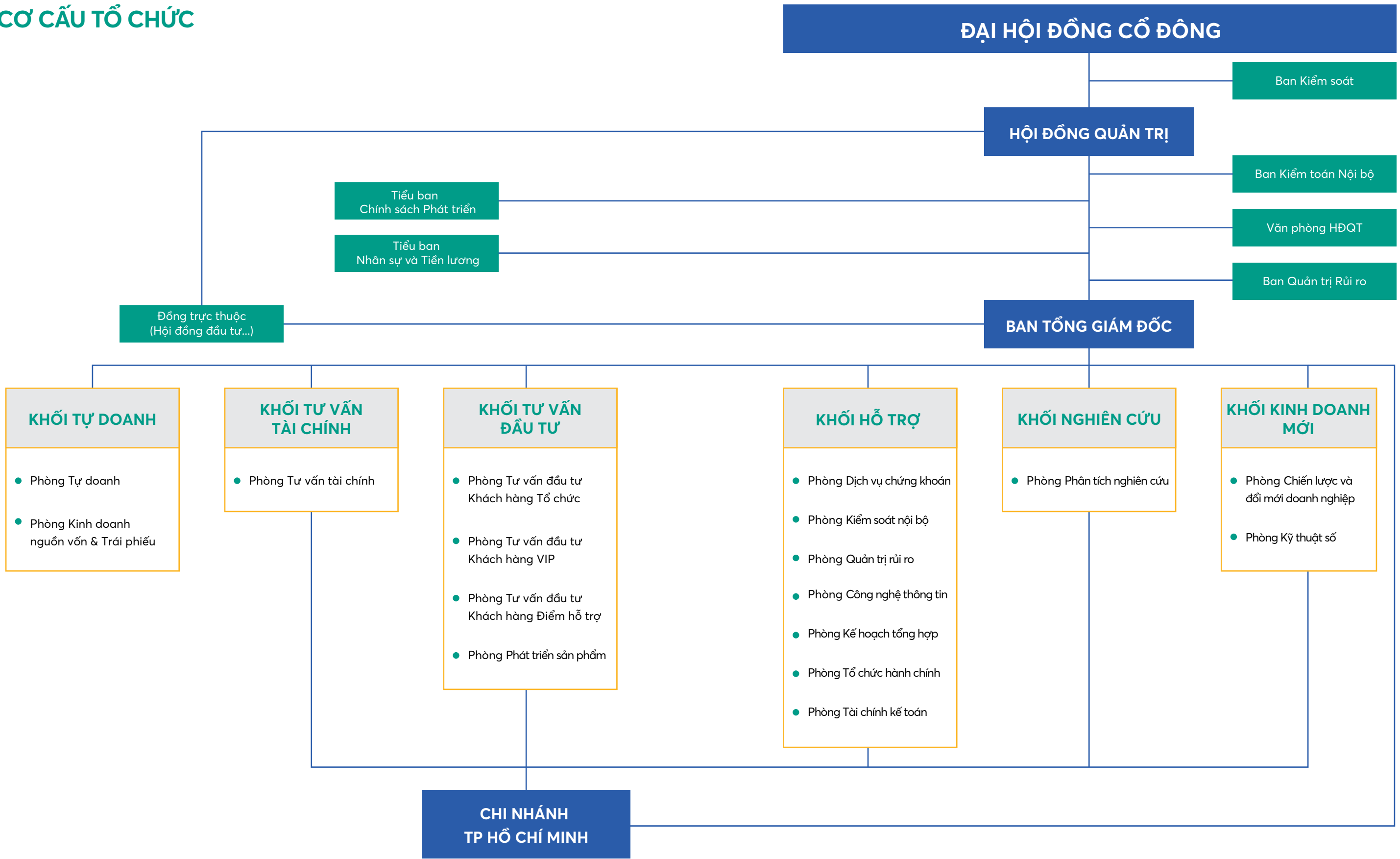
Số lượng cổ phiếu quỹ hiện có: **499.460** cổ phiếu

Lý do thay đổi: Mua lại cổ phiếu lơ lửng.

5 Công ty con, công ty liên kết: Không có.

Cơ cấu tổ chức quản trị

CƠ CẤU TỔ CHỨC



1 Nhân sự chủ chốt (tính đến 31/12/2022)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông NGÔ VĂN DŨNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị BSC

- Thạc sĩ Ngân hàng và Tài chính
- Được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị BSC từ tháng 04/2019
- Hiện đang là Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV.
- Từng giữ các chức vụ: Phó Giám đốc Ban Tín dụng BIDV; Giám đốc Ban Quản lý rủi ro BIDV; Giám đốc Chi nhánh Hà Nội BIDV.

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2022:
Đại diện sở hữu: 53.668.473 cổ phiếu, tương đương 28,58%.
Cá nhân sở hữu: 0,0000%.

Ông CHUNG JAE HOON
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
kiêm Phó Tổng Giám đốc BSC

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ tháng 11/2022.
- Từng giữ chức Phó Giám đốc Ban Kinh doanh quốc tế, Phó Giám đốc Ban Quản lý tài sản, Giám đốc Ban Sản phẩm Dịch vụ Đầu tư, Giám đốc Ban bán buôn Dịch vụ tài chính - Công ty Chứng khoán Hana.

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2022:
Đại diện sở hữu: 0,0000%.
Cá nhân sở hữu: 0,0000%.



Ông NGUYỄN DUY VIỄN
Thành viên Hội đồng quản trị BSC kiêm Tổng Giám đốc BSC

- Thạc sĩ Kinh tế
- Được bầu và giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc BSC từ tháng 06/2020.
- Từng giữ các chức vụ: Giám đốc Đầu tư, Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc CTCP cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC); Phó Giám đốc Ban Khách hàng doanh nghiệp lớn - Khối ngân hàng bán buôn BIDV; Phó Tổng Giám đốc BSC.

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2022:
Đại diện sở hữu: 29.273.711 cổ phiếu, tương ứng 15,59%.
Cá nhân sở hữu: 0,0000%.

Ông LIM DO KYOON
Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Được bầu và giữ chức vụ Thành viên độc lập Hội đồng quản trị BSC từ tháng 11/2022
- Hiện là Trưởng Khối Toàn cầu - Công ty Chứng khoán Hana.
- Từng giữ chức vụ Phó Giám đốc Ban Kinh doanh quốc tế, Phó Giám đốc Ban Chiến lược & Quản trị, Phó Giám đốc Ban Chiến lược toàn cầu, Giám đốc Ban Chiến lược & Đổi mới doanh nghiệp, Giám đốc Ban Sản phẩm Đầu tư, Trưởng nhóm - Phòng xúc tiến kinh doanh IB, Trưởng nhóm - Nhóm chiến lược toàn cầu - Công ty Chứng khoán Hana.

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2022:
Đại diện sở hữu: 0,0000%.
Cá nhân sở hữu: 0,0000%.



Bà NGUYỄN THANH HUYỀN
Thành viên Hội đồng quản trị BSC

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, CFA, CPA
- Được bầu và giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị BSC từ tháng 04/2019.
- Từng giữ chức vụ Trưởng phòng Ban Đầu tư - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2022:
Đại diện sở hữu: 14.636.855 cổ phiếu, tương đương 7,79%.
Cá nhân sở hữu: 0,0000%.



BAN KIỂM SOÁT



Bà PHẠM THANH THUỶ

Trưởng Ban Kiểm soát

- Thạc sĩ Kinh tế
- Trưởng Ban Kiểm soát BSC từ tháng 4/2021.
- Hiện đang là Phó Giám đốc Ban Tài chính BIDV.
- Từng giữ chức vụ Trưởng phòng TCKT BIDV Chi nhánh Hà Thành; Phó Giám đốc BIDV Chi nhánh Hà Thành.

Tỷ lệ sở hữu cá nhân cổ phiếu BSI tại 31/12/2022:
0,0000%

Bà VŨ MINH CHÂU

Thành viên Ban Kiểm soát

- Thạc sĩ Kinh tế
- Thành viên Ban Kiểm soát BSC từ tháng 4/2021.
- Hiện đang là Trưởng phòng Ban Quản lý đầu tư BIDV.
- Từng giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Ban Quản lý Đầu tư BIDV.

Tỷ lệ sở hữu cá nhân cổ phiếu BSI tại 31/12/2022:
0,0000%



Ông KANG JU SEOK

Thành viên Ban Kiểm soát

- Thạc sĩ Kinh tế
- Thành viên Ban Kiểm soát BSC từ 18/11/2022
- Hiện đang là Trưởng phòng Kiểm toán - Công ty Chứng khoán Hana
- Từng giữ các chức vụ Trưởng phòng – Ban Quản lý Tài chính; Phó Giám đốc Ban vốn; Giám đốc Ban Quản lý Tài chính - Công ty chứng khoán Hana .

Tỷ lệ sở hữu cá nhân cổ phiếu BSI tại 31/12/2022:
0,0000%



BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ



Ông PHÙNG MINH SƠN

Trưởng ban Kiểm toán nội bộ

- Thạc sĩ quản trị kinh doanh
- Trưởng ban Kiểm toán nội bộ BSC từ tháng 9/2022.
- Từng giữ chức vụ Trưởng phòng Tư vấn tài chính – CTCP Chứng khoán Sacombank – Chi nhánh Hà Nội; Phó Trưởng phòng – Ban Quản lý đầu tư BIDV.

Tỷ lệ sở hữu cá nhân cổ phiếu BSI tại 31/12/2022:
0,0000%

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông NGUYỄN DUY VIỄN

Thành viên Hội đồng quản trị BSC kiêm Tổng Giám đốc BSC

- Thạc sĩ Kinh tế
- Được bầu và giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc BSC từ tháng 06/2020.
- Từng giữ các chức vụ: Giám đốc Đầu tư, Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc CTCP cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC); Phó Giám đốc Ban Khách hàng doanh nghiệp lớn - Khối ngân hàng bán buôn BIDV; Phó Tổng Giám đốc BSC.

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2022:

Đại diện sở hữu: 29.273.711 cổ phiếu, tương ứng 15,59%.

Cá nhân sở hữu: 0,0000%.



Ông PHẠM XUÂN ANH

Phó Tổng Giám đốc BSC

- Thạc sĩ Kinh tế
- Giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc BSC từ tháng 10/2020.
- Từng giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Phân tích và Tự doanh Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), Trưởng phòng Tư vấn tài chính - Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) và có kinh nghiệm làm việc tại Công ty Cổ phần Chứng khoán MB.

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2022:

Đại diện sở hữu: 0,0000%.

Cá nhân sở hữu: 1 cổ phiếu, tương ứng 0,000%.

Ông CHUNG JAE HOON

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc BSC

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc BSC từ tháng 12/2022.
- Từng giữ chức Phó Giám đốc Ban Kinh doanh quốc tế, Phó Giám đốc Ban Quản lý tài sản, Giám đốc Ban Sản phẩm Dịch vụ Đầu tư, Giám đốc Ban bán buôn Dịch vụ tài chính - Công ty Chứng khoán Hana.

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2022:

Đại diện sở hữu: 0,0000%.

Cá nhân sở hữu: 0,0000%.



Ông LÊ QUANG HUY

Phó Tổng Giám đốc BSC

- Cử nhân Tài chính ngân hàng
- Giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ tháng 10/2020.
- Từng giữ chức vụ Trưởng phòng Tự Doanh tại Công ty Chứng khoán BSC, Phó Tổng Giám đốc - BSC giai đoạn 2012 - 2018, từng làm việc tại Công ty Chứng khoán VCBIS giai đoạn 2018 - 2020.

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2022:

Đại diện sở hữu: 0,0000%.

Cá nhân sở hữu: 0,0000%.



Bà NGÔ THỊ PHONG LAN

Phó Tổng Giám đốc BSC

kiêm Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh BSC từ tháng 10/2014.
- Từng giữ chức vụ Tổng Giám đốc công ty Chứng khoán Campuchia Việt Nam và từng là Trợ lý Tổng Giám đốc BSC.

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2022:

Đại diện sở hữu: 0,0000%.

Cá nhân sở hữu: 12.800 cổ phiếu, tương ứng 0,01%.



Bà TRẦN NGỌC DIỆP

Kế toán trưởng BSC

- Cử nhân Tài chính ngân hàng
- Giữ chức vụ Kế toán trưởng BSC từ tháng 11/2016.
- Từng giữ các chức vụ Phó Trưởng phòng Dịch vụ Chứng khoán - Hội sở BSC; Phó Trưởng phòng Tài chính kế toán BSC.

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2022:

Đại diện sở hữu: 0,0000%.

Cá nhân sở hữu: 74 cổ phiếu, tương ứng 0,0000%.

2 Chức năng và nhiệm vụ của các bộ phận



Phòng Tư vấn tài chính

Cung cấp các dịch vụ tư vấn liên quan đến tài chính và quản trị doanh nghiệp cho khách hàng bao gồm các dịch vụ tư vấn chào bán, niêm yết chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn mua bán sáp nhập doanh nghiệp (M&A), tư vấn tái cấu trúc, quản trị công ty và định giá cổ phần.

Khối Phòng Tư vấn đầu tư

Môi giới, tư vấn đầu tư chứng khoán, phát triển và chào bán các sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ của Công ty và chăm sóc khách hàng là các nhà đầu tư.

Phòng Tự doanh

Triển khai các hoạt động đầu tư cổ phiếu và chứng chỉ quỹ đầu tư niêm yết, chưa niêm yết theo chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Công ty; Triển khai các hoạt động đầu tư góp vốn thành lập công ty, góp vốn hợp tác kinh doanh để đầu tư dự án theo chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Công ty.

Phòng Phát triển sản phẩm

Xây dựng chính sách khách hàng cho nghiệp vụ môi giới, xây dựng, đề xuất nâng cấp, cải tiến sản phẩm môi giới, quản lý dữ liệu các sản phẩm môi giới của Công ty.

Phòng Kinh doanh nguồn vốn và trái phiếu

Triển khai các kênh huy động vốn, thực hiện các sản phẩm đầu tư tiền gửi, quản lý chi phí vốn đầu ra và đầu vào của Công ty; Tìm kiếm, đánh giá, phân tích, thẩm định và đề xuất các cơ hội đầu tư trái phiếu, quản lý theo dõi danh mục đầu tư và thực hiện các giao dịch mua bán trái phiếu.

Phòng Phân tích – Nghiên cứu

Thực hiện các hoạt động phân tích, nghiên cứu vĩ mô, thị trường, ngành, công ty, lập các báo cáo có liên quan và cung cấp thông tin, báo cáo cho các đối tượng sử dụng khác nhau trong và ngoài Công ty.

Phòng Tổ chức hành chính

Thực hiện các công việc hành chính văn phòng, tổ chức, quản lý và phát triển nguồn nhân lực của Công ty.

Phòng Tài chính kế toán

Hạch toán kế toán tài chính và kế toán quản trị; Phân tích và giám sát tài chính Công ty.



Phòng Kiểm soát nội bộ

Giám sát và kiểm tra việc tuân thủ các quy định pháp luật, quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan, đồng thời kiểm tra, rà soát sự tuân thủ chính sách, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong Công ty.

Phòng Kế hoạch tổng hợp

Quản lý kế hoạch kinh doanh và tổng hợp báo cáo cho Công ty. Phụ trách các hoạt động Marketing truyền thông, tổ chức sự kiện và các hoạt động khác liên quan đến hình ảnh cho công ty.

Phòng Quản trị rủi ro

Gồm hai bộ phận: Quản trị rủi ro và Pháp chế. Bộ phận Quản trị rủi ro có chức năng giám sát hoạt động, phòng ngừa rủi ro của các phòng tại Hội sở và Chi nhánh, đảm bảo các rủi ro được quản lý theo chính sách của Công ty và sự tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro được ban hành trong toàn hệ thống; Bộ phận Pháp chế có chức năng tham mưu những vấn đề pháp lý, chế độ liên quan đến hoạt động của Công ty, tư vấn/hỗ trợ/tham vấn/phối hợp tham gia về mặt pháp lý đối với các sản phẩm, dịch vụ mà các đơn vị nghiệp vụ Công ty cung cấp cho các khách hàng/đối tác; Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác pháp chế, công tác giải quyết tranh chấp tại Công ty.

Phòng Dịch vụ chứng khoán

Xử lý giao dịch mua bán chứng khoán, thực hiện dịch vụ lưu ký, kế toán giao dịch và các dịch vụ chứng khoán hỗ trợ khác như cầm cố, thực hiện quyền, ứng trước...





Phòng Công nghệ thông tin

Đảm bảo duy trì hệ thống CNTT của Công ty, triển khai và phát triển các ứng dụng phục vụ hoạt động quản lý và kinh doanh của BSC.

Phòng Chiến lược và Đổi mới doanh nghiệp

Định hướng và tham mưu về kế hoạch chiến lược kinh doanh mới cho công ty trong từng thời kỳ. Đề xuất các mô hình, phương thức và giải pháp kinh doanh trong lĩnh vực quản lý quỹ phù hợp với chiến lược phát triển của BSC trong từng thời kỳ. Nghiên cứu phát triển công ty quản lý quỹ trực thuộc BSC và đề xuất các mô hình sản phẩm kinh doanh của công ty quản lý quỹ. Tìm kiếm cơ hội kinh doanh mới lĩnh vực quản lý quỹ. Tìm kiếm cơ hội từ mối quan hệ của BIDV với HFI và các Định chế tài chính trong và ngoài nước. Quản lý nhân sự, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho phòng nghiệp vụ. Xây dựng và cập nhật quy trình, quy định liên quan đến hoạt động của phòng nghiệp vụ.

Phòng Kỹ thuật số

Thiết lập và triển khai thực hiện chiến lược Kỹ thuật số phù hợp với hoạt động kinh doanh của BSC. Lập kế hoạch tiếp thị và đo lường hiệu suất của việc mở rộng Tập Khách qua Kênh Kỹ thuật số. Thiết lập kế hoạch quản lý người dùng Kênh Kỹ thuật số. Tham mưu cho Ban lãnh đạo về kế hoạch chiến lược Digital Marketing trong từng thời kỳ. Xây dựng và cập nhật quy trình, quy định liên quan đến hoạt động của Phòng nghiệp vụ. Quản lý nhân sự, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho Phòng nghiệp vụ.

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022



1 Tình hình hoạt động của Công ty năm 2022

1.1. Bối cảnh Kinh tế – xã hội năm 2022

Năm 2022, nền kinh tế Việt Nam đối mặt với tình hình kinh tế thế giới bất ổn với nhiều khó khăn, thách thức lớn và biến động nhanh, khó lường. Tình hình lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Cạnh tranh chiến lược, địa chính trị giữa các nước lớn, xung đột quân sự; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ... đã làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu.

Không nằm ngoài những khó khăn từ bối cảnh chung của nền kinh tế trong năm qua, thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2022 chứng kiến mức sụt giảm rất mạnh so với năm 2021 trong bối cảnh nền lãi suất tăng nhanh, doanh nghiệp gặp khó khăn khi tiếp cận nguồn vốn cho vay, thị trường trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ gần như đóng băng từ nửa cuối năm. Trên thị trường cổ phiếu, tính đến ngày 31/12/2022, chỉ số VNIndex đạt 1.007 điểm, tương đương mức giảm 32,8% so với thời điểm 31/12/2021, còn chỉ số HNX-Index đạt 205,3 điểm, tương đương mức giảm tới 56,7% so với cuối năm trước. Đây đều là những mức giảm lớn nhất trong nhiều năm qua đối với TTCK Việt Nam.

1.2. Kết quả kinh doanh của BSC năm 2022

Trong bối cảnh thị trường gặp nhiều khó khăn, kết quả kinh doanh của một công ty chứng khoán như BSC cũng gặp nhiều bất lợi. Kết quả năm 2022, Lợi nhuận trước thuế của BSC đạt xấp xỉ 149 tỷ đồng (chỉ tương đương 32% KHKD được giao). Thị phần môi giới cổ phiếu của BSC trên cả 3 sàn HSX, HNX và UpCOM năm 2022 đạt 2.56%, tương đương 93% KHKD được giao là 2.75%.

Tuy nhiên, trong bối cảnh nhiều công ty chứng khoán gặp các vấn đề khó khăn về thanh khoản, rủi ro trong hoạt động trái phiếu, dư nợ margin khó đòi.. thì trong năm vừa qua, BSC vẫn vận hành toàn bộ hệ thống ổn định, tuân thủ nghiêm ngặt khẩu vị rủi ro, các mục tiêu quản trị rủi ro đã đề ra và đặc biệt đảm bảo hoạt động công ty an toàn, minh bạch.

Cũng trong năm 2022, sau gần 3 năm trao đổi và làm việc tích cực với đối tác chiến lược nước ngoài, vào tháng 9 năm 2022 BSC hoàn thành giao dịch chào bán cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược là đối tác Hana Securities Company - một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Hàn Quốc. Sau giao dịch, VCSH tại ngày 31/12/2022 của BSC đạt 4,366 tỷ đồng, tăng 154% so với cuối năm 2021. Giao dịch này được coi là một dấu mốc quan trọng trong lịch sử phát triển của BSC, giúp BSC chuyển mình toàn diện và nâng cao năng lực cạnh tranh mạnh mẽ trong thời gian tới. Với nguồn vốn được bổ sung, BSC đã tăng cường mạnh mẽ năng lực tài chính để mở rộng hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, thông qua Thỏa thuận hợp tác chiến lược, BSC sẽ nhận được sự hỗ trợ từ phía đối tác trên các lĩnh vực công nghệ số, nâng cấp hệ sinh thái sản phẩm, mở rộng phạm vi tiếp cận các khách hàng quốc tế, đồng thời hỗ trợ nâng cấp hệ thống quản trị rủi ro theo hướng hiện đại.

Đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ thông tin, trong năm vừa qua BSC cũng đã hoàn thiện các dự án quan trọng: Ra mắt ứng dụng giao dịch qua điện thoại BSC Smart Invest; Nâng cấp phiên bản mới của BSC Smart Invest với tính năng xác thực giao dịch thông qua SmartOTP hoặc SMS-OTP, đồng thời sửa lỗi và cải thiện độ ổn định của ứng dụng; Phát triển hệ thống đặt lệnh tốc độ cao (OMS); Lệnh điều kiện cơ sở.

2 Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022

2.1. Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)

ĐHĐCĐ bất thường ngày 18/11/2022 đã thông qua việc miễn nhiệm, bầu bổ sung các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026, theo đó Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 của BSC hiện bao gồm các Ông/Bà sau:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Ngô Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Chung, Jae Hoon	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
3	Ông Nguyễn Duy Viễn	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
4	Bà Nguyễn Thanh Huyền	Ủy viên HĐQT chuyên trách
5	Ông Lim, Do Kyoan	Ủy viên HĐQT độc lập

Các thành viên HĐQT của BSC đảm bảo cân đối về độ tuổi, giới tính, kinh nghiệm về quản trị, pháp luật, tài chính và chứng khoán cũng như sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, thành viên độc lập HĐQT.

2.2. Vai trò, trách nhiệm và hoạt động của HĐQT trong năm 2022

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của BSC, HĐQT là cơ quan quản lý của công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội Đồng cổ đông (ĐHĐCĐ).

HĐQT giữ vai trò lãnh đạo, định hướng, chỉ đạo, quản lý và giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty giữa các kỳ ĐHĐCĐ thường niên. HĐQT hoạt động bằng cách ban hành nghị quyết, quyết định và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện. Chính sách quản trị của Công ty được thể hiện thông qua việc tuân thủ pháp luật, điều lệ, quy chế quản trị công ty, và bằng các nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT phải tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Quy chế Quản trị công ty.

Trong năm 2022, nhằm thông qua những vấn đề lớn trong hoạt động của Công ty, HĐQT đã tổ chức mười hai (12) cuộc họp tập trung và ban hành chín mươi (90) nghị quyết/quyết định. Các cuộc họp của HĐQT nhằm mục tiêu bàn bạc, thảo luận và thống nhất các quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT để kịp thời đưa ra những chỉ đạo trong điều hành hoạt động kinh doanh của BSC phù hợp với biến động của thị trường.

Chi tiết về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định đã được thông qua trong Phụ lục 01 và 02 đính kèm.

2.3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám Đốc

Theo quy định Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, Tổng Giám Đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Để thực hiện giám sát có hiệu quả, HĐQT thực hiện việc giám sát thông qua các hình thức:

- Giám sát thông qua hệ thống thông tin báo cáo như: giám sát thông qua Ban Kiểm toán nội bộ; Ủy Ban Quản trị rủi ro;
- Giám sát trực tiếp: thông qua việc HĐQT trực tiếp thực hiện việc giám sát, xem xét chỉ đạo Ban điều hành trên nguyên tắc trung thực, cần trọng, khách quan.

HĐQT ban hành các nghị quyết để thông qua các những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT. Đồng thời theo thẩm quyền, HĐQT cung cấp các hướng dẫn chiến lược, nhận định tình hình thị trường và tình hình kinh tế tổng quan để hỗ trợ rà soát các kế hoạch kinh doanh cho quý tiếp theo. HĐQT thường xuyên trao đổi với Ban Điều hành nhằm giám sát việc triển khai kế hoạch và điều chỉnh khi cần thiết, giúp đạt được các mục tiêu chiến lược BSC đề ra.

Các hoạt động chính của HĐQT trong năm 2022 như sau:

- Chỉ đạo thực hiện thành công giao dịch phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược;
- Xây dựng và trình ĐHĐCĐ Kế hoạch kinh doanh năm 2022 và xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2023;
- Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 vào ngày 29/04/2022 và ĐHĐCĐ bất thường ngày 18/11/2022 để thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;
- Giám sát hoạt động công bố thông tin định kỳ và công bố thông tin bất thường đúng quy định của pháp luật;

- Thông qua Chính sách rủi ro năm 2022 để xác định khẩu vị, giới hạn rủi ro cho tổng thể các mặt hoạt động của công ty;
- Kiện toàn nhân sự và bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị BSC và phân công công tác đối với các thành viên Hội đồng quản trị để nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT và chất lượng giám sát của Hội đồng quản trị với Ban điều hành;
- Giám sát tình hình thực hiện kinh doanh năm 2022 và phê duyệt các chính sách kinh doanh phù hợp với điều kiện thị trường;
- Thông qua các giao dịch vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc trong hoạt động mua sắm, đầu tư, vay nợ phù hợp với quy định và khẩu vị rủi ro đã được thiết lập;
- Chỉ đạo thực hiện nâng cấp phần mềm giao dịch;
- Chỉ đạo Dự án tư vấn rà soát và xây dựng mô hình tổ chức theo định hướng hiện đại và chuyên nghiệp, phát huy tính tự chủ mỗi cá nhân trong mối quan hệ phối hợp công tác đa chiều, đa nhiệm.

2.4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Mô hình quản trị công ty đã được kiện toàn bao gồm các Ban/Tiểu ban của HĐQT phụ trách các vấn đề về Kiểm toán nội bộ, Quản lý rủi ro, Nhân sự - tiền lương, Chính sách phát triển để giúp cho HĐQT thực hiện các chức năng này.

Các Ban/Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị đã thực hiện chức năng tham mưu cho HĐQT về các vấn đề chuyên môn như sau:

Ban Kiểm toán nội bộ:

- Thực hiện các cuộc kiểm toán nội bộ để tham mưu cho HĐQT, Ban Điều hành hoàn thiện các quy trình quy định nội bộ phù hợp với mục tiêu quản trị, chính sách kinh doanh.
- Xây dựng và tham mưu cho HĐQT phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm.

Tiểu ban Quản trị rủi ro:

- Tham mưu cho HĐQT ban hành chính sách quản trị rủi ro 2022
- Đánh giá và đề xuất các phương án xử lý đối với rủi ro trong danh mục đầu tư
- Tham mưu cho HĐQT đưa ra các quyết định và giám sát các hệ số an toàn, hệ số thanh khoản trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tiểu ban Nhân sự - Tiền lương: Với chức năng tham mưu cho HĐQT về công tác tổ chức cán bộ và Đề xuất chính sách lương thưởng của Công ty. Các ý kiến của tiểu ban đã giúp Công ty kiện toàn bộ máy nhân sự chất lượng cao, đảm bảo hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Tiểu ban Chính sách phát triển: Nghiên cứu chính sách và chiến lược phát triển của Công ty đồng thời đánh giá hiệu quả hoạt động trong từng giai đoạn.

3 Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023

Trong năm 2023, BSC sẽ tiếp tục tập trung phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh và hướng tới mục tiêu xác lập vị thế là một trong những công ty chứng khoán top đầu của thị trường trong nước. Để góp phần đạt được mục tiêu đề ra, HĐQT BSC sẽ tiếp tục đồng hành và sát cánh cùng Ban điều hành để định hướng và chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty, với kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2023 cụ thể như sau:

- Đưa BSC quay trở lại top 10 thị phần môi giới sàn HoSE trong năm 2023;
- Chỉ đạo triển khai các dự án đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, thực hiện công tác chuyển đổi số, tích hợp sâu vào từng hoạt động tại công ty để cung cấp đầy đủ các chức năng, tiện ích, đáp ứng việc triển khai các sản phẩm và dịch vụ mới;
- Phối hợp chặt chẽ cùng cổ đông chiến lược để tìm kiếm cơ hội kinh doanh mới;
- Nâng cao chất lượng hệ thống giám sát, điều hành của HĐQT để nâng cao hiệu quả chỉ đạo của HĐQT trong việc triển khai kế hoạch kinh doanh hàng năm;
- Cập nhật khung rủi ro để đáp ứng yêu cầu quản trị điều hành;
- Bám sát kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty để có chỉ đạo phù hợp, triển khai đồng bộ các giải pháp để gia tăng hiệu quả kinh doanh, tỷ suất lợi nhuận, năng suất lao động và nâng cao chất lượng môi trường làm việc cho người lao động.
- Tiếp tục xây dựng và triển khai văn hoá đề cao văn hóa doanh nghiệp, văn hóa kiểm soát rủi ro, môi trường làm việc tin cậy, văn minh và tính trách nhiệm với cộng đồng.

PHỤ LỤC 01: NỘI DUNG CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT BSC NĂM 2022 (HÌNH THỨC TRỰC TIẾP)

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Ngô Văn Dũng	12/12	100%	
2	Ông Chung, Jae Hoon	02/12	17%	Bổ nhiệm ngày từ ngày 18/11/2022
3	Ông Nguyễn Duy Viễn	12/12	100%	
4	Bà Nguyễn Thanh Huyền	11/12	92%	Lý do cá nhân
5	Ông Lim, Do Kyoon	02/12	17%	Bổ nhiệm ngày từ ngày 18/11/2022
6	Ông Lê Đào Nguyên	09/12	75%	Lý do cá nhân và miễn nhiệm từ ngày 18/11/2022

PHỤ LỤC 02. NỘI DUNG CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT BSC NĂM 2022

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	27/NQ-BSC	12/01/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt đầu tư trái phiếu CTCP Xây dựng Cotecons	100%
2	29/NQ-BSC	13/01/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt đánh giá kết quả KPI của Công ty năm 2021	100%
3	42/NQ-BSC	19/01/2022	Nghị quyết v/v Sửa đổi Điều lệ của Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)	100%
4	43/NQ-BSC	19/01/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt nguyên tắc chi Quỹ lương hiệu suất cao 2021	100%
5	49/QĐ-BSC	27/01/2022	Quyết Định v/v Ban hành “Quy chế Công bố thông tin”	100%
6	164/NQ-BSC	10/02/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt việc cung cấp dịch vụ cho khách hàng ứng trước tiền bán chứng khoán	100%
7	165/NQ-BSC	10/02/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt việc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán	100%
8	181/NQ BSC	17/02/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt Kế hoạch đào tạo năm 2022 của BSC	100%
9	191/NQ BSC	23/02/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu và hồ sơ mời thầu Gói thầu Tư vấn cung cấp giải pháp phần mềm Core Front thuộc Dự án Nền tảng Giao dịch trực tuyến của công ty BSC	100%
10	200/NQ BSC	23/02/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt nắm giữ Trái phiếu doanh nghiệp CTCP Xây dựng Cotecons trong danh mục đầu tư của BSC	100%
11	212/NQ BSC	04/03/2022	Nghị quyết v/v Thông qua Kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2022	100%
12	216/NQ BSC	07/03/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt đầu tư trái phiếu CTCP Chứng khoán VNDirect	100%
13	213/NQ BSC	08/03/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
14	220/NQ BSC	09/03/2022	Nghị quyết v/v Kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
15	223/NQ BSC	10/03/2022	Nghị quyết v/v Thông qua nội dung dự thảo Thỏa thuận mua bán cổ phần giữa Nhà đầu tư chiến lược với Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100%
16	237/NQ BSC	15/03/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
17	240/NQ BSC	15/03/2022	Nghị quyết v/v Thông qua phương án thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%
18	258/NQ BSC	22/03/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
19	281/NQ BSC	30/03/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
20	297/NQ BSC	04/04/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
21	296/NQ BSC	04/04/2022	Nghị quyết v/v Điều chỉnh thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
22	307/NQ BSC	08/04/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt tài liệu họp và thư mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên BSC năm 2022	100%
23	316/NQ BSC	13/04/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt chủ trương và dự toán mua sắm gói dịch vụ kiểm toán Báo cáo vốn chủ sở hữu cho đợt phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ BSC	100%
24	361/NQ BSC	26/04/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu Tư vấn cung cấp giải pháp phần mềm giao dịch chứng khoán trực tuyến trên nền tảng Web thuộc Dự án Nền tảng Giao dịch trực tuyến của công ty BSC	100%
25	362/NQ BSC	26/04/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt Hồ sơ mời thầu Gói thầu Tư vấn cung cấp giải pháp phần mềm GDCK trực tuyến trên nền tảng Web thuộc Dự án Nền tảng Giao dịch trực tuyến của công ty BSC	100%
26	342/NQ-BSC	21/04/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt điều chỉnh tỷ lệ an toàn tài chính (tỷ lệ vốn khả dụng) mục tiêu	100%
27	359/NQ-BSC	26/04/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt chủ trương bổ sung nhân sự Ban kiểm toán nội bộ thuộc Hội đồng quản trị	100%
28	371/QĐ BSC	28/04/2022	Quyết định v/v Bổ nhiệm cán bộ	100%
29	372/QĐ BSC	28/04/2022	Quyết định v/v Bổ nhiệm cán bộ	100%
30	471/NQ-BSC	16/05/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt chủ trương mở rộng diện tích Trụ sở chính Công ty	100%
31	490/NQ BSC	25/05/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt kế hoạch giao dịch Trái phiếu doanh nghiệp CTCP Xây dựng Cotecons	100%
32	500/NQ BSC	25/05/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt phương án giảm thiểu rủi ro đối với danh mục tự doanh chứng khoán cơ sở chạm ngưỡng cảnh báo	100%
33	534/NQ BSC	27/05/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt Kế hoạch kinh doanh BSC năm 2022	100%
34	536/QĐ BSC	31/05/2022	Quyết định v/v Miễn nhiệm chức vụ Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	100%
35	539/QĐ BSC	01/06/2022	Quyết định v/v Bổ nhiệm lại cán bộ	100%
36	551/NQ BSC	03/06/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt phương án nâng hạn mức quản lý đối với hoạt động I-Flex	100%
37	554/NQ BSC	06/06/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
38	566/NQ BSC	09/06/2022	Nghị quyết Phê duyệt chiến lược đầu tư năm 2022	100%
39	630/NQ BSC	30/06/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt điều chỉnh tỷ lệ an toàn tài chính (tỷ lệ vốn khả dụng) mục tiêu	100%
40	631/NQ BSC	30/06/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt phương án giảm thiểu rủi ro đối với danh mục tự doanh chứng khoán cơ sở chạm ngưỡng cảnh báo	100%
41	634/NQ BSC	04/07/2022	Phê duyệt chủ trương và dự toán chi phí gói Tư vấn Luật phục vụ công tác tư vấn phát hành cổ phần riêng lẻ tăng vốn điều lệ BSC	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
42	645/NQ BSC	11/07/2022	Phê duyệt nội dung dự thảo Phụ lục sửa đổi Thỏa thuận đặt mua cổ phần giữa HFI và BSC	100%
43	646/NQ BSC	11/07/2022	Phê duyệt Thông qua việc dừng đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%
44	673/NQ BSC	20/07/2022	Phê duyệt Đầu tư Chứng chỉ tiền gửi Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC	100%
45	672/NQ BSC	21/07/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
46	674/NQ BSC	21/07/2022	Phê duyệt Chấm dứt hiệu lực của “Quy chế đầu tư tiền gửi” ban hành theo Quyết định số 563/QĐ-BSC ngày 28/06/2018	100%
47	680/NQ BSC	25/07/2022	Nghị quyết v/v Thông qua việc thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%
48	695/NQ BSC	03/08/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
49	696/NQ BSC	04/08/2022	Phê duyệt danh sách Quy hoạch vị trí Trưởng phòng Tư vấn đầu tư Khách hàng VIP Hội sở Công ty	100%
50	761/NQ BSC	09/08/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
51	771/NQ BSC	16/08/2022	Thông qua chủ trương cung ứng dịch vụ và các hợp đồng khung liên quan đến trái phiếu tăng vốn của BIDV năm 2022	100%
52	782/NQ BSC	19/08/2022	Phê duyệt sử dụng hạn mức thấu chi tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	100%
53	784/NQ BSC	22/08/2022	Phê duyệt bổ sung mục đích vay vốn tại Ngân hàng TNHH CTBC	100%
54	786/NQ BSC	24/08/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
55	789/NQ BSC	31/08/2022	Bổ nhiệm cán bộ	100%
56	1177/NQ BSC	05/09/2022	Bổ nhiệm cán bộ	100%
57	1377/NQ BSC	15/09/2022	Quyết định xếp lương	100%
58	1416/NQ BSC	20/09/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
59	1595/NQ BSC	23/09/2022	Phê duyệt Quyết toán Dự án hoàn thành – Dự án “Trang bị cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật Trụ sở làm việc mới của BSC”	100%
60	1629/NQ BSC	27/09/2022	Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền	100%
61	1688/NQ BSC	29/09/2022	Phê duyệt điều chỉnh tỷ lệ an toàn tài chính (tỷ lệ vốn khả dụng) mục tiêu	100%
62	1722/NQ BSC	30/09/2022	Tăng vốn điều lệ và các nội dung liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của BSC	100%
63	1734/NQ BSC	30/09/2022	Kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	100%
64	1807/NQ BSC	04/10/2022	Phê duyệt phương án phát hành chứng quyền dựa trên cổ phiếu FPT, HPG, MBB và VPB	100%
65	1817/NQ BSC	04/10/2022	Phê duyệt đầu tư Trái phiếu Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp-CTCP (“BCM”)	100%
66	1832/NQ BSC	05/10/2022	Nghị quyết v/v Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
67	1922/NQ BSC	07/10/2022	Phê duyệt phương án giảm thiểu rủi ro đối với danh mục tự doanh chứng khoán cơ sở chạm ngưỡng cảnh báo	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
68	1923/NQ BSC	11/10/2022	Phê duyệt Phương án thiết kế Logo và Chủ trương xây dựng Bộ nhận diện thương hiệu mới của BSC	100%
69	2069/NQ BSC	20/10/2022	Phê duyệt chủ trương và dự toán mua sắm gói dịch vụ “Soát xét báo cáo tài chính BSC tại thời điểm 30/09/2022”	75%
70	2088/NQ BSC	21/10/2022	Phê duyệt đầu tư Chứng chỉ tiền gửi của ngân hàng TMCP Quân đội	100%
71	2244/NQ BSC	28/10/2022	Phê duyệt chủ trương mở rộng diện tích Trụ sở Công ty	100%
72	2299/NQ BSC	01/11/2022	Phê duyệt đầu tư Chứng chỉ tiền gửi của ngân hàng TMCP Quân đội	100%
73	2410/NQ BSC	09/11/2022	Phê duyệt Kế hoạch kiểm toán nội bộ quý IV năm 2022	100%
74	2494/NQ BSC	15/11/2022	Quyết định xếp lương	100%
75	2495/NQ BSC	15/11/2022	Quyết định xếp lương	100%
76	2496/NQ BSC	15/11/2022	Quyết định xếp lương	100%
77	2550/NQ BSC	25/11/2022	Nghị quyết phê duyệt Dự toán gói thầu và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu Trang bị bản quyền hệ điều hành máy chủ Window	100%
78	2784/NQ BSC	30/11/2022	Bổ nhiệm Phó Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty	100%
79	2785/NQ BSC	30/11/2022	Thành lập Văn phòng Hội đồng quản trị BSC	100%
80	2786/NQ BSC	30/11/2022	Thành lập Khối kinh doanh mới và các Phòng trực thuộc	100%
81	2787/NQ BSC	30/11/2022	Thành lập Phòng Chiến lược và Đổi mới Doanh nghiệp	100%
82	2788/NQ BSC	30/11/2022	Thành lập Phòng Kỹ thuật số	100%
83	2789/NQ BSC	30/11/2022	Bổ nhiệm Trưởng khối kinh doanh mới kiêm Trưởng phòng Chiến lược và Đổi mới Doanh nghiệp	100%
84	2790/NQ BSC	30/11/2022	Bổ nhiệm Trưởng Phòng Kỹ thuật số	100%
85	2887/NQ BSC	07/12/2022	Phân công công tác đối với các thành viên Hội đồng quản trị	100%
86	2888/NQ BSC	07/12/2022	Kiện toàn các Ban và Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị	100%
87	2907/NQ BSC	13/12/2022	Nghị quyết Phương án mở rộng Trụ sở Công ty và kế hoạch cải tạo sửa chữa	100%
88	3114/NQ BSC	21/12/2022	Nghị quyết Phê duyệt Kế hoạch Tổ chức sự kiện ra mắt Nhận diện thương hiệu mới của BSC	100%
89	3204/NQ BSC	27/12/2022	Nghị quyết Phê duyệt Chủ trương đầu tư Dự án “Trang bị cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật phần diện tích mở rộng tại Trụ sở BSC”	80%
90	3205/NQ BSC	27/12/2022	Nghị quyết Phê duyệt Quyết toán quỹ lương và đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ của BSC năm 2022	100%

Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát

1 Cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

ĐHĐCĐ bất thường ngày 18/11/2022 đã thông qua việc miễn nhiệm, bầu bổ sung các thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026, theo đó, thành phần BKS BSC bao gồm ba (03) thành viên:

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bắt đầu là thành viên BKS
1	Bà Phạm Thanh Thủy	Trưởng Ban	Được bầu làm trưởng Ban Kiểm soát kể từ ngày 10/04/2021
2	Bà Vũ Minh Châu	Thành Viên	Được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát kể từ ngày 10/04/2021
3	Ông Kang Ju Seok	Thành viên	Được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát kể từ ngày 18/11/2022

2 Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2022

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát với tư cách đại diện cổ đông BSC, đã thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định, kiến nghị những thay đổi cần thiết trong hoạt động kinh doanh, công tác quản trị rủi ro, công tác quản trị - điều hành Công ty, góp phần cùng HĐQT và Ban Điều hành triển khai kế hoạch kinh doanh và các nhiệm vụ liên quan theo phê duyệt của ĐHĐCĐ.

Ban Kiểm soát đã thực hiện đúng chức trách, vai trò, quyền hạn theo quy định pháp luật, Điều lệ BSC và Quy chế hoạt động của BKS Công ty, đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, TGD và các cổ đông. Trưởng BKS và các kiểm soát viên đã hoàn thành vai trò trách nhiệm trong thực thi kế hoạch mà BKS đề ra cho từng thành viên trong năm cụ thể:

2.1. Xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong tháng 04 và tháng 11/2022, Ban Kiểm soát đã hoàn tất việc xây dựng, cập nhật kế hoạch hoạt động và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, cử đại diện tham gia các cuộc họp HĐQT theo quy định tại Điều lệ BSC và phù hợp quy định pháp luật.

2.2. Giám sát tính tuân thủ, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính Công ty năm 2022 theo định hướng đã được ĐHĐCĐ phê duyệt

Năm 2022, thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam trải qua giai đoạn khó khăn, biến động nhất trong những năm trở lại đây, thị trường cổ phiếu suy giảm, thị trường trái phiếu doanh nghiệp bị siết chặt đóng băng gây trở ngại cho các nhà đầu tư cá nhân. Trong bối cảnh đó, hoạt động BSC chịu nhiều ảnh hưởng tác động bởi khó khăn chung của thị trường dẫn đến kết quả LNTT năm 2022 đạt ở mức 149 tỷ đồng. Doanh thu từ các hoạt động môi giới và cho vay margin đạt 723,6 tỷ đồng giảm 13% so với năm 2021, doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính đạt 17 tỷ đồng, hoạt động tự doanh thì chủ yếu thực hiện cơ cấu lại danh mục, hạ tỷ trọng đầu tư. Thị phần môi giới chứng khoán đạt 2,56% tương đương với 93% KH mục tiêu đặt ra.

Mặc dù lợi nhuận năm 2022 của BSC chưa đạt mục tiêu theo kế hoạch đặt ra, song Ban kiểm soát đánh giá trong bối cảnh thị trường bất lợi nhưng BSC tiếp tục duy trì lợi nhuận là nỗ lực, cố gắng. Công ty tuân thủ toàn bộ các chỉ tiêu an toàn hoạt động theo quy định pháp luật, không phát sinh nợ xấu và các vấn đề tiêu cực, vướng mắc cần xử lý.

Điểm sáng trong hoạt động BSC năm 2022 là hoàn thành giao dịch phát hành riêng lẻ cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài. Kết thúc giao dịch, vốn điều lệ Công ty được tăng từ 1.221 tỷ đồng lên 1.878 tỷ đồng, bổ sung thặng dư vốn chủ sở hữu 2.038 tỷ đồng. Sau thành công của giao dịch, vốn chủ sở hữu của BSC tại 31/12/2022 đạt 4.366 tỷ đồng, tăng 154% so với năm 2021.

2.3. Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

Qua công tác kiểm tra, giám sát năm 2022, Ban Kiểm soát đánh giá HĐQT, Ban Điều hành đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ đúng với luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể:

Công tác quản trị công ty của Hội đồng quản trị

Năm 2022, HĐQT đã tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế quản trị của công ty. HĐQT triển khai và thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

HĐQT đã tổ chức 12 cuộc họp, trong các phiên họp HĐQT, các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ, làm việc với tinh thần trách nhiệm nhằm mục tiêu trao đổi thảo luận và thống nhất các quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT chỉ đạo kịp thời các hoạt động kinh doanh của công ty theo diễn biến của thị trường đảm bảo lợi ích và quyền lợi của cổ đông trong bối cảnh thị trường còn nhiều khó khăn.

Với vai trò lãnh đạo định hướng chỉ đạo, quản lý và giám sát hoạt động kinh doanh của công ty, trong năm HĐQT đã ban hành 90 nghị quyết/Quyết định, chủ yếu liên quan đến các hoạt động nghiệp vụ làm cơ sở cho Ban điều hành triển khai thực hiện.

Công tác quản trị công ty của Tổng giám đốc

Cùng với Ban Điều hành, Tổng Giám Đốc đã chỉ đạo Công ty triển khai đầy đủ, kịp thời các Quyết định, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, nỗ lực duy trì hoạt động kinh doanh Công ty ở mức tích cực trong bối cảnh thị trường đặc biệt khó khăn; chủ động lập kế hoạch quản lý, điều hành kinh doanh; phát huy hiệu quả bộ máy tổ chức và quản lý doanh nghiệp.

Trong bối cảnh TTCK diễn biến xấu ảnh hưởng tới khả năng thực hiện kế hoạch, Tổng Giám đốc đã thường xuyên, kịp thời báo cáo HĐQT các kết quả hoạt động, khó khăn, vướng mắc trong kinh doanh của Công ty, đồng thời chủ động đưa ra các quyết định điều hành nhằm giảm thiểu thiệt hại cho Công ty, giúp BSC đạt lợi nhuận.

Năm 2022 là năm HĐQT và Tổng Giám đốc hết sức nỗ lực trong quản trị - điều hành BSC, một mặt đảm bảo lợi nhuận và lợi ích của cổ đông trong bối cảnh thị trường chung đặc biệt khó khăn, mặt khác hoàn thành nhiệm vụ bán chiến lược cho cổ đông nước ngoài, đưa Công ty bước sang giai đoạn phát triển mới với nguồn lực tài chính được củng cố mạnh mẽ.

HĐQT, TGD cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu, nghị quyết họp HĐQT và các tài liệu khác phục vụ công tác của BKS. BKS được mời tham dự các cuộc họp của HĐQT, đóng góp các ý kiến độc lập để đảm bảo các quyết định là tối ưu trong duy trì quyền và lợi ích của cổ đông và các bên liên quan.

2.4. Giám sát tình hình thực hiện các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ 2022

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu KHKD năm 2022:

Chỉ tiêu	KHKD 2022	Thực hiện tại 31/12/2022	% hoàn thành kế hoạch 2022
Lợi nhuận trước thuế	465 tỷ đồng	149 tỷ đồng	32%
Hệ số an toàn tài chính (%)	≥ 260%	871%	Hoàn thành

Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022

Công ty phân phối lợi nhuận năm 2021 theo đúng phương án đã được ĐHĐCĐ thường niên phê duyệt; thực hiện chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt với tỷ lệ 7%. Trong năm 2022, Công ty chưa thực hiện phân phối lợi nhuận của năm 2022.

Thù lao HĐQT, BKS năm 2022

Đến ngày 31/12/2022, BSC đã chi trả thù lao năm 2022 tới thành viên HĐQT và Ban KS theo quy định với tổng số tiền 3,209,103,604 đ nằm trong phạm vi ngân sách ĐHĐCĐ phê duyệt tại Nghị quyết số 04/NQ - ĐHĐCĐ thông qua ngày 18/11/2022, trong đó thù lao thành viên chuyên trách: 2,637,716,343 đ ; Thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách và thành viên BKS không chuyên trách: 571,387,261;

Như vậy, ngoài việc chưa hoàn thành mục tiêu lợi nhuận do yếu tố khách quan chung từ thị trường, BSC thực hiện đầy đủ các nội dung được phê duyệt tại Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022.



2.5. Về công tác thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng và năm của Công ty

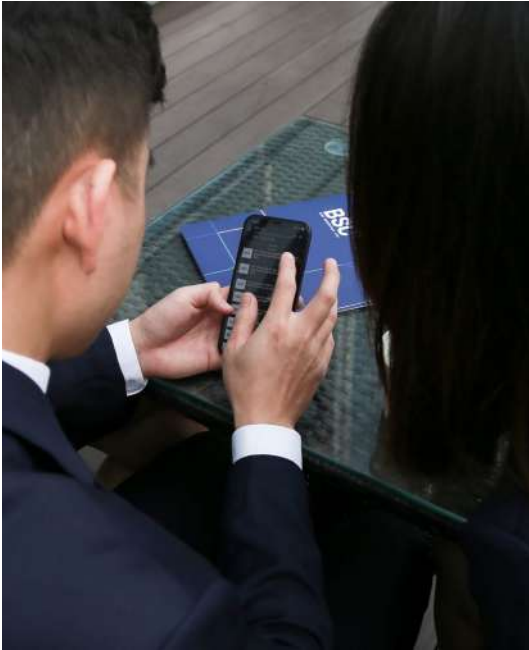
Các báo cáo tài chính của công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán, kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, bán niên, năm đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

Ban Kiểm soát đã xem xét, có ý kiến và thống nhất các số liệu trong Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên và cả năm 2022; đưa ra các ý kiến rà soát gửi Ban điều hành để hoàn thiện, đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán.

Các nội dung của báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên và năm 2022 đã đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành, được soát xét/kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập có uy tín trên thị trường, phản ánh đúng đắn, trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại các thời điểm và thời kỳ. Các báo cáo tài chính được công bố thông tin tới cổ đông một cách kịp thời, theo đúng quy định hiện hành áp dụng cho công ty niêm yết.

2.6. Giám sát, đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty

Trong năm 2022, BKS đã sử dụng bộ phận kiểm toán nội bộ trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ. BKS triển khai việc giám sát và thông qua các nội dung hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ như: xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra kiểm soát nội bộ năm 2022; báo cáo theo dõi và khắc phục các kiến nghị sau thanh kiểm tra tại BSC; thực hiện kiểm tra các thông số, tài liệu và công việc kinh doanh khi cần thiết; thẩm định các hồ sơ mua bán, báo cáo bán niên, hàng năm của Công ty. BKS cũng thường xuyên theo dõi, cập nhật kịp thời danh sách những người có liên quan của HĐQT, BKS, TGD và cổ đông sở hữu tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết, giám sát việc công bố thông tin đối với các thay đổi này (nếu có).



2.7. Công tác rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan

Trong năm 2022, Công ty có 8 hợp đồng/giao dịch với các Bên có liên quan. Qua rà soát, các hợp đồng/giao dịch kể trên đều là hợp đồng cung cấp dịch vụ, giao dịch thường xuyên với BIDV hoặc các bên có liên quan để phối hợp cung cấp dịch vụ cho khách hàng, phát triển hoạt động bán chéo sản phẩm, qua đó phát triển chuỗi sản phẩm tài chính hoàn chỉnh, mang lại lợi ích cho Công ty và các cổ đông.



Định hướng hoạt động năm 2023

Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ; Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS, BKS dự kiến trọng tâm công tác năm 2023 như sau:

- Giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ hoạt động của BSC, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, công tác quản trị - điều hành của HĐQT và Tổng Giám đốc, giám sát hoạt động và tính hiệu lực, hiệu quả của bộ phận kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023.
- Tham dự, tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định.
- Giám sát việc ban hành, điều chỉnh các văn bản nội bộ của Công ty nhằm đáp ứng yêu cầu từ cơ quan quản lý hoặc khi có thay đổi trong các văn bản pháp lý liên quan, chỉnh sửa và ban hành các văn bản phục vụ hoạt động của BKS.
- Thẩm định, soát xét tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, xem xét các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty; thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, trình ĐHĐCĐ thường niên theo quy định.

Kiến nghị đối với Công ty trong năm 2023

Thông qua việc giám sát các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2022, đối với năm 2023, BKS kiến nghị, đề xuất như sau:

- Năm 2023 dự kiến tiếp tục là năm khó khăn đối với nền kinh tế và TTCK..các công ty chứng khoán tiếp tục đối mặt nhiều trở ngại, thách thức. Chứng khoán là lĩnh vực nhạy cảm, chịu tác động cộng hợp từ các ngành kinh tế. Do đó, BSC cần nỗ lực ở mức cao nhất, phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ phân giao,
- Năm 2023 là năm có sự tham gia quản trị - điều hành BSC với tư cách cổ đông chiến lược nước ngoài, công ty tận dụng cơ hội hợp tác để có những chia sẻ toàn diện lĩnh vực nghiệp vụ chuyên môn, quản trị - điều hành,
- chuyển giao công nghệ, phát triển sản phẩm, dịch vụ hiện đại từ đối tác.
- Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin nâng cao tính ổn định, an toàn hệ thống, tăng năng lực hoạt động công nghệ thông tin, nâng cấp các tiện ích giao dịch, các sản phẩm dịch vụ trên nền tảng số nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cho khách hàng.
- Trong bối cảnh TTCK, đặc biệt là thị trường TPDN còn phát sinh thông tin tiêu cực, gây tâm lý hoang mang, bất ổn cho nhà đầu tư, BSC cần thận trọng tối đa trong hoạt động tự doanh, tư vấn liên quan đến trái phiếu, tránh xảy ra các sự vụ ảnh hưởng đến uy tín, thương hiệu Công ty và hình ảnh các cổ đông.
- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra giám sát, kiểm toán nội bộ để phát hiện, cảnh báo và đưa ra các biện pháp chấn chỉnh, phòng ngừa kịp thời trong hoạt động kinh doanh của công ty.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

1 Chế độ thù lao của HĐQT và BKS

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát BSC năm 2022 được ĐHĐCĐ phê duyệt tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và ĐHĐCĐ bất thường ngày 18/11/2022. Theo đó, chế độ thù lao (trước thuế Thu nhập cá nhân) cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cụ thể như sau:

Thành viên chuyên trách:
Hưởng lương theo quy chế thu nhập của công ty.

Thành viên không chuyên trách:
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị : **10.000.000** đồng/tháng
 Thành viên Hội đồng Quản trị : **5.000.000** đồng /tháng
 Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị : **30.000.000** đồng/tháng
 Trưởng Ban Kiểm soát : **5.000.000** đồng /tháng
 Thành viên Ban Kiểm soát : **1.000.000** đồng/tháng

Ghi chú: Mức thù lao chi trả cho thành viên HĐQT, BKS là trước thuế thu nhập cá nhân

2 Thu nhập của HĐQT, BKS và Ban Giám đốc

Năm 2022: **12.789.878.968** VND
 Năm 2021: **11.968.408.461** VND

3 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ công ty

Trong năm 2022, BSC không ghi nhận giao dịch cổ phiếu của người nội bộ của công ty.

4 Hợp đồng hoặc Giao dịch với cổ đông nội bộ

STT	Tên tổ chức/ cá nhân/	Mối quan hệ liên quan với công ty/	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam	Công ty mẹ	16/8/2022	Nghị quyết số 771/NQ-BSC ngày 16/08/2022	Thông qua chủ trương cung ứng dịch vụ và các hợp đồng khung liên quan đến trái phiếu tăng vốn của BIDV năm 2022
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam	Công ty mẹ	2022		- Doanh thu lãi tiền gửi: 40.609.592.500 vnd - Doanh thu phí dịch vụ: 93.636.364 vnd - Chi phí dịch vụ giao dịch: 46.465.360.692 vnd - Chi phí dịch vụ thanh toán: 347.141.711 vnd - Thu hộ tiền cho vay cầm cố của khách hàng: 4.326.281.667.472 vnd - Giải ngân hộ cho vay cầm cố cho khách hàng: 3.752.649.738.513 vnd
3	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV (BIC)	Công ty con của BIDV	2022		Doanh thu phí môi giới chứng khoán: 139.195.682 vnd Chi phí mua bảo hiểm: 861.666.959 vnd
4	Ngân hàng Thương mại Cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam		2022		- Số dư tiền gửi của Công ty tại BIDV: 770.213.727.339 vnd - Số dư tiền gửi của nhà đầu tư tại BIDV: 380.531.402.930 vnd - Đầu tư vào cổ phiếu (lô lẻ): 1.369.646.596 vnd - Đầu tư vào trái phiếu: 80.978.720.294 vnd - Chứng chỉ tiền gửi: 50.00.000.000 vnd - Dự thu lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu: 5.044.100.387 vnd - Phải trả phí dịch vụ giao dịch: 790.370.763 vnd - Phải trả lãi hoạt động cho vay ký quỹ: 1.348.114.903 vnd - Thu hộ tiền cho vay cầm cố của khách hàng: 347.921.482 vnd - Giải ngân hộ tiền cho vay cầm cố cho khách hàng: 466.826.460 vnd - Phải thu phí dịch vụ: 70.000.000 vnd
5	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV (BIC)	Công ty con của BIDV	2022		Đầu tư vào cổ phiếu (lô lẻ): 15.442.365 vnd
6	Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Campuchia (BIDC)	Công ty con của BIDV	2022		Số dư tiền gửi của Công ty và nhà đầu tư tại BIDC: 1.230.795 vnd
7	Công ty TNHH Chứng khoán Hana	Cổ đông lớn	2022		- Góp vốn bằng tiền: 2.694.931.722.000 vnd - Cổ tức được chia: 46.011.029.400 vnd
8	Công ty TNHH Chứng khoán Hana	Cổ đông lớn	2022		Chi phí cho nhân sự phái cử: 1.009.625.176 vnd



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 90 Tổng quan về báo cáo phát triển bền vững
- 91 Định hướng phát triển bền vững toàn diện
- 92 Quản trị phát triển bền vững
- 98 Đảm bảo cam kết với các bên liên quan
- 115 GRI công bố thông tin

Tổng quan về báo cáo phát triển bền vững

“

Trên chặng đường hơn 23 năm hình thành và phát triển, BSC luôn vững vàng vị thế là một trong những công ty chứng khoán uy tín hàng đầu thị trường, nỗ lực đổi mới, tiên phong đón đầu xu thế để mang chất lượng dịch vụ tốt nhất đến cho Khách hàng, là người bạn đồng hành tin cậy của Nhà đầu tư. Với đội ngũ nhân sự trẻ trung cùng trái tim nhiệt huyết yêu nghề, hăng say cống hiến, BSC luôn sẵn sàng ứng biến với thay đổi của thị trường và bắt kịp đà phát triển của xu thế công nghệ mới. Bên cạnh đó, yếu tố phát triển bền vững luôn được coi trọng trong tất cả mọi hoạt động của BSC. Báo cáo Phát triển bền vững được chúng tôi xây dựng như một hệ quy chiếu đến tất cả các hoạt động của công ty nhằm tổng hợp, đánh giá và công bố ngắn gọn những hoạt động hướng đến sự bền vững trong cả năm 2022. Báo cáo tổng hợp các khía cạnh về định hướng phát triển bền vững toàn diện và đảm bảo cam kết với các bên liên quan. Đây cũng là ấn phẩm thể hiện nỗ lực công khai, minh bạch trong việc công bố thông tin đến các bên liên quan bao gồm cổ đông, khách hàng, đối tác, cơ quan quản lý và người lao động gia, từ đó tăng giá trị mang lại cho cổ đông, góp phần phát triển cộng đồng và xã hội, cũng như xây dựng uy tín, thương hiệu của Công ty.

”



Định hướng phát triển bền vững toàn diện

Là một trong những Công ty Chứng khoán lâu năm nhất trên thị trường, BSC luôn chú trọng mang lại sự hài lòng toàn diện cho khách hàng trên từng dịch vụ, sản phẩm cung cấp, cân bằng và đảm bảo lợi ích cao nhất cho các cổ đông, người lao động, và đảm bảo trách nhiệm với các bên liên quan, hướng đến tăng trưởng bền vững, nền tảng phát triển lâu dài.

Mô hình phát triển bền vững



Kinh tế

Trong năm 2022, dưới sự cạnh tranh gay gắt của thị trường, BSC đã thực hiện các biện pháp nhằm tối ưu hoá các nguồn lực để cạnh tranh và phát triển, đem lại giá trị bền vững cho cổ đông, đóng góp cho sự phát triển của nền kinh tế. Bên cạnh đó, Chúng tôi luôn tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu về chỉ tiêu tài chính và các giới hạn đầu tư theo Luật quy định nhằm đảm bảo tăng trưởng ổn định, an toàn và bảo vệ quyền lợi cho các cổ đông.



Xã hội

Với phương châm không chỉ tập trung phát triển kinh tế, thực hiện trách nhiệm xã hội vì sự phát triển của cộng đồng cũng được Chúng tôi quan tâm. Những hoạt động phát triển xã hội như chung tay phòng chống dịch bệnh, thiên tai; đầu tư, xây dựng các chương trình phát triển giáo dục liên tục được đẩy mạnh góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn



Môi trường

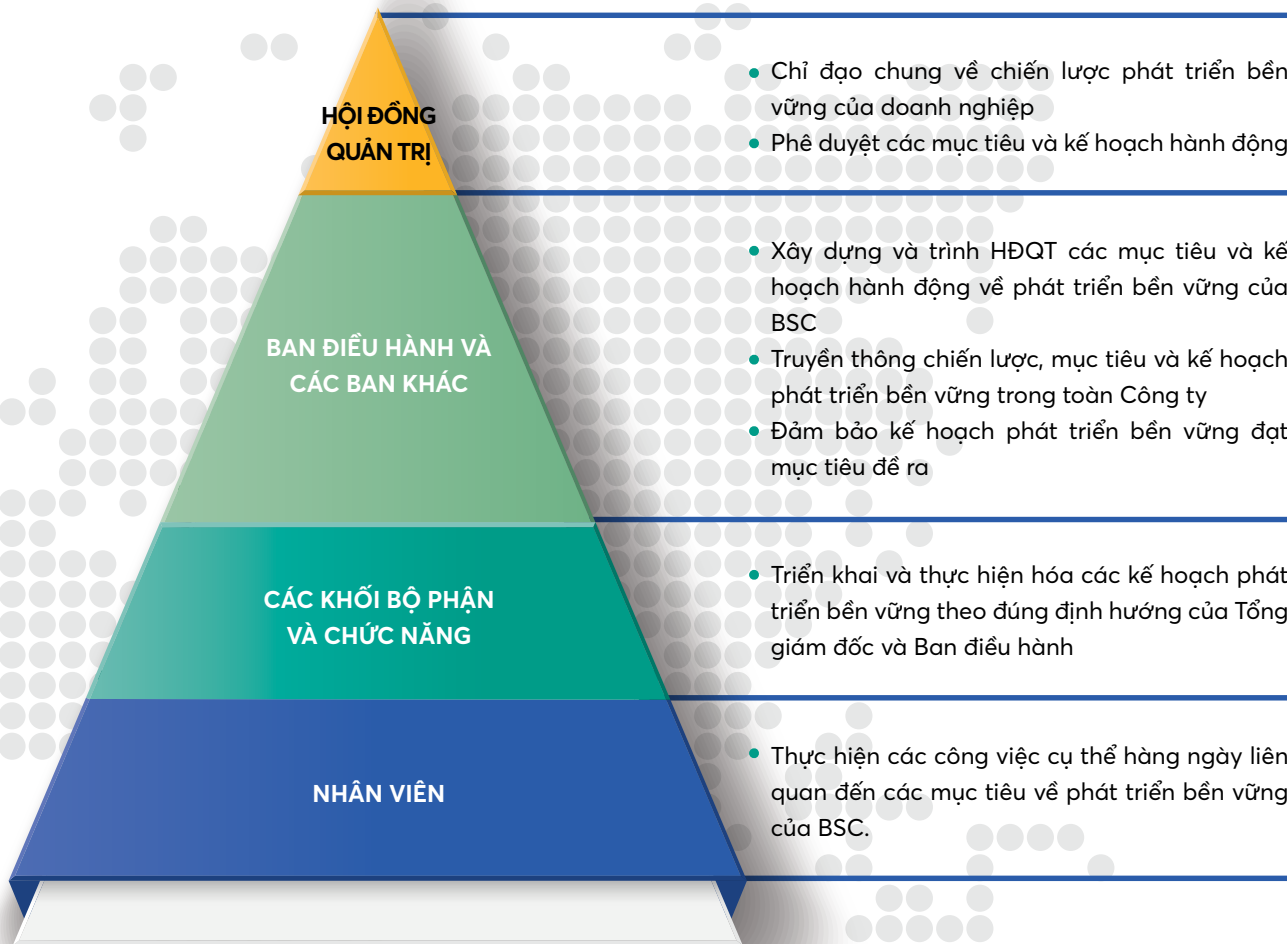
Đánh giá cao tầm quan trọng của yếu tố môi trường đến cuộc sống và sự phát triển kinh tế, đối với những vấn đề về môi trường và tiết kiệm năng lượng BSC rất quan tâm và chú trọng.

Quản trị phát triển bền vững

1 Mô hình quản trị về phát triển bền vững

Công tác quản trị bền vững của BSC được xây dựng dựa trên những thông lệ quản trị công ty tốt nhất trong khu vực và trên thế giới, song song với việc tuân thủ chặt chẽ quy định của Pháp luật Việt Nam về quản trị công ty đại chúng. Cơ chế quản trị về phát triển bền vững tại BSC được xây dựng thống nhất và xuyên suốt, nhằm triển khai hoạt động kinh doanh một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả.

Mô hình quản trị về phát triển bền vững



2 Cơ chế tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan

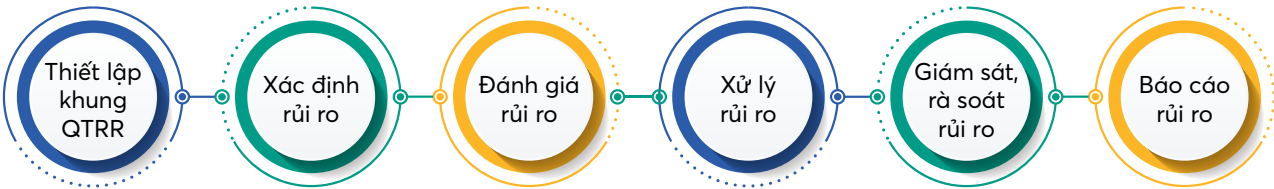
Với nỗ lực không ngừng phát triển, BSC luôn sẵn sàng tiếp nhận phản hồi, đóng góp ý kiến từ tất cả các bên, lấy đó làm động lực và cơ sở để cải thiện kinh doanh. BSC phát triển hệ thống tiếp nhận các ý kiến, thông tin phản hồi với các bên liên quan thông qua đa dạng các kênh, cụ thể:

Bên liên quan	Kênh truyền thông
Khách hàng	Trực tiếp gặp gỡ tại các điểm giao dịch trên toàn quốc
	Trung tâm hỗ trợ khách hàng, Tổng đài, Zalo Official Account
	Các kênh kết nối với các nhà đầu tư, bao gồm website, các buổi hỏi đáp và email thường xuyên về kết quả hoạt động kinh doanh
	Khảo sát mức độ hài lòng
Cổ đông	Các buổi hội thảo và hội nghị
	Đại hội đồng cổ đông thường niên
	Báo cáo tài chính
	Báo cáo thường niên
Cơ quan quản lý	Các kênh liên lạc khác: website, email, điện thoại
	Hội nghị/ Hội thảo/ Công văn đóng góp ý kiến
	Báo cáo thường niên/ Báo cáo phát triển bền vững
	Các báo cáo công bố thông tin theo quy định
Các hiệp hội và tổ chức chuyên nghiệp	Các hiệp hội gồm:
	• Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam;
	• Hiệp hội thị trường Trái phiếu Việt Nam;
	• Hiệp hội đầu tư Campuchia;...
Nhân viên	Hợp tổng kết hàng tháng, quý, bán niên
	Các kênh truyền thông nội bộ: Điện thoại nội bộ, trực tuyến, conference và email
	Các chương trình đào tạo nội bộ, các sự kiện định kỳ của công ty
	Các sự kiện của các tổ chức sinh viên và các trường đại học
Cộng đồng và thế hệ trẻ	Các chương trình từ thiện và kêu gọi quyên góp; các hoạt động môi trường và cộng đồng
	Các buổi hội thảo và phỏng vấn
	Các diễn đàn và hội thảo
Báo chí và truyền thông	

3 Quản trị rủi ro

BSC luôn coi trọng công tác quản trị rủi ro và đảm bảo tuân thủ theo các quy định của UBCKNN. Hệ thống quản trị rủi ro hoàn chỉnh và thống nhất giúp BSC có tầm nhìn khách quan nhất về các mặt hoạt động của mình. Khả năng chủ động phát hiện các rủi ro tiềm tàng, quản lý rủi ro luôn là một lợi thế để giúp BSC ngăn chặn và hạn chế một cách có hiệu quả những tổn thất do các rủi ro gây ra.

Quy trình quản trị rủi ro tại BSC được xây dựng đầy đủ, chi tiết, bao gồm: thiết lập khung quản trị rủi ro, xác định rủi ro, đánh giá rủi ro, xử lý rủi ro, giám sát và rà soát rủi ro, và báo cáo rủi ro.



Thiết lập khung quản trị rủi ro	Xác định khẩu vị rủi ro đảm bảo nguyên tắc gắn kết với các mục tiêu và chiến lược kinh doanh của BSC. Xác định khả năng chấp nhận rủi ro và xây dựng thông số rủi ro đối với từng nhóm rủi ro dựa trên khẩu vị rủi ro của BSC.
Xác định rủi ro	Xác định các rủi ro phát sinh/ có khả năng phát trong việc triển khai hoạt động kinh doanh. Xác định nguyên nhân cốt lõi, hậu quả của rủi ro và các kiểm soát hiện tại.
Đánh giá rủi ro	Đánh giá tác động và khả năng xảy ra của rủi ro. Xác định mức độ trọng yếu của rủi ro.
Xử lý rủi ro	Xác định các phương pháp xử lý rủi ro. Xây dựng các kế hoạch hành động tương ứng nhằm giảm thiểu, quản lý rủi ro và đồng thời liên tục giám sát rủi ro.
Giám sát, rà soát rủi ro	Theo dõi và định kỳ đánh giá tính hiệu quả của biện pháp xử lý rủi ro, chiến lược & cơ chế kiểm soát đã xây dựng, đảm bảo tính phù hợp với điều kiện luôn thay đổi. Thực hiện cập nhật khi cần thiết. Thường xuyên trao đổi, cập nhật và tham vấn 2 chiều giữa người ra quyết định và các bên liên quan về các thông tin về rủi ro (sự tồn tại, tính chất, hình thức, mức độ trọng yếu, khả năng chấp nhận rủi ro).
Báo cáo rủi ro	Báo cáo định kỳ thường xuyên được thực hiện bởi các cấp khác nhau tại BSC nhằm cập nhật, quản lý thông tin rủi ro, xác định mức độ trọng yếu và hỗ trợ xây dựng kế hoạch kinh doanh và chính sách quản trị rủi ro.

Dựa trên nền tảng hệ thống quản trị rủi ro, BSC đã xây dựng các chương trình hành động áp dụng chính sách quản trị rủi ro vào từng loại rủi ro trong năm 2022:

Loại rủi ro	Quản trị rủi ro tại BSC
Rủi ro hoạt động	BSC chuẩn hóa quy trình và các chốt chặn kiểm soát thông qua việc xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung các chính sách và quy trình đối với từng nghiệp vụ như môi giới, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư... trong đó quy định rõ vai trò và trách nhiệm của từng vị trí đối với từng công việc cụ thể. Đây là công cụ cơ bản để nâng cao tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm giảm thiểu rủi ro. Cùng với đó, các biện pháp quản trị rủi ro khác được áp dụng bao gồm: triển khai và hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống giám sát và cảnh báo sự cố; xây dựng và bổ sung các kịch bản diễn tập cho việc xử lý các sự cố liên quan đến CNTT; quản lý việc truy cập, phân quyền truy cập theo chức năng – nhiệm vụ đối với từng bộ phận nhằm nâng cao tính bảo mật của hệ thống...
Rủi ro thị trường	BSC thực hiện đo lường giá trị rủi ro thị trường hàng ngày theo quy định tại Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính, kết hợp với hệ thống báo cáo định kỳ tại BSC. Hàng tuần, các phòng kinh doanh được thông báo về giới hạn kiểm soát hạn mức đầu tư từng tuần. Ngoài ra, cơ cấu danh mục đầu tư được quản lý hàng tháng thông qua báo cáo phân tích giá trị thuần của các khoản đầu tư nhằm cung cấp các thông tin về mức độ tập trung rủi ro và các tiêu chí đánh giá bao gồm: đơn vị phát hành/ đối tác, lĩnh vực/ ngành nghề, loại đầu tư, kỳ hạn...
Rủi ro thanh toán	BSC thực hiện đo lường giá trị rủi ro thanh toán hàng ngày theo quy định tại Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính. Định kỳ hàng tháng và hàng quý, BSC thực hiện đánh giá về mức độ rủi ro thanh toán của danh mục trái phiếu đầu tư và danh mục cho vay ký quỹ dựa trên các thông tin cập nhật trên thị trường và mô hình xếp hạng cổ phiếu do BSC xây dựng nhằm nhận diện, sàng lọc và giảm thiểu mức độ rủi ro thanh toán cho BSC.
Rủi ro thanh khoản	BSC thực hiện đo lường giá trị rủi ro thanh toán hàng ngày thông qua Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng theo quy định tại Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính. Ngoài ra, BSC xây dựng bộ chỉ số thanh khoản mục tiêu áp dụng dựa trên Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính. BSC giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng để đáp ứng cho các hoạt động của BSC và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền. Định kỳ hàng quý, BSC lập báo cáo phân tích dòng tiền để so sánh dòng tiền vào và dòng tiền ra trong kỳ cho các hoạt động kinh doanh, đầu tư và tài chính, qua đó phân tích và đánh giá những xu hướng sử dụng và huy động vốn trong kỳ. Ngoài ra, báo cáo phân tích chỉ số thanh khoản của BSC được thực hiện hàng tháng nhằm đánh giá về khả năng/ trạng thái thanh khoản của BSC trong kỳ báo cáo.
Rủi ro pháp lý	BSC chủ động cập nhật các thay đổi của văn bản pháp luật và đánh giá những tác động của việc thay đổi các chính sách liên quan đến hoạt động của BSC. Đồng thời, BSC chủ động rà soát, chuẩn hóa các quy trình, chính sách, phân cấp ủy quyền của các nghiệp vụ để đảm bảo phù hợp với các thay đổi pháp lý, đồng thời thống nhất nội dung, tránh các văn bản, quy định rời rạc, thiếu nhất quán.

4 Bộ quy tắc ứng xử



Bộ quy tắc ứng xử tại BSC được xây dựng và truyền thông rộng rãi đến tất cả các cá nhân trong công ty nhằm xây dựng một tập thể vững mạnh, đoàn kết, hướng tới sự phát triển lâu dài. Bộ quy tắc ứng xử của chúng tôi luôn đặt yếu tố ý thức con người lên hàng đầu, bao gồm những đặc điểm, phẩm chất làm kim chỉ nam cho các hành vi, tình huống đối xử giữa các đồng nghiệp trong công ty, đề cao sự sáng tạo, nhân phẩm mỗi cá nhân, tạo ra môi trường hoàn toàn bình đẳng, thoải mái để các nhân viên có thể hoàn thành tốt công việc của mình, tuyệt đối nói không với chèn ép, bắt nạt và các hành vi quấy rối, đảm bảo sự riêng tư và tuyệt mật đối với từng người. Bộ quy tắc được thể hiện qua các đặc điểm sau:



5 Tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp

Tuân thủ pháp luật

BSC luôn cam kết và nỗ lực hành động đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, thông lệ quốc tế và các hợp đồng, thỏa thuận, giao dịch đã được BSC ký kết với các khách hàng, đối tác nhằm đáp ứng cho sự phát triển an toàn, bền vững; BSC không chấp nhận bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quy định nội bộ, vi phạm nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp. Mọi chính sách pháp luật liên quan liên quan đến hoạt động của BSC đều được nhận diện, theo dõi, đảm bảo việc chấp hành và phòng, tránh các hành vi vi phạm tuân thủ. Hoạt động tuân thủ pháp luật tại BSC được triển khai đồng bộ và toàn diện dựa trên các nội dung:

- Luôn bám sát và thường xuyên cập nhật hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, quy định pháp luật và thông lệ quốc tế liên quan đến các hoạt động của công ty; Đồng thời xây dựng và ban hành hệ thống văn bản, quy trình, quy định nội bộ nhằm hướng dẫn và đảm bảo thực thi tuân thủ trong các hoạt động của công ty
- Ứng dụng sâu rộng và mạnh mẽ nền tảng công nghệ thông tin vào tất cả các hoạt động của công ty, từ đó nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ nhân viên, hiệu quả của hoạt động và hạn chế các hành vi vi phạm.
- Tăng cường hoạt động đào tạo nghiệp vụ, các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp cho toàn thể cán bộ, nhân viên của BSC, góp phần xây dựng văn hóa tuân thủ, theo đó, mọi cán bộ, nhân viên BSC luôn hiểu, làm đúng và tự nguyện tuân thủ.
- Xây dựng hệ thống giám sát tuân thủ, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật Việt Nam, phù hợp thông lệ quốc tế; Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, đánh giá tuân thủ trong toàn bộ hoạt động quản lý, vận hành của công ty; Kiến nghị và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực của hoạt động tuân thủ tại BSC.

Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong giao dịch với khách hàng và các đối tác

- BSC luôn phục vụ và hỗ trợ khách hàng, đối tác, cổ đông theo chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cao nhất, nỗ lực đạt lợi thế cạnh tranh tốt nhất thông qua việc không ngừng cải thiện, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, đồng thời không chấp nhận bất cứ hành vi vi phạm pháp luật, gian lận, vi phạm đạo đức nghề nghiệp để trục lợi hoặc cạnh tranh không lành mạnh.
- BSC duy trì và nâng cao hình ảnh uy tín, sự tin tưởng đối với đối tác, khách hàng, cổ đông, tăng cường phối hợp và trao đổi với các cơ quan quản lý nhà nước trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật trong nước, pháp luật quốc tế và các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, ứng xử mà BSC ban hành. BSC mong muốn xây dựng niềm tin, sự tin nhiệm của khách hàng, đối tác thông qua văn hóa làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả trên cơ sở thượng tôn pháp luật và cạnh tranh lành mạnh.



Đảm bảo cam kết với các bên liên quan



1 Đảm bảo quyền và lợi ích tối đa cho cổ đông

1.1. Minh bạch thông tin

Công bố thông tin

Trong năm 2022, BSC không nhận được bất kỳ quyết định xử lý vi phạm nào từ phía cơ quan có thẩm quyền liên quan đến việc Công bố thông tin. Việc công bố thông tin của BSC đảm bảo tuân thủ theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ của công ty, Quy chế quản trị nội bộ của công ty, Quy chế Công bố thông tin và đảm bảo các bên liên quan có thể tiếp cận dễ dàng với các thông tin đã được BSC công bố.

Lựa chọn đơn vị kiểm toán

Để đảm bảo mức độ tin cậy, BSC luôn chọn một trong bốn công ty kiểm toán hàng đầu tại Việt Nam (Big4) đã được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm và soát xét các báo cáo tài chính bán niên. Trong năm 2022 công ty TNHH PWC Việt Nam tiếp tục là đơn vị thực hiện công tác kiểm toán cho BSC.

1.2. Tối đa hóa lợi ích cho cổ đông

Chi trả cổ tức

Trong năm 2022, BSC đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho năm tài chính 2021 với tỷ lệ cụ thể là 7%/mệnh giá cổ phiếu (700 đồng/cổ phiếu) tại ngày 28/10/2022 cho các cổ đông trong danh sách chốt hưởng quyền tại ngày 10/10/2022.

Quan hệ cổ đông

BSC luôn duy trì các kênh liên lạc với cổ đông từ online qua email hay kênh liên lạc trực tiếp bằng văn bản... Bên cạnh đó, BSC cũng sẵn sàng lắng nghe các ý kiến từ phía các cổ đông thông qua các kênh liên lạc nêu trên nhằm mục đích đảm bảo tối đa quyền lợi của các cổ đông.



1.3. Đảm bảo quyền tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ

Trong năm 2022, BSC đã thực hiện tổ chức thành công 02 cuộc họp ĐHĐCĐ bao gồm ĐHĐCĐ thường niên tại ngày 29/04/2022 và ĐHĐCĐ bất thường tại ngày 18/11/2022.

Tham gia họp ĐHĐCĐ

Việc chốt quyền tham dự ĐHĐCĐ của cổ đông, tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ đều được BSC thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật. Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách sở hữu cổ phần của BSC tại ngày đăng ký cuối cùng cho 02 cuộc họp ĐHĐCĐ đều được gửi thông báo mời họp với các thông tin liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ.

Toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của BSC và được cập nhật liên tục trong thời gian hai mươi mốt (21) ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ.

Biên bản họp, Nghị quyết của các cuộc họp ĐHĐCĐ được đăng trên trang thông tin điện tử của BSC sau khi kết thúc Đại hội đảm bảo thể hiện đầy đủ các thông tin, nội dung đã được thông qua tại các cuộc họp ĐHĐCĐ đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

Biểu quyết tại ĐHĐCĐ

Trong trường hợp cổ đông không thể tham dự trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ, BSC tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông được ủy quyền cho người khác tham dự và thực hiện quyền biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền khi tham dự Đại hội đều được phát Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết theo mẫu của BSC. Cổ đông dùng Thẻ biểu quyết để thông qua các vấn đề chung tại Đại hội. Việc biểu quyết của cổ đông tại Đại hội được thực hiện theo quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và quy chế tổ chức Đại Hội đồng cổ đông được thông qua tại đại hội.

1.4. Đảm bảo quyền bình đẳng đối với tất cả cổ đông

BSC luôn đảm bảo công bằng, bình đẳng, bảo vệ quyền lợi đối với tất cả các cổ đông. Do đó, việc cung cấp thông tin một cách minh bạch và đầy đủ tới tất cả cổ đông, đảm bảo sự bình đẳng, không phân biệt cổ đông thiểu số/ đa số hay cổ đông trong/ngoài nước là điều mà BSC luôn hướng tới thực hiện.

Quản trị xung đột về lợi ích

Việc ngăn ngừa xung đột về lợi ích đặc biệt là trong các giao dịch với người có liên quan, người nội bộ (nếu có)... luôn được BSC công bố thông tin, thực hiện đúng theo các quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi của tất cả các cổ đông.

2 Nỗ lực không ngừng mang lại giá trị cao nhất cho khách hàng

Tối ưu hóa trải nghiệm của khách hàng luôn là kim chỉ nam trong mọi hoạt động của BSC. Bám sát định hướng này, trong năm 2022, BSC đã tích cực đẩy mạnh đầu tư hạ tầng công nghệ để gia tăng trải nghiệm, cung cấp các sản phẩm mới đa dạng, thuận tiện hơn tới khách hàng, tiêu biểu như:



2.1. Giao dịch chứng khoán đa nền tảng

Với mục tiêu mở rộng thêm các tiện ích hiện đại trong quá trình giao dịch chứng khoán, ngay từ đầu năm 2022, BSC đã phát triển hệ thống kết nối OpenAPIs cho phép nhà đầu tư kết nối, tra cứu thông tin và thực hiện giao dịch từ tài khoản chứng khoán mở tại BSC ngay trên nền tảng giao dịch của các đối tác tài chính hàng đầu Việt Nam như Fireant, vStock, DATX... Điều này giúp nhà đầu tư của BSC tiếp cận và sử dụng linh hoạt nhiều công cụ hỗ trợ đầu tư trong quá trình giao dịch.

2.2. Ứng dụng đầu tư chứng khoán thế hệ mới BSC Smart Invest

Với thế mạnh về nền tảng tài chính vững chắc cùng đội ngũ nhân sự chất lượng, BSC luôn lắng nghe và thấu hiểu nhu cầu của khách hàng để không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng dịch vụ. Ứng dụng đầu tư chứng khoán thế hệ mới BSC Smart Invest là kết quả của sự nghiên cứu và tâm huyết từ đội ngũ cán bộ nhân viên công ty với mục tiêu mang đến cho khách hàng trải nghiệm đầu tư Hiệu quả - Tiện lợi - Nhanh chóng. Đây cũng là bước đi quan trọng của BSC trong quá trình chuyển đổi số - xu hướng tất yếu của nhiều doanh nghiệp hiện nay.



2.3. Tính năng Đầu tư tự động hàng tháng (SMIP) trên BSC i-Invest

Với mục tiêu mở rộng thêm các tiện ích hiện đại trong quá trình giao dịch chứng khoán, ngay từ đầu năm 2022, BSC đã phát triển hệ thống kết nối OpenAPIs cho phép nhà đầu tư kết nối, tra cứu thông tin và thực hiện giao dịch từ tài khoản chứng khoán mở tại BSC ngay trên nền tảng giao dịch của các đối tác tài chính hàng đầu Việt Nam như Fireant, vStock, DATX... Điều này giúp nhà đầu tư của BSC tiếp cận và sử dụng linh hoạt nhiều công cụ hỗ trợ đầu tư trong quá trình giao dịch.

2.4. Whatsapp business – Kênh tư vấn đầu tư dành cho khách hàng nước ngoài

Với mong muốn nâng cao chất lượng dịch vụ và mang tới những thông tin mới nhất về thị trường tới nhà đầu tư nước ngoài, BSC đã cho ra mắt tài khoản trên nền tảng ứng dụng WhatsApp Business (WB) dành cho khách hàng nước ngoài với nhiều tính năng tư vấn/hỗ trợ khách hàng như: Hỗ trợ mở tài khoản, giải đáp thắc mắc trong quá trình giao dịch; Nhận khuyến nghị từ Trợ lý tư vấn đầu tư 24/07 – iBroker; Nhận báo cáo hàng tuần; Cập nhật các ưu đãi mới nhất.



2.5. Nâng cao tính bảo mật với các giao dịch online với xác thực 2 yếu tố

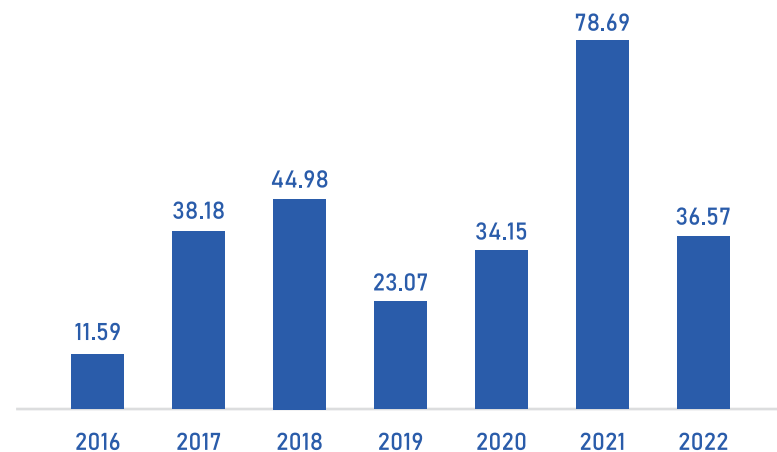
Với mong muốn mang tới cho khách hàng trải nghiệm xác thực giao dịch online với mức độ bảo mật tuyệt đối, BSC đã triển khai phương thức xác thực giao dịch 2 yếu tố (SMS OTP và Smart OTP) trên nền tảng giao dịch trực tuyến Webtrading và ứng dụng đầu tư BSC Smart Invest, giúp tăng cường tính bảo mật và rút ngắn thời gian đặt lệnh của khách hàng.



3 Trách nhiệm với thị trường và cơ quan quản lý, các hiệp hội

3.1. Đóng góp cho Ngân sách nhà nước

Một doanh nghiệp hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp thuế là một doanh nghiệp có trách nhiệm với xã hội. Hiểu rõ được quyền và nghĩa vụ của mình, BSC luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp cho Ngân sách nhà nước. Trong năm 2022, BSC đã đóng góp gần 36.57 tỷ đồng vào Ngân sách nhà nước.



Mức thuế BSC đóng góp cho Ngân sách nhà nước (Tỷ đồng)

3.2. Tích cực tham gia các hiệp hội

BSC ý thức được trách nhiệm của mình trong việc góp phần xây dựng thị trường vốn, thúc đẩy kinh tế phát triển, đặc biệt là trong việc thúc đẩy sự minh bạch, liêm chính và khơi nguồn sự đổi mới.

Công ty luôn chủ động tham gia vào các hoạt động thị trường và các hiệp hội trong ngành. Đại diện của BSC là các thành viên của Ủy ban Hội đồng chỉ số, Hiệp hội Trái phiếu Việt Nam, Hiệp hội đầu tư sang Campuchia, Hiệp hội xi măng, Hiệp hội mía đường, Hiệp hội kinh doanh chứng khoán... Công ty thường xuyên tổ chức các buổi Hội nghị phân tích định kỳ hàng quý cho báo đài và các quỹ đầu tư quan tâm, qua đó giúp các nhà đầu tư trong và ngoài nước có thêm những thông tin hữu ích và đáng tin cậy cho các quyết định đầu tư.

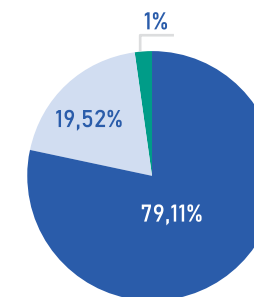
4 Quản trị nguồn nhân lực

4.1. Xây dựng và gắn kết nguồn nhân lực

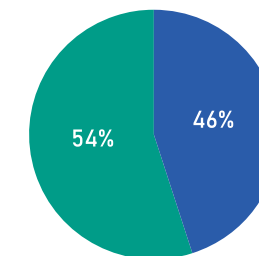
Nguồn nhân lực luôn được BSC xem là chìa khóa của sự thành công, là nội lực của mỗi doanh nghiệp. Đặc thù của ngành tài chính yêu cầu nhân sự cần có tư chất đạo đức tốt, cũng như các yêu cầu về kiến thức chuyên môn và tư duy, vì vậy để có những bước phát triển vững vàng trong tương lai, việc thu hút, khuyến khích và giữ chân nhân viên giỏi, tạo môi trường cho nhân viên phát triển luôn là nhiệm vụ đi đầu.

4.2. Thống kê đội ngũ Nhân sự năm 2022

Tại thời điểm 31/12/2022, tổng số nhân sự đang làm việc tại BSC là 292 cán bộ (tăng 8.55% so với tổng số nhân sự tại thời điểm 31/12/2021). Tỷ lệ lao động có trình độ đại học và trên đại học chiếm 98.63% tổng số lao động. Với 79.11% số lượng nhân viên có trình độ cử nhân, 19.52% số lượng nhân viên có trình độ trên đại học đảm bảo nền tảng kiến thức chuyên môn để phát triển và cung cấp cho khách hàng các sản phẩm dịch vụ có chất lượng cao.



Trình độ học vấn của người lao động

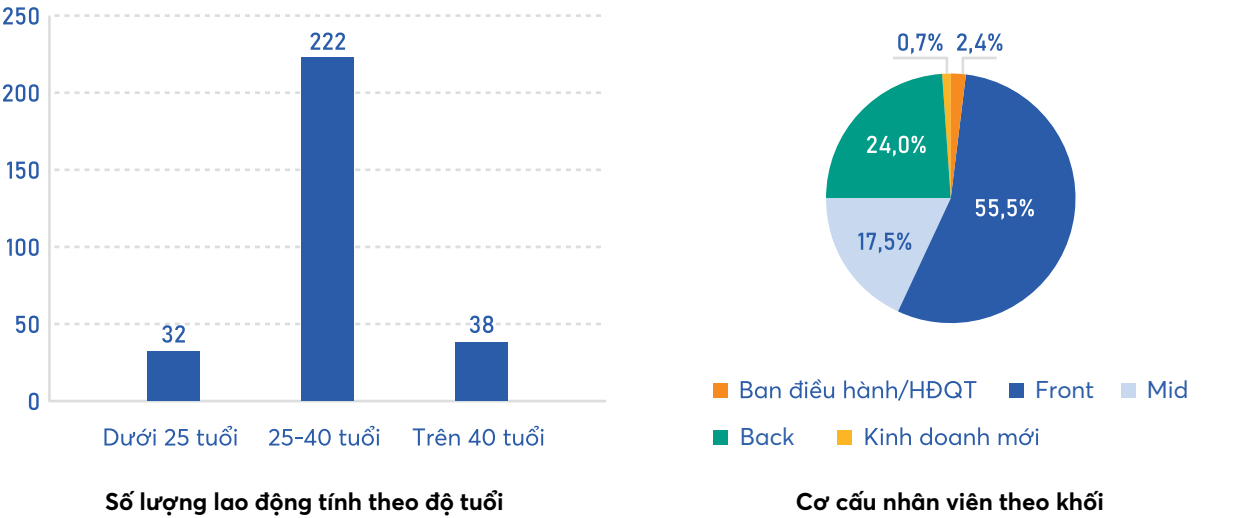


Tỷ lệ lao động phân chia theo giới



Xét về độ tuổi, đội ngũ nhân sự của BSC chủ yếu tập trung ở độ tuổi từ 25-40 tuổi (76.03%) và có xu hướng trẻ hóa, được đào tạo bài bản và nhiệt tình trong công việc. Với cơ cấu nhân sự trẻ như vậy, BSC trang bị cho mình lực lượng lao động ở độ tuổi cống hiến, nhiệt tình, hứa hẹn mang lại một BSC lớn mạnh trong tương lai.

Khối kinh doanh trực tiếp luôn được chúng tôi đảm bảo duy trì cơ cấu với tỷ trọng lớn chiếm đến 55.5% trên tổng số nhân sự. Bên cạnh đó, 24.0% là nhân sự khối Backoffice và 17.5% nhân sự thuộc khối Middle.



Tại BSC, 100% người lao động được đánh giá hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp thông qua chỉ tiêu KPIs được phân giao và đánh giá định kỳ hàng tháng, quý, năm.

4.3. Công tác huấn luyện, đào tạo

Công tác huấn luyện, đào tạo là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Công ty nhằm phát triển nguồn nhân lực nội bộ, từ đó gia tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Hằng năm, BSC dành một ngân sách tương đối lớn cho công tác đào tạo, thông qua tổ chức các chương trình đào tạo nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm thực tiễn cho cán bộ nhân viên, cử nhân viên tham gia các diễn đàn, các hội thảo chuyên đề để có cơ hội học hỏi, chia sẻ và tiếp cận thông tin. Bên cạnh đó, BSC luôn khuyến khích, tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho nhân viên tự học tập, trau dồi năng lực cá nhân. Bên cạnh những chứng chỉ hành nghề phục vụ cho công việc hàng ngày của người lao động, BSC còn tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên tham gia học tập và hoàn thiện các chứng chỉ quốc tế chuyên nghiệp phù hợp với lĩnh vực chuyên môn như CFA, CPA, CMA...

Trong năm 2022, BSC đã tổ chức triển khai nhiều khóa đào tạo có tính ứng dụng cao và đáp ứng nhu cầu học tập, phát triển của cán bộ nhân viên, có thể kể đến một số khóa tiêu biểu như:

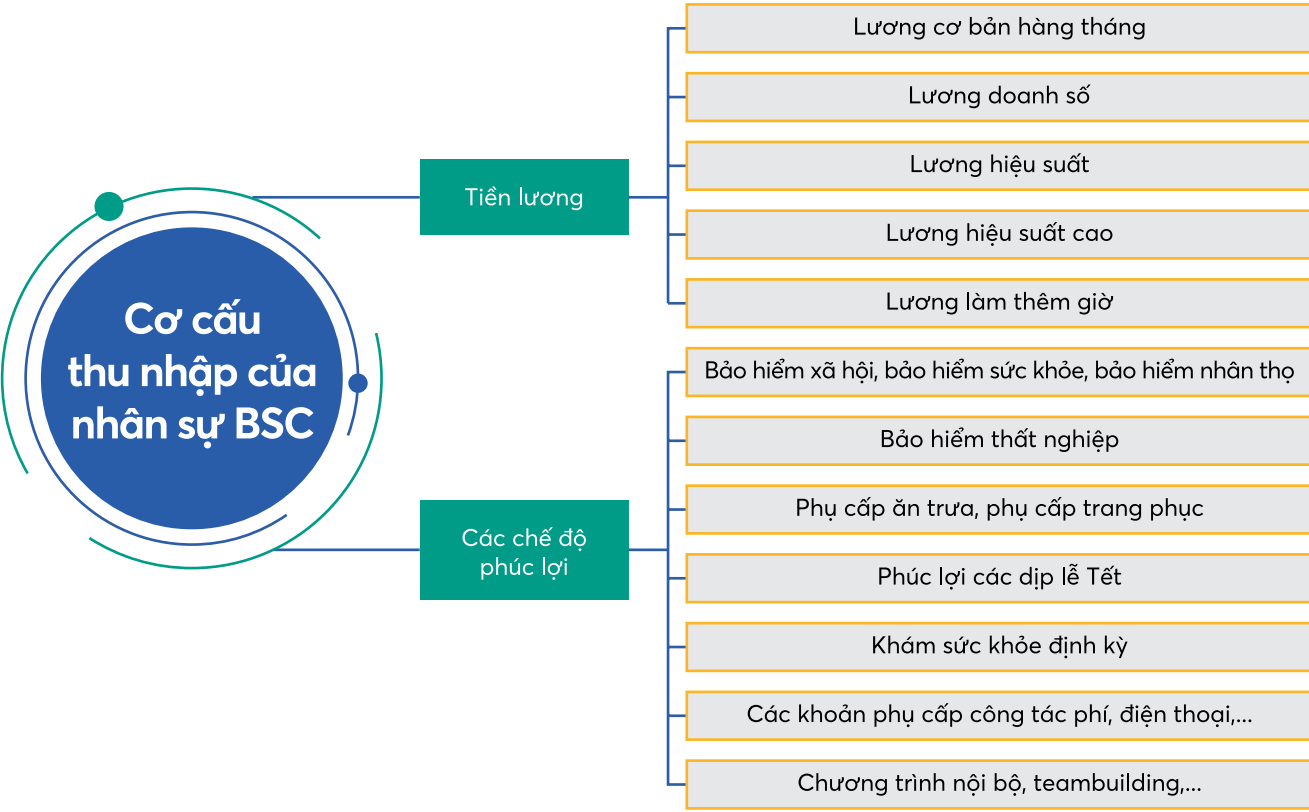
1	Triển khai, quản trị hạ tầng ảo hóa VMware vSphere
2	Quản lý dự án chuẩn quốc tế PMI Level 1 và Quản lý dự án chuẩn quốc tế PMI Level 2
3	DevOps Professional
4	Tài chính cá nhân và quản lý tài sản đầu tư
5	Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ chuẩn quốc tế COSO
6	Kỹ năng lập trình Python Level I
7	Kỹ năng sử dụng Power BI level I
8	Khóa học Content Marketing – Copywrite
9	Kỹ năng thiết kế Slide Powerpoint chuyên nghiệp

4.4. Chế độ lương thưởng và chính sách phúc lợi toàn diện



Không chỉ chú trọng mục tiêu về lợi nhuận, mục tiêu về thu nhập của người lao động cũng được công ty quan tâm và xây dựng hợp lý để đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường.

Các chính sách lương thưởng - phúc lợi của cá nhân được gắn liền với năng lực, hiệu quả công việc, đóng góp vào hiệu quả chung của bộ phận và của Công ty nhằm thúc đẩy năng suất lao động, sử dụng lợi ích làm thước đo, đảm bảo công bằng và thu nhập cho mỗi cán bộ. Các chính sách về quy chế thu nhập được công ty theo dõi, rà soát, chỉnh sửa thường xuyên nhằm đảm bảo lợi ích của người lao động, thu hút và giữ chân nhân tài cho công ty.



Trong năm 2022, BSC đã tiến hành chi trả hơn 137.85 tỷ đồng tiền lương gồm: (1) Lương cơ bản hàng tháng, (2) Lương doanh số, (3) Lương hiệu suất, (4) Lương hiệu suất cao, (5) lương làm thêm giờ cho toàn thể nhân viên công ty.

Bên cạnh những khoản thu nhập được chi trả định kỳ nêu trên, nhân viên BSC còn nhận được một số khoản thu nhập khác như:

- Tiền ăn trưa (chi trả cùng tiền lương hàng tháng)
 - Phụ cấp trang phục (chi trả theo lương hàng tháng)
 - Tiền thưởng chi trả dựa trên thành tích cá nhân và kết quả kinh doanh của công ty ở từng thời kỳ.
- Ngoài ra, BSC còn đưa ra nhiều chương trình phúc lợi khác như:
- Tổ chức khám sức khỏe hàng năm tại các cơ sở y tế uy tín hàng đầu.
 - Chương trình bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ.
 - Tổ chức các chương trình du lịch, các kỳ nghỉ mát, chơi thể thao, các hoạt động cộng đồng, tết thiếu nhi, trung thu... để đảm bảo cân bằng giữa công việc và cuộc sống, gia tăng sự gắn kết giữa các cán bộ.
 - Hỗ trợ về nơi ở cho nhân viên công tác dài ngày, cán bộ điều động.
 - Các chương trình khác giúp tăng cường sự gắn kết giữa nhân viên và gia đình với công ty như: hỗ trợ kinh phí điều trị các bệnh hiểm nghèo, khen thưởng học sinh giỏi là con em cán bộ làm việc tại BSC, khen thưởng cán bộ tuân thủ tốt lối sống văn phòng xanh...

BSC cũng thay mặt nhân viên đóng góp vào quỹ Công đoàn. Tất cả các kế hoạch, chương trình được tổ chức đều vì mục đích chung là đem lại lợi ích cho nhân viên BSC.

Tổng quan đãi ngộ tài chính trong năm 2022

Diễn giải	2022 (VND)
1. Lương, thưởng	137,857,732,519
2. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	6,469,553,325
3. Quỹ khen thưởng phúc lợi	26,388,882,389

5 Xây dựng văn hóa doanh nghiệp

Văn hoá doanh nghiệp là toàn bộ giá trị văn hoá được gây dựng nên trong suốt quá trình tồn tại và phát triển của một doanh nghiệp, tạo nên sự khác biệt của một doanh nghiệp so với tất cả các doanh nghiệp khác.

Trải qua 23 năm hình thành và phát triển, bên cạnh việc tập trung đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, xây dựng chiến lược phát triển, BSC còn chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp với những giá trị cốt lõi được kết tinh đậm đà bản sắc BSC nhằm tạo dựng hình ảnh một công ty chứng khoán không chỉ chuyên nghiệp trong hoạt động mà còn ghi dấu ấn bởi những giá trị văn hóa tốt đẹp trong tâm thức khách hàng và xã hội.

Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp nhưng vẫn thân thiện, gần gũi, gắn kết nội bộ từ Ban lãnh đạo tới cán bộ nhân viên và giữa nhân viên với nhân viên là mục tiêu mà BSC luôn hướng tới. Bên cạnh việc nỗ lực đổi mới phù hợp với xu thế xã hội, BSC cũng chú trọng việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng. Đây chính là yếu tố quan trọng tạo động lực cho người lao động cống hiến, là cầu nối gắn kết các cá nhân đơn lẻ trở thành một đại gia đình làm nên sức mạnh tập thể lớn mạnh và bền vững.





TÔN TRỌNG BẢN SẮC CÁ NHÂN

Bản sắc cá nhân luôn là điều cần được tôn trọng. Tại BSC, những đóng góp của cán bộ luôn được tập thể ghi nhận, lắng nghe, khuyến khích bày tỏ và sẻ chia. Năng lực cán bộ được đánh giá dựa trên kết quả công việc, giảm thiểu các đánh giá cảm tính, giúp phát huy tối đa năng lực của các cá nhân, đóng góp cho sự phát triển của tập thể.

KHUYẾN KHÍCH SỰ SÁNG TẠO

Thị trường chứng khoán luôn biến động không ngừng, điều này đòi hỏi mỗi cán bộ nhân viên cần nhanh chóng thích nghi để ứng biến với những thay đổi của thị trường để nâng cao năng suất và hiệu quả công việc luôn. Đây là chìa khoá quan trọng với sự thành công của doanh nghiệp, chính vì thế chúng tôi luôn khuyến khích sự sáng tạo, tinh thần liên tục cải tiến, tạo điều kiện cho người lao động đề xuất và hiện thực hoá ý tưởng của mình nhằm đem lại những giá trị cho khách hàng.



TẬN TÂM VỚI CÔNG VIỆC

Nhận thức được việc đội ngũ nhân sự luôn là lực lượng nòng cốt cho sự phát triển của công ty, BSC luôn chú trọng vào công tác đào tạo năng lực chuyên môn, nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ. Đồng thời, bồi đắp tinh thần yêu nghề, tận tâm với công việc qua những chương trình đạo tạo hàng năm, những hoạt động gắn kết nội bộ. Nhờ đó, tại BSC, cán bộ nhân viên luôn có tinh thần trách nhiệm, chú trọng xây dựng niềm tin với khách hàng và đồng nghiệp, liên tục cải tiến và sáng tạo, trung thực và thẳng thắn trên cơ sở tôn trọng bản thân và tôn trọng đồng nghiệp. Thái độ tích cực thể hiện qua lòng ham mê nhiệt huyết trong công việc mỗi ngày, sẵn sàng học hỏi, nâng cao năng lực với tinh thần cầu thị.



NHIỆT HUYẾT TRONG HOẠT ĐỘNG TẬP THỂ

Bản sắc cá nhân luôn là điều cần được tôn trọng. Tại BSC, những đóng góp của cán bộ luôn được tập thể ghi nhận, lắng nghe, khuyến khích bày tỏ và sẻ chia. Năng lực cán bộ được đánh giá dựa trên kết quả công việc, giảm thiểu các đánh giá cảm tính, giúp phát huy tối đa năng lực của các cá nhân, đóng góp cho sự phát triển của tập thể.

Năm 2021 đại dịch Covid-19 đã hạn chế nhiều những hoạt động tập thể. Sang năm 2022, khi dịch bệnh đã được kiểm soát tốt, đời sống tinh thần cán bộ nhân viên BSC lại được tươi mát bởi những hoạt động gắn kết ý nghĩa vào những dịp đặc biệt như các dịp Lễ, Tết, ngày 8/3, 20/10, sinh nhật Công ty, Teambuilding... Bên cạnh những chương trình tổ chức trang trọng còn là nhiều hoạt động bên lề, các cuộc thi sáng tạo và đầy ý nghĩa:



Chương trình Teambuilding BSC 2022

Đại dịch được kiểm soát đã góp phần đẩy mạnh những hoạt động tập thể được diễn ra trong năm 2022. Hè 2022 ghi dấu ấn bởi chương trình teambuilding "Bùng nhiệt huyết, cháy đam mê" của BSC tại Cát Bà và Hồ Tràm. Hoạt động đã góp phần gắn bó tinh cảm đồng nghiệp giữa các cán bộ nhân viên và thật nhiều kỷ niệm đáng nhớ đã ghi dấu trong tâm thức mỗi BSC-er.



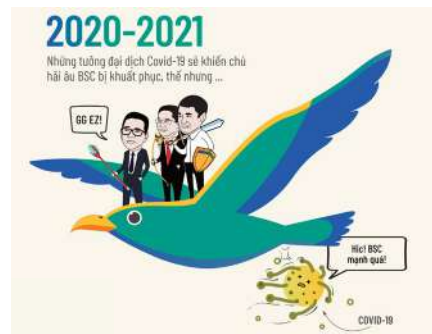
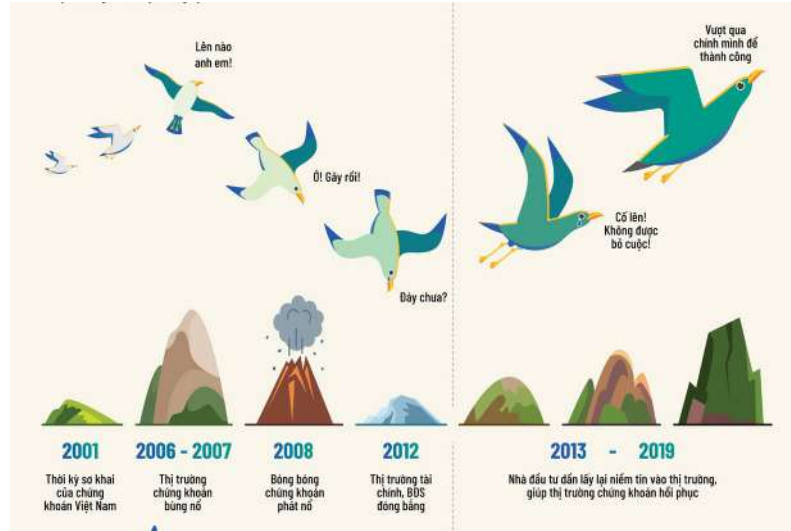


Cuộc thi sáng tạo “Câu chuyện thương hiệu và slogan BSC”

Với mục tiêu lan tỏa hình ảnh nhận diện thương hiệu mới, BSC đã tổ chức Cuộc thi “Câu chuyện thương hiệu BSC và ý tưởng Slogan”. Cuộc thi là sân chơi ý nghĩa nơi toàn thể nhân viên phát huy tinh thần sáng tạo, gửi gắm mong muốn khát vọng của cán bộ để xây dựng BSC mới. Cuộc thi đã diễn ra hết sức sôi nổi và nhận được sự quan tâm, hưởng ứng nhiệt tình của các cán bộ BSC với 18 Câu chuyện thương hiệu BSC và 22 ý tưởng Slogan.

Cuộc thi “CHECK IN SIÊU XINH – RINH NGAY QUÀ ĐỈNH

Thay lời tri ân tới chị em - một nửa yêu thương của thế giới, đã luôn hết mình cống hiến cho công ty và là cơ hội để toàn thể Công ty được giao lưu, gặp gỡ, BSC tổ chức chương trình chúc mừng 20/10/2022 với chủ đề là “**Là phụ nữ thật tuyệt**”. Nằm trong chuỗi các hoạt động chúc mừng 20/10, cuộc thi “**Check in siêu xinh – Rinh ngay quà đỉnh**” đã được diễn ra với sự tham gia của đông đảo các chị em BSC, liên phòng. Rất nhiều ảnh đẹp và clip hay được ghi lại sau chương trình. Hoạt động góp phần thúc đẩy tinh thần nội bộ, gắn kết các bộ nhân viên BSC để từ đó xây dựng BSC trở thành một tập thể vững mạnh, đồng hành cùng tiến những bước xa hơn nữa trong tương lai.



6 Trách nhiệm vì cộng đồng và xã hội

Tiếp nối truyền thống sẽ chia cùng những hoàn cảnh khó khăn, tích cực tham gia những hoạt động vì cộng đồng, trong năm 2022 BSC, tiếp tục thực hiện tổ chức những chương trình an sinh xã hội bao gồm hoạt động tài trợ giáo dục, thiện nguyện, uống nước nhớ nguồn, thay đổi hướng đến bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Hoạt động vì xã hội cộng đồng

Mái trường cho em

Sẽ chia luôn là điều BSC hướng đến khi tổ chức các hoạt động cộng đồng, đặc biệt là với trẻ em – những mầm non tương lai của đất nước. Các em đều có những ước mơ tưởng như giản đơn nhưng nếu không có sự chung tay giúp sức của những tấm lòng hảo tâm thì khó có thể thực hiện được. Hiểu được điều đó, BSC luôn nỗ lực không ngừng trong các hoạt động thiện nguyện, giúp đỡ các trẻ em ở vùng sâu vùng xa, dân tộc ít người để các em có thêm áo ấm, chăn ấm và sách vở đi học. Chúng tôi vẫn hàng ngày vun đắp những mầm cây, nuôi dưỡng những ước mơ của thế hệ tương lai.

Chương trình bàn giao điểm trường mầm non Nà Sa, Điện Biên tháng 2/2023



“
Giáo dục là vũ khí mạnh nhất mà người ta có thể sử dụng để thay đổi cả thế giới
”
Nelson Mandela,
Cựu Tổng thống Nam Phi.

Với mong muốn đồng hành trên hành trình thấp sáng ước mơ đến trường của những học trò tại xóm nghèo ở vùng cao, ngày 24/02/2023 vừa qua Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát Triển Việt Nam – BSC đã tổ chức thành công **Lễ khánh thành và bàn giao dự án cải tạo, xây dựng điểm trường mầm non Nà Sa**, thuộc Trường mầm non Mường Đùn, xã Mường Đùn, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên với giá trị lên đến **774 triệu đồng**.

Tham dự buổi lễ khánh thành gồm có đại diện Ban lãnh đạo, Đoàn thanh niên BSC; chính quyền địa phương, nhân dân, các cô giáo và các em học sinh thuộc điểm trường Nà Sa, xã Mường Đùn, huyện Tủa Chùa. Tại đây, đại diện Công ty Chứng khoán BSC đã tiến hành bàn giao 01 Phòng học, Nhà ăn, các công trình phụ trợ và cải thiện 02 Phòng học chức năng cho nhà trường.

Buổi lễ đã diễn ra thành công tốt đẹp với các hoạt động ý nghĩa: trao tặng đồ dùng quần áo mới, bánh kẹo, thiết bị học tập và sinh hoạt tới tận tay 100 em học sinh tại điểm trường cùng chương trình giao lưu văn nghệ với dân bản và trẻ em của xã Mường Đùn.

Là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu thị trường Việt Nam. Bên cạnh hoạt động kinh doanh, BSC cũng thường xuyên thực hiện sứ mệnh vì cộng đồng bằng việc tổ chức những hoạt động từ thiện, an sinh xã hội, đặc biệt là các chương trình hướng tới thế hệ tương lai, mầm non của đất nước. Bởi:

“**Giáo dục là vũ khí mạnh nhất mà người ta có thể sử dụng để thay đổi cả thế giới.**” - Nelson Mandela, Cựu Tổng thống Nam Phi.

Chương trình thăm và tặng quà nhân dịp kỷ niệm 75 năm ngày thương binh liệt sỹ 27/7



Nhằm bày tỏ lòng tri ân đối với sự hy sinh của các anh hùng liệt sỹ, không tiếc máu xương, sẵn sàng quên mình vì sự nghiệp giải phóng đất nước, giải phóng dân tộc, BSC đã tổ chức chương trình thăm và tặng quà nhân dịp kỷ niệm 75 năm ngày thương binh liệt sỹ 27/7. Chương trình diễn ra với sự tham dự của đại diện của Ban lãnh đạo BSC Đoàn thanh niên BSC và các cán bộ nhân viên đại diện cho từng chi đoàn BSC. Đây là hoạt động mang ý nghĩa sâu sắc được Ban lãnh đạo và Ban chấp hành Đoàn thanh niên BSC đặc biệt quan tâm tổ chức nhân dịp các ngày lễ, kỷ niệm của đất nước. Đồng thời, chương trình cũng là cầu nối cho thế hệ trẻ BSC với những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta như: **“Uống nước nhớ nguồn”** của dân tộc, đồng thời xoa dịu đi những nỗi lo, những đau đớn về bệnh tật, tiếp thêm sức mạnh tinh thần cho thương bệnh binh và thân nhân.

Ngày hội hiến máu năm 2022



Phát huy tinh thần xung kích, tình nguyện của tuổi trẻ, thể hiện tinh thần “Tương thân, tương ái” trong các hoạt động vì cuộc sống cộng đồng, cán bộ nhân viên BSC đã tích cực tham gia Ngày hội hiến máu năm 2022 do Đoàn BIDV phối hợp tổ chức.

Hoạt động góp phần nâng cao nhận thức của đoàn viên thanh niên và người lao động về hiến máu tình nguyện và an toàn truyền máu cũng như góp phần giúp mỗi chúng ta được san sẻ những giá trị tốt đẹp là những giọt máu dào tới các bệnh nhân, nâng cao ý thức trách nhiệm cộng đồng, nhân văn trong xã hội.

Tích cực tham gia BIDV Run – Vì Tết Quý Mão ấm no cho người nghèo

Hưởng ứng sự phát động từ Công đoàn BIDV, các đoàn viên công đoàn BSC đã tích cực tham gia giải chạy “BIDV Run - Cho cuộc sống xanh” do BIDV tổ chức với mục đích chung tay xây dựng nhà tránh lũ tài trợ các tỉnh thường xuyên gặp thiên tai lũ lụt năm 2021 và đóng góp thực hiện chương trình “1 triệu cây Xanh” qua kết quả chạy. Đồng thời, thông qua chương trình, BSC mong muốn đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao, nâng cao sức khỏe người lao động BSC nói riêng và cộng đồng nói chung.



Đồng hành cùng thế hệ trẻ

Với mục tiêu góp phần đào tạo và cung cấp cơ hội rèn luyện cho thế hệ nhân sự trẻ ngành chứng khoán Việt Nam, BSC đã tham gia tài trợ cho nhiều cuộc thi chứng khoán dành cho sinh viên như: cuộc thi I-INVEST! - Đại học Ngoại thương, Bản lĩnh nhà đầu tư - Học viện Ngân hàng, GO FINANCE - Đại học Kinh tế quốc dân và gần đây nhất là Stockwise của Học viện ngoại giao.

Các hoạt động tài trợ này không chỉ giúp nâng cao sức lan tỏa thương hiệu công ty, mở rộng quan hệ với các trường đại học lớn mà còn là một kênh thu hút nhân tài trẻ cho BSC. Năm 2022 BSC cũng đã tài trợ cho các cuộc thi chứng khoán như: GO FINANCE, Stockwise và I-INVEST!. Với cương vị là nhà tài trợ vàng, BSC đã hỗ trợ Ban tổ chức và thí sinh thông qua chia sẻ về chuyên môn, nghiệp vụ tại các buổi hội thảo, tư vấn và đưa ra lời khuyên cho các thí sinh trong quá trình cuộc thi. Đối với các thí sinh xuất sắc, BSC cũng tạo cơ hội nghề nghiệp với vị trí thực tập sinh để các tài năng trẻ có trải nghiệm công việc thực tế, sở hữu những hành trang quý báu trong những chặng đường đầu tiên của sự nghiệp.

Thương hiệu BSC cũng đã xuất hiện trên toàn bộ ấn phẩm và các bài viết liên quan đến cuộc thi, đây cũng là cơ hội để hình ảnh BSC được lan tỏa hơn nữa tới đối tượng các em sinh viên và khách hàng đại chúng.



Chú trọng nâng cao ý thức bảo vệ môi trường

Doanh nghiệp là một tế bào của nền kinh tế và là một chủ thể tích cực trong xã hội, nên không thể không đặt ra vấn đề trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với môi trường và xã hội. Từ nhiều năm nay BSC luôn cố gắng giảm thiểu các tác hại gây ra cho môi trường và thực hiện nhiều thay đổi trong hoạt động của doanh nghiệp, nâng cao nhận thức trong việc sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên để góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Cụ thể:



Năng lượng

- Theo dõi và có chế độ bảo trì, vệ sinh thường xuyên máy móc, thiết bị và hệ thống điều hòa để nâng cao tuổi thọ và tiết kiệm điện năng tiêu thụ.
- Ban hành quy định và kiểm tra hàng ngày về việc tắt các thiết bị điện sau giờ làm việc.
- Đầu tư hệ thống Công nghệ thông tin phục vụ họp trực tuyến và trao đổi, làm việc từ xa cho các cán bộ nhân viên thông qua các nền tảng Microsoft Teams, Zoom, 3CX ... đảm bảo triển khai công việc thông suốt trong điều kiện dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp. Qua đó giảm tần suất di chuyển bằng các Phương tiện giao thông, tiết kiệm chi phí đi lại, xăng dầu góp phần giảm lượng khí thải ra môi trường.



Nước thải và chất thải rắn

- Đưa vào sử dụng phần mềm eOffice phục vụ báo cáo, luân chuyển, lưu trữ văn bản, chứng từ và tiết kiệm giấy in, không gian lưu trữ.
- Sử dụng chai nước thủy tinh, bình giữ nhiệt cho nhân viên, khách hàng, đối tác thay vì dùng chai nước uống 1 lần để hạn chế rác thải nhựa.
- Công ty áp dụng các giải pháp hạn chế phát thải ra môi trường từ các Phương tiện giao thông thông qua khuyến khích các cuộc họp trực tuyến, trao đổi công việc trên nền tảng sử dụng công nghệ thông tin để giảm việc di chuyển.



Môi trường làm việc xanh

- Người lao động dành một phần lớn thời gian trong ngày của mình tại nơi làm việc, vì vậy, môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp được BSC duy trì và không ngừng cải tiến.
- BSC luôn chú trọng công tác vệ sinh, an toàn lao động và đảm bảo chất lượng không khí sạch, tạo môi trường làm việc an toàn cho các cán bộ.
- Hướng tới mục tiêu văn phòng xanh, cây xanh được bố trí với một độ hợp lý tại các văn phòng, với đội ngũ nhân viên chăm sóc chuyên biệt, đồng thời, BSC khuyến khích cán bộ trồng cây xanh tại bàn làm việc nhằm tạo ra môi trường xanh, nâng cao sức khỏe và tinh thần cho người lao động.

GRI công bố thông tin

Phạm vi của báo cáo

Giai đoạn báo cáo: Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

Tiêu chuẩn áp dụng: Báo cáo này bao gồm các kết quả và thành tích của BSC trong công cuộc quản lý bền vững, được áp dụng Bộ tiêu chuẩn lập Báo cáo phát triển bền vững – GRI Sustainability Reporting Standards của Tổ chức sáng kiến Báo cáo toàn cầu, bao gồm các tiêu chuẩn báo cáo toàn diện bền vững sử dụng rộng rãi nhất trên thế giới. Báo cáo này đã được lập tuân theo Tiêu chuẩn GRI: tùy chọn Cốt lõi.

Nguyên tắc báo cáo

NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH NỘI DUNG BÁO CÁO	NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO
GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN	Chính xác
BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	Cân bằng
MỨC ĐỘ TRỌNG YẾU	Rõ ràng
TÍNH CỐT LÕI	So sánh
	Tin cậy
	Cập nhật

Liên hệ

Mọi thông tin, ý kiến đóng góp liên quan đến hoạt động phát triển bền vững cũng như nội dung trong Báo cáo phát triển bền vững của BSC, vui lòng liên hệ với chúng tôi theo thông tin dưới đây:

Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Hội sở chính

Số điện thoại: (+84 24) 39352722

Email: kehoach@bsc.com.vn

Địa chỉ: Tầng 8,9, Toà nhà ThaiHoldings, số 210 Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

GRI	MÔ TẢ	THAM CHIẾU	TRANG	LÝ DO BỎ QUA
GRI 100: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG 2016				
THÔNG TIN DOANH NGHIỆP				
102-1	Tên Tổ chức	BCTN	16	
102-2	Các hoạt động, thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ	BCTN – Tổng quan	21	
102-3	Địa điểm của Trụ sở chính	BCTN – Tổng quan	16	
102-4	Các địa điểm hoạt động	BCTN – Tổng quan	16	
102-5	Quyền sở hữu và hình thức pháp lý	BCTN	58	
102-7	Quy mô của tổ chức	BCTN – Tổng quan	16	
102-8	Thông tin nhân viên và người lao động khác	BCPTBV – Quản trị nguồn nhân lực	99	
102-9	Chuỗi cung ứng	BCTN – Tổng quan	20	
102-10	Những thay đổi đáng kể đối với tổ chức và chuỗi cung ứng của tổ chức	Thay đổi trụ sở		
102-11	Phương pháp hoặc nguyên tắc phòng ngừa	BCPTBV – Mô hình quản trị rủi ro	90	
102-12	Các sáng kiến bên ngoài			
102-13	Quyền hội viên trong các hiệp hội	BCPTBV – Đảm bảo cam kết với các bên liên quan	98	
CHIẾN LƯỢC				
102-14	Tuyên bố của người ra quyết định cấp cao	BCTN – Thông điệp của Tổng giám đốc	6	
		BCPTBV – Mô hình phát triển bền vững	86	
102-15	Các tác động, rủi ro và cơ hội chính	BCPTBV – Quản trị rủi ro	90	
ĐẠO ĐỨC VÀ CHÍNH TRỰC				
102-16	Các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn và chuẩn mực của hành vi	BCPTBV – Đạo đức kinh doanh; Bộ quy tắc ứng xử	92	
QUẢN TRỊ				
102-18	Cơ cấu quản trị	BCPTBV – Tổng quan	60	
102-35	Chính sách về thù lao	BCTN – Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	82	
102-39	Tỷ lệ phần trăm gia tăng trong tổng tỷ lệ thù lao hằng năm	BCTN – Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	82	

GRI	MÔ TẢ	THAM CHIẾU	TRANG	LÝ DO BỎ QUA
SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN				
102-40	Danh sách các nhóm liên quan	BCPTBV – Đảm bảo cam kết với các bên liên quan	94	
102-42	Nhận diện và lựa chọn các bên liên quan	BCPTBV – Đảm bảo cam kết với các bên liên quan	94	
102-43	Phương pháp tiếp cận đối với gắn kết các bên liên quan	BCPTBV – Cơ chế tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan	89	
102-44	Các chủ đề và mối quan ngại chính được nêu lên	BCPTBV – Mô hình phát triển bền vững	87	
THÔNG LỆ BÁO CÁO				
102-45	Các đơn vị được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất	BCTC	117	
102-46	Xác định nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề	BCPTBV – Mô hình phát triển bền vững	87	
102-47	Danh mục các chủ đề trọng yếu	BCPTBV – Mô hình phát triển bền vững	87	
102-48	Trình bày lại thông tin			Không phát sinh việc trình bày lại thông tin
102-49	Các thay đổi trong báo cáo	BCPTBV – GRI Công bố thông tin	111	
102-50	Kỳ báo cáo	01/01/2022 – 31/12/2022		
102-52	Chu kỳ báo cáo	Thường niên		
102-53	Đầu mối liên hệ cho thắc mắc về báo cáo	BCPTBV – GRI Công bố thông tin	111	
102-54	Tuyên bố báo cáo tuân thủ theo tiêu chuẩn GRI	BCPTBV – GRI Công bố thông tin	111	
102-55	Mục lục GRI	BCPTBV – Phụ lục tham chiếu chỉ số GRI	112	
102-56	Bảo đảm độc lập của bên thứ ba	BCPTBV – GRI Công bố thông tin	111	
PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ				
103-1	Giải thích về chủ đề trọng yếu và phạm vi chủ đề	BCPTBV – Mô hình phát triển bền vững	87	
103-2	Phương pháp quản trị và các hợp phần	BCPTBV – Mô hình quản trị về phát triển bền vững	88	
103-3	Đánh giá phương pháp quản trị	BCPTBV – Mô hình quản trị về phát triển bền vững	88	

GRI	MÔ TẢ	THAM CHIẾU	TRANG	LÝ DO BỎ QUA
GRI 200: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN KINH TẾ 2016				
GRI 201: HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ				
201-1	Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và được phân bổ	BCTN – Kết quả kinh doanh 2022	38	
201-3	Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác	BCPTBV – Chế độ lương thưởng và chính sách phúc lợi toàn diện	101	
GRI 203: TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP				
203-1	Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ			BSC chưa có dự án đầu tư cơ sở hạ tầng
203-2	Tác động kinh tế gián tiếp trọng yếu	BCPTBV – Đảm bảo cam kết với các bên liên quan	98	
GRI 205: CHỐNG THAM NHƯNG				
205-1	Các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng	BCPTBV – Bộ quy tắc ứng xử của BSC	92	
205-2	Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình phòng chống tham nhũng	BCPTBV – Bộ quy tắc ứng xử của BSC	92	
205-3	Các vụ việc tham nhũng đã xác nhận và các biện pháp xử lý			Không có vụ việc tham nhũng
GRI 300: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG 2016				
GRI 302: NĂNG LƯỢNG				
302-4	Giảm tiêu hao năng lượng	BCPTBV – Chú trọng nâng cao ý thức bảo vệ môi trường	110	
302-5	Giảm nhu cầu năng lượng của sản phẩm và dịch vụ	BCPTBV – Chú trọng nâng cao ý thức bảo vệ môi trường	110	
GRI 307: TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG				
307-1	Không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường			Không có hành vi vi phạm pháp luật và các quy định về môi trường
GRI 400: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN XÃ HỘI 2016				
GRI 401: VIỆC LÀM				
401-1	Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc	BCPTBV – Thống kê đội ngũ nhân sự	99	
401-2	Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian	BCPTBV – Chế độ lương thưởng và chính sách phúc lợi toàn diện	101	

GRI	MÔ TẢ	THAM CHIẾU	TRANG	LÝ DO BỎ QUA
401-3	Nghỉ thai sản	BCPTBV – Chế độ lương thưởng và chính sách phúc lợi toàn diện	101	
GRI 404: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO				
404-2	Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp	BCPTBV – Công tác huấn luyện, đào tạo	100	
404-3	Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp	BCPTBV – Thống kê đội ngũ nhân sự	99	
GRI 405: SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG				
405-1	Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên	BCPTBV – Thống kê đội ngũ nhân sự	99	
GRI 413: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG				
413-1	Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển	BCPTBV – Trách nhiệm vì cộng đồng và xã hội	107	
413-2	Những hoạt động có tác động tiêu cực tiềm ẩn và thực tế đáng kể với cộng đồng địa phương			Không có ảnh hưởng tiêu cực nào
GRI 417: TIẾP THỊ VÀ NHÃN HIỆU				
417-1	Các yêu cầu đối với thông tin nhãn hiệu, sản phẩm và dịch vụ	BCTN – Các hoạt động kinh doanh chính	21	
417-2	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến thông tin nhãn hiệu, sản phẩm và dịch vụ			Không có vụ việc không tuân thủ nào
417-3	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến truyền thông tiếp thị			Không có vụ việc không tuân thủ nào
GRI 418: QUYỀN BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG				
418-1	Khiếu nại có căn cứ về việc vi phạm Quyền bảo mật thông tin khách hàng và mất dữ liệu khách hàng			Không có vi phạm và khiếu nại nào
GRI 419: TUÂN THỦ VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI				
419-1	Không tuân thủ luật pháp và các quy định trong lĩnh vực kinh tế xã hội			Không có vi phạm nào



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 122 Thông tin về doanh nghiệp
- 123 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 124 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 126 Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu số B01 – CTCK)
- 133 Báo cáo kết quả hoạt động (Mẫu số B02 – CTCK)
- 136 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03b – CTCK)
- 140 Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu (Mẫu số B04 – CTCK)
- 142 Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09 – CTCK)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép Thành lập và Hoạt động Số 111/GP-UBCK để ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 98/GPĐC-UBCK được cấp ngày 14 tháng 10 năm 2022.

Hội đồng Quản trị	Ông Ngô Văn Dũng	Chủ tịch
	Ông Chung Jae Hoon	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 18/11/2022)
	Ông Nguyễn Duy Viễn	Ủy viên
	Bà Nguyễn Thanh Huyền	Ủy viên
	Ông Lim Do Kyoan	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 18/11/2022)
	Ông Lê Đào Nguyên	Thành viên độc lập (từ nhiệm ngày 18/11/2022)

Ban Kiểm soát	Bà Phạm Thanh Thủy	Trưởng ban
	Bà Vũ Minh Châu	Thành viên
	Ông Kang Ju Seok	Thành viên (bổ nhiệm ngày 18/11/2022)
	Bà Lê Thị Thanh Bình	Thành viên (từ nhiệm ngày 18/11/2022)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Duy Viễn	Tổng Giám đốc
	Bà Ngô Thị Phong Lan	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Xuân Anh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Chung Jae Hoon	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1/12/2022)

Người đại diện theo pháp luật	Ông Nguyễn Duy Viễn	Tổng Giám đốc
--------------------------------------	----------------------------	---------------

Trụ sở chính	Tầng 8, 9, Tòa nhà Thái Holdings, Số 210, Đường Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	
---------------------	---	--

Công ty kiểm toán	Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội	
--------------------------	--	--

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 122 đến trang 212. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Duy Viễn
Tổng Giám đốc/ Người đại diện theo pháp luật

Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 13 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2022 và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 10 tháng 3 năm 2022. Báo cáo tài chính này bao gồm: báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 124 đến trang 206.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội



Nguyễn Phi Lan
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0573-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền



Đặng Thái Sơn
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4668-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 3263
Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Mẫu số B01 – CTCK

BẢO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.463.898.960.653	5.681.234.228.510
110	Tài sản tài chính		5.451.995.741.298	5.653.425.689.834
111	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.1	787.865.279.208	582.976.363.845
111.1	Tiền		287.865.279.208	567.976.363.845
111.2	Các khoản tương đương tiền		500.000.000.000	15.000.000.000
112	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	3.2	1.450.059.357.149	1.043.412.617.782
113	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	3.3(a)	211.967.342.469	671.217.227.392
114	Các khoản cho vay	3.4(a)	2.959.576.173.127	3.303.209.843.347
116	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính	3.4(b)	(6.485.552.400)	(9.638.966.740)
117	Các khoản phải thu	3.5(a)	42.408.561.479	23.980.482.896
117.1	Phải thu bán các tài sản tài chính		2.131.121.000	132.966.000
117.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		40.277.440.479	23.847.516.896
117.4	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		40.277.440.479	23.847.516.896
118	Trả trước cho người bán		1.980.618.000	3.290.071.646
119	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	3.5(b)	1.577.213.901	6.674.575.214
122	Các khoản phải thu khác	3.5(c)	3.046.748.365	28.303.474.452
130	Tài sản ngắn hạn khác		11.903.219.355	27.808.538.676
131	Tạm ứng		23.000.000	10.000.000
132	Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		765.319.999	18.753.733
133	Chi phí trả trước ngắn hạn	3.6(a)	6.286.914.856	9.895.170.339
134	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		-	3.256.630.104
137	Tài sản ngắn hạn khác	3.7	4.827.984.500	14.627.984.500

Tại ngày				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		127.187.548.055	323.498.174.224
210	Tài sản tài chính dài hạn		51.365.958.897	257.243.835.612
212	Các khoản đầu tư		51.365.958.897	257.243.835.612
212.1	Các khoản đầu tư HTM	3.3(b)	51.365.958.897	257.243.835.612
220	Tài sản cố định		25.769.142.327	15.886.051.269
221	Tài sản cố định hữu hình	3.8(a)	17.869.764.772	13.105.031.246
222	Nguyên giá		48.092.122.321	37.528.017.348
223a	Giá trị khấu hao lũy kế		(30.222.357.549)	(24.422.986.102)
227	Tài sản cố định vô hình	3.8(b)	7.899.377.555	2.781.020.023
228	Nguyên giá		12.960.421.495	6.871.421.495
229a	Giá trị khấu hao lũy kế		(5.061.043.940)	(4.090.401.472)
250	Tài sản dài hạn khác		50.052.446.831	50.368.287.343
251	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	3.9	6.068.471.607	5.909.423.044
252	Chi phí trả trước dài hạn	3.6(b)	7.733.975.224	8.158.864.299
254	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	3.10	21.250.000.000	21.300.000.000
255	Tài sản dài hạn khác	3.11	15.000.000.000	15.000.000.000
270	TỔNG TÀI SẢN		5.591.086.508.708	6.004.732.402.734

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

Tại ngày				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.224.689.050.241	4.285.475.351.346
310	Nợ phải trả ngắn hạn		1.218.880.487.542	4.285.475.351.346
311	Vay		929.457.985.372	2.512.392.773.098
312	Vay ngắn hạn	3.12(a)	929.457.985.372	2.512.392.773.098
316	Trái phiếu phát hành ngắn hạn	3.12(b)	-	1.127.840.000.000
318	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.13	226.457.623.803	417.367.760.102
320	Phải trả người bán ngắn hạn		4.460.357.903	1.313.841.270
321	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.497.820.980	1.540.367.585
322	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.14	24.265.978.479	51.134.974.431
323	Phải trả người lao động	3.15	26.597.355.622	44.743.527.875
324	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		-	12.650.000
325	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.16	1.810.892.229	15.848.381.641
329	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	3.17	1.979.265.361	9.055.219.904
331	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.18	2.353.207.793	879.629.101
332	Giao dịch mua bán lại trái phiếu	3.19	-	103.346.226.339
340	Nợ phải trả dài hạn		5.808.562.699	-
356	Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hoãn lại phải trả	3.20	5.808.562.699	-
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.366.397.458.467	1.719.257.051.388
410	Vốn chủ sở hữu		4.366.397.458.467	1.719.257.051.388
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.911.465.801.817	1.218.873.250.257
411.1	Vốn góp của chủ sở hữu	3.21	1.878.001.200.000	1.220.700.780.000
411.1a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.878.001.200.000	1.220.700.780.000
411.2	Thặng dư vốn cổ phần		2.038.154.023.957	2.861.823.457
411.5	Cổ phiếu quỹ		(4.689.422.140)	(4.689.353.200)

Tại ngày				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
414	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	2.23(b)	54.270.023.547	54.270.023.547
415	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	2.23(b)	54.270.023.547	54.270.023.547
417	Lợi nhuận chưa phân phối	3.22	346.391.609.556	391.843.754.037
417.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		345.310.996.068	356.505.571.239
417.2	Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		1.080.613.488	35.338.182.798
440	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		5,591,086,508,708	6.004.732.402.734

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

		Tại ngày		
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
A	TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
Theo số lượng				
001	Tài sản cố định thuê ngoài		1	1
Theo giá trị (VND)				
004	Nợ khó đòi đã xử lý	3.4(b)	4.517.439.940	-
Theo nguyên tệ				
005	Ngoại tệ các loại			
	Đô la Mỹ		2.500,40	2.520,20
	Đồng Euro		42,06	42,06
Theo số lượng				
006	Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	3.12(a)	187.300.660	121.570.620
007	Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	3.4(a)	499.460	499.458
Theo mệnh giá (VND)				
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSD") của công ty chứng khoán		109.275.540.000	126.377.340.000
	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		108.383.540.000	126.377.340.000
	Tài sản tài chính chờ thanh toán		892.000.000	-
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán		23.720.000	25.520.000
	Tài sản tài chính tự do chuyển nhượng đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch		23.720.000	25.520.000
010	Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán		210.067.970.000	320.140.000.000
	Trái phiếu niêm yết		210.000.000.000	320.000.000.000
	Cổ phiếu niêm yết		67.970.000	140.000.000
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán		1.074.282.540.000	648.167.740.000
	Trái phiếu không niêm yết		781.180.000.000	368.065.200.000
	Trái phiếu niêm yết		175.200.000	-
	Cổ phiếu không niêm yết		43.102.540.000	43.102.540.000
	Chứng chỉ tiền gửi		250.000.000.000	237.000.000.000
Theo số lượng				
014	Chứng quyền có bảo đảm được phép phát hành nhưng chưa lưu hành	3.13	3.944.100	3.838.300

			Tại ngày	
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
B	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
Theo số lượng				
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư		2.969.198.899	2.583.442.528
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		2.498.027.727	1.972.154.784
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		41.883.679	42.023.042
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		334.422.908	439.887.020
021.4	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		62.479.431	61.872.107
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		32.385.154	67.505.575
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư		27.873.383	16.428.581
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		27.766.783	16.344.581
022.2	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		106.600	84.000
023	Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư		27.418.003	62.921.689
025	Tài sản tài chính được hưởng quyền của nhà đầu tư		8.882.407	63.674.718

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
(tiếp theo)

			Tại ngày	
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
B	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
Theo giá trị (VND)				
026	Tiền gửi của khách hàng		916.657.514.918	2.209.429.025.707
027	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		419.435.822.687	585.372.692.255
	Tiền gửi của nhà đầu tư trong nước		385.658.808.612	557.144.009.989
	Tiền gửi của nhà đầu tư nước ngoài		33.777.014.075	28.228.682.266
027.1	Tiền gửi ký quỹ phái sinh của nhà đầu tư tại VSD		78.457.090.677	48.273.268.147
	Tiền gửi của nhà đầu tư trong nước		69.276.489.787	39.014.440.429
	Tiền gửi của nhà đầu tư nước ngoài		9.180.600.890	9.258.827.718
028	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		277.032.189.128	1.432.386.472.188
029	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		122.980.487.652	77.158.123.424
029.1	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán nhà đầu tư trong nước		122.401.171.296	72.433.955.974
029.2	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán nhà đầu tư nước ngoài		579.316.356	4.724.167.450
030	Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán		18.751.924.774	66.238.469.693
031	Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		497.892.913.364	633.645.960.402
031.1	Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		454.935.298.399	596.158.450.418
031.2	Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		42.957.614.965	37.487.509.984
032	Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		28.458.000	21.238.100.000
035	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		18.723.466.774	45.000.369.693

Vũ Thị Minh Nguyệt
Người lập

Trần Ngọc Diệp
Kế toán trưởng

Nguyễn Duy Viễn
Người đại diện theo pháp luật/ Tổng Giám đốc
Ngày 13 tháng 3 năm 2023



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL		297.156.762.003	388.315.882.454
01.1	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	4.1(a)	106.620.098.095	198.971.394.615
01.2	Chênh lệch tăng do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	4.2	167.246.263.552	164.462.889.070
01.3	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL		14.129.438.506	18.166.023.361
01.4	Chênh lệch giảm đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	4.2	9.160.961.850	6.715.575.408
02	Lãi từ các khoản đầu tư HTM	4.3	51.123.097.664	34.780.934.780
03	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	4.4	309.491.573.770	292.944.343.067
06	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		348.759.568.803	516.434.742.109
07	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		-	10.192.027.947
08	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	4.5	49.414.794.553	674.236.475
09	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		15.894.506.355	23.428.406.243
10	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	4.6	17.165.089.282	66.254.406.101
20	TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG		1.089.005.392.430	1.333.024.979.176
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		(331.117.630.603)	(221.598.807.427)
21.1	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	4.1(b)	(123.862.655.004)	(83.937.457.902)
21.2	Chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	4.2	(193.500.761.556)	(131.355.788.382)
21.3	Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		(2.398.743.586)	(2.551.838.031)
21.4	Chênh lệch tăng đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	4.2	(11.355.470.457)	(3.753.723.112)
24	(Hoàn nhập)/dự phòng dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm giá trị tài sản tài chính		(1.364.025.600)	8.547.278.501
26	Chi phí hoạt động tự doanh		(7.537.637.055)	(10.899.834.837)
27	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	4.7	(267.664.871.774)	(354.057.455.786)
28	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		-	(3.706.500.000)
29	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		(17.464.625.000)	-
30	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		(12.047.459.718)	(12.301.468.214)
31	Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	4.8	(20.952.057.643)	(42.624.052.648)
40	TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		(658.148.307.393)	(636.640.840.411)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
(tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND (Điều chỉnh lại)
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
41	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		1.394.225.475	2.402.341.196
42	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		6.974.302.486	5.379.975.842
44	Doanh thu khác về đầu tư		1.524.007.259	2.982.287.619
50	TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	4.9	9.892.535.220	10.764.604.657
CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
51	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		(2.523.333.247)	(4.634.835.094)
52	Chi phí lãi vay		(167.968.883.625)	(137.297.123.171)
55	Chi phí tài chính khác		(3.468.664.056)	(2.640.483.733)
60	TỔNG CHI PHÍ TÀI CHÍNH	4.10	(173.960.880.928)	(144.572.441.998)
62	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	4.11	(117.886.563.588)	(127.020.913.681)
70	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		148.902.175.741	435.555.387.743
THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	Thu nhập khác		36.750.536	82.909.454
72	Chi phí khác		(2.204.603)	(57.694.533)
80	TỔNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHÁC		34.545.933	25.214.921
90	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		148.936.721.674	435.580.602.664
91	Lợi nhuận đã thực hiện		177.385.728.285	399.511.649.680
92	(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		(28.449.006.611)	36.068.952.984

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND (Điều chỉnh lại)
100	CHI PHÍ THUẾ TNDN		(36.566.043.505)	(78.690.833.735)
100.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.12	(30.757.480.806)	(78.690.833.735)
100.2	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	4.12	(5.808.562.699)	-
200	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		112.370.678.169	356.889.768.929
500	THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG		811	2.719
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	4.13	811	2.719
502	Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	4.13	811	2.719


Vũ Thị Minh Nguyệt
Người lập


Trần Ngọc Diệp
Kế toán trưởng


Nguyễn Duy Viễn
Người đại diện theo pháp luật/ Tổng Giám đốc
Ngày 13 tháng 3 năm 2023



BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	Lợi nhuận trước thuế TNDN		148.936.721.674	435.580.602.664
02	Điều chỉnh cho các khoản:			
03	Khấu hao tài sản cố định	3.8	6.770.013.915	5.751.554.653
04	Các khoản dự phòng	3.4(b)	1.364.025.600	(8.547.278.501)
05	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	202.841.644
06	Chi phí lãi vay		167.968.883.625	137.297.123.171
07	Lãi từ hoạt động đầu tư		(8.498.309.745)	(8.436.346.626)
08	Dự thu tiền lãi		(40.277.440.479)	(23.847.516.896)
10	Biến động các chi phí phi tiền tệ		204.857.456.022	135.109.511.494
11	Chênh lệch giảm về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và chứng quyền do Công ty phát hành		204.856.232.013	135.109.511.494
18	Biến động các doanh thu phi tiền tệ		(176.407.225.402)	(171.178.464.478)
19	Chênh lệch tăng về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và chứng quyền do Công ty phát hành		(176.407.225.402)	(171.178.464.478)
30	Tổng thay đổi vốn lưu động		160.090.141.153	(2.459.647.724.051)
31	Tăng tài sản tài chính FVTPL		(432.901.237.371)	(345.204.625.543)
32	Giảm/(tăng) các khoản đầu tư HTM		665.127.761.638	(681.381.918.034)
33	Giảm/(tăng) các khoản cho vay		339.116.230.280	(1.524.859.080.234)
34	Giảm các tài sản tài chính AFS		-	32.000.000.000
35	(Tăng)/giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(1.998.155.000)	13.508.989.000
36	Giảm các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		25.371.524.155	20.161.265.153
37	Giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		5.097.361.313	1.534.106.265
39	Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác		26.566.179.733	(30.508.087.484)
40	Giảm/(tăng) các tài sản khác		12.138.015.275	(4.679.612.636)
41	Tăng/(giảm) chi phí phải trả		6.045.186	(7.946.452)
42	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		4.033.144.558	(11.866.204.738)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
43	Thuế TNDN đã nộp		(41.018.313.999)	(84.467.348.809)
44	Lãi vay đã trả		(180.783.118.224)	(116.217.841.721)
45	Tăng phải trả cho người bán		875.070.028	451.529.736
46	Giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(24.927.953.697)	(17.887.930.521)
47	(Giảm)/tăng thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		(16.608.162.759)	23.670.840.488
48	(Giảm)/tăng phải trả người lao động		(18.146.172.253)	10.028.326.362
50	(Giảm)/tăng phải trả, phải nộp khác		(200.180.599.449)	256.666.815.117
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(273.478.261)	(589.000.000)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		466.207.042.354	(1.957.715.696.926)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(14.424.204.973)	(4.487.963.020)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	74.083.165
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7.449.902.487)	966.095.987
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		2.692.592.620.500	-
72	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(68.940)	(2.488.950)
73	Tiền vay gốc và tiền thu từ các giao dịch bán mua lại trái phiếu		32.000.535.096.396	12.814.062.764.684
74	Tiền chi trả nợ gốc vay và tiền chi cho các giao dịch bán mua lại trái phiếu		(34.817.376.410.460)	(10.260.741.166.887)
76	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(131.110.462.000)	(109.413.615.600)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(253.868.224.504)	2.443.905.493.247
90	Tăng tiền thuần trong năm		204.888.915.363	487.155.892.308
101	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	3.1	582.976.363.845	95.820.471.537
101.1	Tiền		567.976.363.845	95.820.593.053
101.2	Các khoản tương đương tiền		15.000.000.000	-
102	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(121.516)
103	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3.1	787.865.279.208	582.976.363.845
103.1	Tiền		287.865.279.208	567.976.363.845
103.2	Các khoản tương đương tiền		500.000.000.000	15.000.000.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm			
Mã số	CHỈ TIÊU	2022 VND	2021 VND
Lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	134.357.435.477.390	214.648.248.069.930
02	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	(133.006.460.513.650)	(212.351.775.922.933)
07	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	377.310.104.815.710	505.320.760.916.341
08	Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	(379.897.119.427.983)	(506.839.281.946.033)
11	Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	(9.245.317.337)	(8.677.885.068)
14	Tiền thu của tổ chức phát hành chứng khoán	13.163.685.708.399	21.415.814.075.057
15	Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	(13.211.172.253.318)	(21.387.487.505.775)
20	(Giảm)/tăng tiền thuần trong năm	(1.292.771.510.789)	797.599.801.519
30	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	2.209.429.025.707	1.411.829.224.188
31	Tiền gửi ngân hàng	2.209.429.025.707	1.411.829.224.188
32	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD	633.645.960.402 48.273.268.147	560.996.691.635 37.309.107.092
33	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	1.432.386.472.188	795.763.475.320
34	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	77.158.123.424	17.157.156.822
35	Tiền gửi của tổ chức phát hành	66.238.469.693	37.911.900.411

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm			
Mã số	CHỈ TIÊU	2022 VND	2021 VND
40	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	916.657.514.918	2.209.429.025.707
41	Tiền gửi ngân hàng	916.657.514.918	2.209.429.025.707
42	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD	497.892.913.364 78.457.090.677	633.645.960.402 48.273.268.147
43	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	277.032.189.128	1.432.386.472.188
44	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	122.980.487.652	77.158.123.424
45	Tiền gửi của tổ chức phát hành	18.751.924.774	66.238.469.693


Vũ Thị Minh Nguyệt
Người lập


Trần Ngọc Diệp
Kế toán trưởng


Nguyễn Duy Viễn
Người đại diện theo pháp luật/ Tổng Giám đốc
Ngày 13 tháng 3 năm 2023



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

		Tại ngày		Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021		Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022		Tại ngày	
CHỈ TIÊU		1/1/2021 VND	1/1/2022 VND	TĂNG VND	GIẢM VND	TĂNG VND	GIẢM VND	31/12/2021 VND	31/12/2022 VND
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.218.875.739.207	1.218.873.250.257	-	(2.488.950)	2.694.931.722.000	(2.339.170.440)	1.218.873.250.257	3.911.465.801.817
1.1	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	1.220.700.780.000	1.220.700.780.000	-	-	657.300.420.000	-	1.220.700.780.000	1.878.001.200.000
1.3	Thặng dư vốn cổ phần	2.861.823.457	2.861.823.457	-	-	2.037.631.302.000	(2.339.101.500)	2.861.823.457	2.038.154.023.957
2.	Cổ phiếu quỹ	(4.686.864.250)	(4.689.353.200)	-	(2.488.950)	-	(68.940)	(4.689.353.200)	(4.689.422.140)
3.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	36.425.535.101	54.270.023.547	17.844.488.446	-	-	-	54.270.023.547	54.270.023.547
4.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	36.425.535.101	54.270.023.547	17.844.488.446	-	-	-	54.270.023.547	54.270.023.547
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	2.100.000.000	-	-	(2.100.000.000)	-	-	-	-
8.	Lợi nhuận chưa phân phối	196.626.153.263	391.843.754.037	356.889.768.929	(161.672.168.155)	146.628.247.479	(192.080.391.960)	391.843.754.037	346.391.609.556
8.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	197.356.923.449	356.505.571.239	320.820.815.945	(161.672.168.155)	146.628.247.479	(157.822.822.650)	356.505.571.239	345.310.996.068
8.2	(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	(730.770.186)	35.338.182.798	36.068.952.984	-	-	(34.257.569.310)	35.338.182.798	1.080.613.488
Tổng cộng		1.490.452.962.672	1.719.257.051.388	392.578.745.821	(163.774.657.105)	2.841.559.969.479	(194.419.562.400)	1.719.257.051.388	4.366.397.458.467

Vũ Thị Minh Nguyệt
Người lập

Trần Ngọc Diệp
Kế toán trưởng

Nguyễn Duy Viễn
Người đại diện theo pháp luật/ Tổng Giám đốc
Ngày 13 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

1 Thông tin chung về doanh nghiệp

1.1. Giấy phép Thành lập và Hoạt động

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 111/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 12 năm 2010. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 98/GPĐC-UBCK được cấp ngày 14 tháng 10 năm 2022.

Công ty được thành lập trên cơ sở thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Ngày 19 tháng 7 năm 2011, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là BSI.

1.2. Trụ sở, chi nhánh và phòng giao dịch



Công ty có trụ sở chính tại Tầng 8, 9, Tòa nhà Thái Holdings, Số 210 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.



Phòng giao dịch Hoàn Kiếm có địa chỉ tại Tầng 1, Tháp BIDV số 194 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.



Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có địa chỉ tại Tầng 9, Số 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phòng giao dịch Từ Liêm có địa chỉ tại Tầng 1, Tòa nhà Sunsquare, Tháp chung cư A, Dự án tổ hợp công trình dịch vụ công cộng, văn phòng và nhà ở, Số 21 Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

1.3. Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động mới nhất của Công ty được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 1 năm 2022. Sau đó, tại ngày 18 tháng 11 năm 2022, Hội đồng Quản trị đã sửa đổi điều lệ hoạt động của Công ty căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 04/NQ-ĐHĐCĐĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022.

1.4. Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán và thực hiện các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với công ty chứng khoán.

1.5. Quy mô vốn

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 865.000.000.000 Đồng. Vốn điều lệ đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh lần gần nhất tăng lên 1.878.001.200.000 Đồng theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số 98/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 10 năm 2022 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

1.6. Hạn chế đầu tư

Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành.

- (1) Công ty không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty.
- (2) Công ty nếu mua, đầu tư vào bất động sản cho mục đích ở Điểm 1 nêu trên thì tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của Công ty.
- (3) Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
- (4) Công ty không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của Công ty, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - c) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - d) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - e) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - g) Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

- (5) Công ty được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, Công ty không phải tuân thủ quy định tại Điểm c, d và đ, Khoản 4, Điều 28, Thông tư 121/2020/TT-BTC ban hành bởi Bộ tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2020, quy định về hoạt động của công ty chứng khoán. Công ty dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
- a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh Công ty đang thực hiện;
- b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
- c) Công ty sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 26, Thông tư 121/2020/TT-BTC và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 và Điểm e, Khoản 4, Điều 28, Thông tư 121/2020/TT-BTC.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không sở hữu công ty quản lý quỹ nào.
- (6) Trường hợp Công ty đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của Công ty hoặc tổ chức góp vốn, Công ty phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4, Điều 28, Thông tư 121/2020/TT-BTC tối đa trong thời hạn một (01) năm.

1.7. Thông tin khác

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 285 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 266 nhân viên).

2 Các chính sách kế toán chủ yếu

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các quy định sau:

- Các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam;
- Thông tư 210/2014/TT-BTC để ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210/2014/TT-BTC") hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán;
- Thông tư 334/2016/TT-BTC để ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334/2016/TT-BTC") sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán;
- Công văn 6190/BTC-CĐKT để ngày 12 tháng 5 năm 2017 ("Công văn 6190/BTC-CĐKT") hướng dẫn kế toán chứng khoán phái sinh của hợp đồng tương lai, chỉ số chứng khoán và hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ;
- Thông tư 23/2018/TT-BTC để ngày 12 tháng 3 năm 2018 ("Thông tư 23/2018/TT-BTC") hướng dẫn việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam;
- Thông tư 91/2020/TT-BTC để ngày 13 tháng 11 năm 2020 ("Thông tư 91/2020/TT-BTC") quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;
- Thông tư 114/2021/TT-BTC để ngày 17 tháng 12 năm 2021 ("Thông tư 114/2021/TT-BTC") bãi bỏ Thông tư 146/2014/TT-BTC để ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ;
- Các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") và tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS") được đo lường và ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2. Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng phần mềm kế toán theo hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”), cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty.

2.5. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày báo cáo lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày báo cáo. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày báo cáo được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi của Công ty tại ngân hàng, tiền của Công ty đang được giữ trên tài khoản ngân hàng của nhà đầu tư theo phương thức công ty chứng khoán quản lý, liên quan tới một số giao dịch đã phát sinh thời điểm cuối kỳ kế toán, chủ yếu bao gồm các giao dịch giải ngân, thu nợ cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán, tiền đang chuyển, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính của báo cáo tài chính.

2.7. Tài sản tài chính

(a) Phân loại và đo lường

(i) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)

Tài sản tài chính FVTPL là các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh hoặc do Ban Tổng Giám đốc xác định từ ban đầu là được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Một tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính này là một phần cấu thành của một danh mục các công cụ tài chính cụ thể được quản lý và có bằng chứng về việc kinh doanh danh mục đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

- Các tài sản tài chính này là công cụ phái sinh (ngoại trừ các công cụ phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ban Tổng Giám đốc sẽ xác định một tài sản tài chính là tài sản tài chính FVTPL nếu việc phân loại này sẽ làm các thông tin về tài sản tài chính được trình bày một cách hợp lý hơn vì một trong các lý do sau đây:

- Làm loại trừ hoặc giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị (còn được gọi là sự “không thống nhất kế toán”) mà sự không thống nhất này có thể bắt nguồn từ việc xác định giá trị của các tài sản hoặc ghi nhận lãi hoặc lỗ theo các cơ sở khác nhau; hoặc
- Một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả đánh giá dựa trên cơ sở giá trị hợp lý và phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư đã được quy định và thông tin về nhóm tài sản này được cung cấp cho những người/bên quan trọng của Công ty (được nêu rõ trong Chuẩn mực Kế toán – Thuyết minh về các bên liên quan), ví dụ như Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông lớn của Công ty.

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm các chi phí mua. Các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường). Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường và các khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh mà:

- Việc hoàn trả là cố định hay xác định được;
- Ngày đáo hạn là cố định;
- Công ty có ý định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư HTM không bao gồm:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm FVTPL;
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm AFS; và
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này, sau đó ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực (“EIR”).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tại ngày báo cáo, các khoản đầu tư HTM được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị hoặc khả năng không thu hồi được do một số sự kiện xảy ra sau thời điểm ghi nhận ban đầu gây ảnh hưởng đến dòng tiền ước tính trong tương lai của các khoản đầu tư HTM. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- Công ty đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, mà Công ty không thể xem xét hơn được;
- Khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính của bên đi vay là cao;
- Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm đo lường được của dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các khoản đầu tư HTM kể từ khi ghi nhận ban đầu, mặc dù sự suy giảm đó chưa được xác định cụ thể đối với từng tài sản riêng lẻ trong nhóm, bao gồm:
 - Những thay đổi tiêu cực trong tình hình trả nợ của những người vay trong cùng một nhóm; hoặc
 - Các điều kiện kinh tế trong nước hoặc địa phương có mối liên quan tới mất khả năng thanh toán đối với các khoản đầu tư HTM trong nhóm.

Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư HTM tại ngày báo cáo. Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị các khoản đầu tư HTM được ghi nhận tăng/(giảm) chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động .

Các khoản đầu tư HTM được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư này tại ngày báo cáo.

(iii) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoạt động.

Trong năm báo cáo, Công ty có các khoản cho vay bao gồm:

- Cho vay giao dịch ký quỹ: là số tiền cho nhà đầu tư vay để mua chứng khoán niêm yết trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 1 năm 2017. Theo quy định này, tỷ lệ ký quỹ ban đầu (tỷ lệ giá trị tài sản thực có so với giá trị chứng khoán dự kiến mua được bằng lệnh giao dịch ký quỹ tính theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch) do công ty chứng khoán quy định nhưng không được thấp hơn 50%. Số dư cho vay ký quỹ được đảm bảo bởi chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ.
- Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán: là số tiền ứng trước cho nhà đầu tư có giao dịch bán chứng khoán tại ngày giao dịch và/hoặc ngày liền kề sau đó. Các khoản ứng trước này có thời hạn hoàn trả trong vòng hai (2) ngày giao dịch.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực ("EIR").

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tại ngày báo cáo, các khoản cho vay được trích lập dự phòng khi có bằng chứng về việc suy giảm giá trị. Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị thị trường của tài sản đảm bảo và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tại ngày báo cáo. Dự phòng/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được ghi nhận tăng/giảm chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động .

(iv) Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")

Các tài sản tài chính AFS bao gồm các tài sản tài chính phi phái sinh mà không được phân loại là FVTPL, HTM, khoản cho vay hay phải thu.

Tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua các tài sản tài chính này.

Tại ngày báo cáo, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ tài sản tài chính AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS. Việc ghi nhận như vậy sẽ tiếp tục cho đến khi tài sản tài chính được dừng ghi nhận.

Tại thời điểm dừng ghi nhận, các khoản lãi hoặc lỗ lũy kế trước đây đã được phản ánh vào vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại. Các khoản lãi được tính theo phương pháp lãi suất thực sẽ được ghi nhận vào lãi/lỗ theo quy định của Chuẩn mực Kế toán về doanh thu.

Tại ngày báo cáo, các tài sản tài chính AFS được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị.

Đối với các công cụ nợ, bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị được xác định tương tự các tài sản tài chính HTM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Đối với các công cụ vốn, bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- Những thay đổi đáng kể có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của tổ chức phát hành do những thay đổi về công nghệ, thị trường, kinh tế hoặc môi trường pháp lý cho thấy khả năng không thể thu hồi lại giá gốc của công cụ vốn;
- Sự suy giảm đáng kể hoặc kéo dài về giá trị của một khoản đầu tư vào công cụ vốn xuống dưới giá gốc;

Mức trích lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của tài sản tài chính AFS tại ngày báo cáo.

Lỗi suy giảm giá trị của tài sản tài chính AFS được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trước đây (nếu có), khi có bằng chứng khách quan cho thấy tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị thì lỗ lũy kế đã được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu sẽ được chuyển sang ghi nhận vào lãi/lỗ như là một bút toán điều chỉnh do phân loại lại mặc dù tài sản đó chưa bị dừng ghi nhận.

(b) Phân loại lại

(i) Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Khi bán các tài sản tài chính không thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL, Công ty phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các nhóm tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL trước khi bán. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS lũy kế trong vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh tại ngày được phân loại lại.

(ii) Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm tài sản tài chính HTM không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải được định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào lãi/lỗ trên báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

(c) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các tài sản tài chính được ghi nhận theo ngày giao dịch, là ngày Công ty trở thành một bên tham gia trong các điều khoản hợp đồng của công cụ tài chính.

Các tài sản tài chính được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các tài sản tài chính đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển giao đáng kể rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các tài sản tài chính đó.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba, nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chưa chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

(d) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm chi phí mua. Các tài sản tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các tài sản tài chính với giá trị bằng không (0).

(e) Căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý

Công ty áp dụng nguyên tắc định giá tài sản tài chính theo Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 về chỉ tiêu an toàn tài chính của tổ chức kinh doanh chứng khoán ("Thông tư 91/2020/TT-BTC") để làm căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý, cụ thể như sau:

(i) Cổ phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM")

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

(ii) Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD")

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo giá trị trung bình của các giao dịch dựa trên giá giao dịch trong báo giá của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá nhưng không quá một (1) tháng tính đến ngày định giá. Người quản lý, điều hành của đơn vị được lựa chọn báo giá và người quản lý, điều hành của đơn vị nhận báo giá không phải là người có liên quan theo quy định của Luật Chứng khoán.

(iii) Trái phiếu niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán

Các trái phiếu này được định giá căn cứ vào giá yết (giá sạch) trên hệ thống giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày đánh giá lại cộng lãi lũy kế. Các trái phiếu không có giao dịch trong nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá sẽ được trình bày theo giá mua cộng lãi lũy kế.

(iv) Trái phiếu không niêm yết

Trái phiếu không niêm yết được đánh giá lại theo giá mua cộng lãi lũy kế.

(v) Chứng chỉ quỹ mở, quỹ đóng và quỹ hoán đổi danh mục ("quỹ ETF")

Các chứng chỉ quỹ mở, quỹ đóng và quỹ ETF được đánh giá lại theo giá trị tài sản ròng của quỹ tại kỳ kế toán gần nhất tính đến ngày định giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

(vi) Chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi

Các chứng khoán này được định giá dựa trên giá trị sổ sách tại ngày báo cáo gần nhất.

(vii) Chứng chỉ tiền gửi

Chứng chỉ tiền gửi được định giá bằng giá trị chứng chỉ cộng lãi phải thu tính tới ngày lập báo cáo tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán không thuộc các nhóm nêu trên sẽ được dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá lại.

(f) Hạch toán lãi/(lỗ)

Chi phí mua

Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính FVTPL được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động. Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính khác được hạch toán vào giá gốc của tài sản.

Chi phí bán

Chi phí giao dịch bán các tài sản tài chính được hạch toán vào chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán

Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính được hạch toán vào doanh thu/(chi phí) hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị tài sản tài chính

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị tài sản tài chính được ghi tăng/(giảm) chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

2.8. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, phải thu phí dịch vụ cung cấp, phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

2.9. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên báo cáo tình hình tài chính. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là thu nhập lãi và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

Đối với các cam kết quá hạn, Công ty trích lập dự phòng suy giảm giá trị.

2.10. Hợp đồng tương lai

Hợp đồng tương lai là chứng khoán phái sinh niêm yết, trong đó xác nhận cam kết giữa các bên để thực hiện một trong các giao dịch sau:

- Mua hoặc bán một số lượng tài sản cơ sở nhất định theo một mức giá đã được xác định vào một ngày đã được ấn định trước trong tương lai; hoặc
- Thanh toán khoản chênh lệch giữa giá trị tài sản cơ sở đã xác định trước tại thời điểm giao kết hợp đồng và giá trị tài sản cơ sở tại một ngày được ấn định trước trong tương lai.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến hợp đồng tương lai theo hướng dẫn trong Công văn 6190/BTC-CDKT để ngày 12 tháng 5 năm 2017, cụ thể như sau:

Giao dịch tự doanh

Tiền gửi ký quỹ tự doanh chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu ‘Tài sản ngắn hạn khác’ trên báo cáo tình hình tài chính.

Chứng khoán đem ký quỹ để giao dịch chứng khoán phái sinh không bị dừng ghi nhận mà được theo dõi trên tài khoản chi tiết của cùng loại tài sản tài chính và thuyết minh trên báo cáo tài chính.

Lãi (hoặc lỗ) vị thế của hợp đồng tương lai được xác định và thanh toán hàng ngày dựa trên giá thanh toán cuối ngày hạch toán trừ đi giá thanh toán cuối ngày giao dịch gần nhất. Lãi (hoặc lỗ) vị thế được ghi nhận vào thu nhập (hoặc chi phí) đã thực hiện trong báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu ‘Lãi (hoặc lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL’.

Lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh từ tiền gửi ký quỹ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong báo cáo hoạt động ở chỉ tiêu ‘Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định’.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Giao dịch môi giới

Tiền nộp vào Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu ‘Tài sản dài hạn khác’ trên báo cáo tình hình tài chính.

Doanh thu từ phí giao dịch hợp đồng tương lai được ghi nhận vào báo cáo hoạt động ở chỉ tiêu ‘Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán’.

Tiền và tài sản ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh của khách hàng được ghi nhận ngoài báo cáo tình hình tài chính, ở chỉ tiêu ‘Tài sản ký quỹ của nhà đầu tư’ và ‘Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD’.

2.11. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm tài chính.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	20% - 25%	Tài sản cố định hữu hình khác	20% - 33%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10%	Phần mềm	20% - 33%

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng chênh lệch giữa số thu thuần do thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động

2.12. Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào chi phí hoạt động trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ và công cụ, dụng cụ không đáp ứng tiêu chuẩn để hạch toán là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính, chủ yếu bao gồm chi phí thuê văn phòng và công cụ, vật dụng văn phòng. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Đối với chi phí bảo lãnh khoản vay ngoại tệ, chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian bảo lãnh của khoản vay.

2.14. Ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn

Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn được ghi nhận khi Công ty thanh toán khoản tiền ký quỹ, ký cược theo điều khoản hợp đồng và được phân loại là tài sản ngắn hạn/dài hạn khác.

2.15. Nợ phải trả

(a) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Nợ phải trả được ghi nhận khi Công ty phát sinh nghĩa vụ từ việc nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý khi ký kết hợp đồng giao dịch. Nợ phải trả được chấm dứt ghi nhận khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ phát sinh. Các khoản phải trả được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và thận trọng.

(b) Phân loại

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Nợ vay;
- Trái phiếu phát hành;
- Phải trả liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán;
- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua các tài sản tài chính, hàng hóa và dịch vụ;
- Người mua trả tiền trước; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua các tài sản tài chính, hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

2.16. Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty là các nghĩa vụ mang tính bắt buộc để thanh toán tiền hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác hoặc trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện không có lợi cho Công ty hoặc là các hợp đồng có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được trình bày theo giá trị thuần trên báo cáo tài chính trong trường hợp Công ty:

- a) Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- b) Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

2.17. Các khoản vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng, tổ chức tài chính, công ty tài chính và các đối tượng khác. Các khoản vay được trình bày theo giá gốc tại ngày báo cáo.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày báo cáo.

2.18. Trái phiếu phát hành

Trái phiếu phát hành được ghi nhận ban đầu theo giá phát hành. Phụ trội/(chiết khấu) trái phiếu được xác định tại thời điểm phát hành và phân bổ vào chi phí đi vay hoặc vốn hóa trong suốt thời hạn của trái phiếu theo phương pháp đường thẳng.

Số dư trái phiếu phát hành được trình bày trên cơ sở thuần (mệnh giá cộng phụ trội hoặc trừ chiết khấu chưa phân bổ hết tại ngày báo cáo).

Số dư trái phiếu phát hành được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo thời hạn của trái phiếu.

2.19. Chứng quyền có bảo đảm

Chứng quyền có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do công ty chứng khoán phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện. Công ty chứng khoán phát hành chứng quyền phải ký quỹ tiền, tài sản tài chính hoặc có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng lưu ký để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán với người sở hữu chứng quyền.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến chứng quyền có bảo đảm theo hướng dẫn trong Thông tư 23/2018/TT-BTC để ngày 12 tháng 3 năm 2018, cụ thể như sau:

Chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành

Khi phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư, số tiền thu được hạch toán tăng phải trả chứng quyền.

Khi Công ty mua lại chứng quyền đã phát hành trong vai trò tạo lập thị trường, hoặc khi chứng quyền bị hủy niêm yết và Công ty phải thu hồi, chênh lệch dương (hoặc âm) giữa giá mua lại và giá trị ghi sổ của chứng quyền được ghi nhận vào lỗ (hoặc lãi) trong báo cáo kết quả hoạt động.

Các chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí trong năm phát sinh. Tiền bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư và tiền phạt trả chậm tiền cho nhà đầu tư được ghi nhận vào chi phí khác.

Cuối kỳ, chứng quyền có bảo đảm được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch tăng (hoặc giảm) đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm được ghi nhận vào lỗ (hoặc lãi) trong báo cáo kết quả hoạt động.

Lãi (hoặc lỗ) tại ngày đáo hạn chứng quyền được hạch toán vào lãi (hoặc lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL trong báo cáo kết quả hoạt động.

Số lượng chứng quyền được phép phát hành, số lượng đã phát hành và mua lại được hạch toán và theo dõi trong tài khoản ngoài báo cáo tài chính. Số lượng chứng quyền tại ngày báo cáo được trình bày trong các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Chứng khoán dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền

Chứng khoán dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền được theo dõi trong tài khoản riêng và được đánh giá lại cuối kỳ. Kết quả đánh giá lại được hạch toán tương tự như tài sản tài chính FVTPL.

2.20. Thuế thu nhập của nhà đầu tư

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, đối với nhà đầu tư là các tổ chức nước ngoài, Công ty có trách nhiệm giữ lại 0,1% số tiền giao dịch để nộp thuế nhà thầu thay cho nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư cá nhân (kể cả cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú), Công ty cần giữ lại 0,1% số tiền giao dịch để nộp thuế thu nhập cá nhân thay cho nhà đầu tư. Công ty sẽ kê khai và nộp thuế cho các nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư là các tổ chức trong nước, Công ty không giữ lại tiền thuế trên số tiền giao dịch mà chính các tổ chức trong nước này tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

2.21. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí kinh doanh của năm báo cáo.

2.22. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể dẫn đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được ước tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của dòng tiền là trọng yếu thì dự phòng được ước tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những yếu tố trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí hoạt động trong năm tài chính.

2.23. Vốn chủ sở hữu

(a) Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị hủy bỏ tại ngày báo cáo. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của chính Công ty.

- Cổ phiếu quỹ mua lại trước ngày hiệu lực của Luật Chứng khoán 2019 (ngày 1 tháng 1 năm 2021) là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 1 tháng 1 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

(b) Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Trước ngày 1 tháng 2 năm 2022:

- Theo Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014, công ty chứng khoán phải trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ở mức 5% lợi nhuận sau thuế TNDN cho mỗi quỹ vào mỗi năm có lợi nhuận cho đến khi mỗi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ.
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của tổ chức bảo hiểm, sử dụng quỹ bảo vệ nhà đầu tư và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí.
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ trích lập để bổ sung vốn điều lệ.

Từ ngày 1 tháng 2 năm 2022, theo Thông tư 114/2021/TT-BTC do Bộ Tài chính ban ngày 17 tháng 12 năm 2021 có hiệu lực, theo đó:

- Chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ theo Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 được bãi bỏ toàn bộ.
- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ theo Luật Chứng khoán 2019, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ hoạt động của Công ty.

Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn, và Điều lệ hoạt động của Công ty, đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

(c) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

(d) Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động sau thuế TNDN của Công ty tại ngày báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện từ các giao dịch đã phát sinh lũy kế đến ngày báo cáo.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động và thuế TNDN hoãn lại trên kết quả đánh giá lại đó.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

2.24. Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tình hình tài chính khi cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

Lợi nhuận phân phối cho cổ đông là lợi nhuận đã thực hiện sau thuế TNDN và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ.

2.25. Tài sản của và nợ phải trả khách hàng

Tài sản của và nợ phải trả khách hàng được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính bao gồm:

- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành và nợ phải trả tương ứng; và
- Tài sản tài chính của nhà đầu tư.

2.26. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành, phí tư vấn đầu tư chứng khoán, phí lưu ký chứng khoán và doanh thu từ hoạt động ủy thác đầu giá.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ đã được cung cấp, dựa vào mức độ hoàn thành của từng giao dịch trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày báo cáo; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản giảm giá dịch vụ đã cung cấp. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ cung cấp dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm tài chính phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày báo cáo nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

(b) Thu nhập từ hoạt động tự doanh tài sản tài chính

Thu nhập từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính, lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính và cổ tức.

Lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính là khoản chênh lệch giữa giá bán chưa trừ phí bán và giá vốn của tài sản tài chính được thanh lý, nhượng bán. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm bán.

Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính được thực hiện vào cuối mỗi năm tài chính. Công ty ghi nhận số phát sinh của các khoản lãi hoặc lỗ từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính riêng biệt tương ứng vào thu nhập hoặc chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động của năm tài chính đó (Thuyết minh 2.7(a)).

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là thu nhập.

(c) Thu nhập trên vốn kinh doanh

Thu nhập trên vốn kinh doanh bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi thu được từ các hợp đồng giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản thu nhập này được ghi nhận theo phương pháp dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

(d) Thu nhập từ các nghiệp vụ mua lại và bán lại chứng khoán

Thu nhập từ các nghiệp vụ mua lại và bán lại chứng khoán được ghi nhận theo thời hạn của hợp đồng mua lại và bán lại chứng khoán.

(e) Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập không thường xuyên phát sinh từ các hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu và thu nhập nêu trên.

2.27. Chi phí

(a) Ghi nhận

Chi phí hoạt động được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

(b) Phân loại

Chi phí của Công ty được phân loại theo chức năng như sau:

- Chi phí hoạt động;
- Chi phí quản lý; và
- Chi phí tài chính;
- Chi phí khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

2.28. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh những khoản doanh thu từ hoạt động đầu tư phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm lãi phát sinh từ tiền gửi ngân hàng và lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái.

2.29. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái.

2.30. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc hình thành bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng.

Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc hình thành bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc hình thành tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

2.31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.



2.32. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của kỳ báo cáo. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận nếu phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày báo cáo.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.33. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ với từng bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.34. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty có tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ (bộ phận kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận khu vực địa lý). Mỗi bộ phận có rủi ro và lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác. Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo bộ phận kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Đối với báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý, Công ty chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận theo khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

2.35. Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu và việc trình bày các khoản nợ phải trả và tài sản tiềm tàng tại ngày báo cáo, cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ báo cáo.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính bao gồm:

- Giá trị thị trường/giá trị hợp lý của các tài sản tài chính (Thuyết minh 2.7 và 3.2); và
- Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính (Thuyết minh 2.7 và 3.4).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

2.36. Số liệu bằng không

Các khoản mục được quy định trong Thông tư 334/2016/TT-BTC, Công văn 6190/BTC-CĐKT và Thông tư 23/2018/TT-BTC không được thể hiện trong báo cáo tài chính này được hiểu là có số liệu bằng không.

3 Thông tin bổ sung báo cáo tình hình tài chính

3.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

TIỀN	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Tiền mặt tại quỹ	13.098.307	75.131.443
Tiền gửi ngân hàng của Công ty	287.852.180.901	567.901.232.402
Trong đó:		
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	271.933.358.296	373.448.934.235
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	3.730.092.919	182.306.679.526
Tiền gửi về theo dõi tiền ký quỹ phát hành và bán chứng quyền (*)	12.188.729.686	12.145.618.641
Các khoản tương đương tiền (**)	500.000.000.000	15.000.000.000
	787.865.279.208	582.976.363.845

(*) Số dư thể hiện tiền gửi ký quỹ cho mục đích phát hành và bán chứng quyền của Công ty.

(**) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba tháng với lãi suất 6%/năm (2021: 5,7%/năm).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

3.2. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

	Mã chứng khoán	31/12/2022		31/12/2021	
		Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết		189.986.536.212	172.636.727.540	209.156.128.306	224.203.621.350
Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội	MIG	34.248.852.246	28.992.736.500	30.234.367.025	29.816.363.700
Công ty Cổ phần Thế Giới Số	DGW	33.287.125.537	29.998.415.000	70.710.300	156.609.600
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB	28.631.504.574	29.197.057.500	40.986.017.325	45.284.935.500
Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	CTR	24.430.741.308	24.118.718.400	17.138.528	24.703.200
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	PET	26.372.544.794	23.477.754.150	11.328.123.896	11.509.521.900
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VIB	22.415.430.075	20.425.095.000	49.366.170	72.085.200
Công ty Cổ phần Thuận Đức	TDP	3.345.462	4.361.700	50.003.345.462	52.503.517.500
Cổ phiếu khác		20.596.992.216	16.422.589.290	76.467.059.600	84.835.884.750
Cổ phiếu chưa niêm yết		83.804.489.806	104.669.214.886	95.038.132.028	110.869.797.347
Công ty Cổ phần Đầu tư Phan Vũ	PHVU	58.063.615.500	82.325.851.400	58.063.615.500	76.722.521.200
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	VTP	25.500.000.000	22.100.000.000	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	VTP	9.907.339	3.577.800	28.991.469.000	26.452.988.100
Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	MCM	-	-	7.848.110.000	7.506.900.000
Cổ phiếu khác		230.966.967	239.785.686	134.937.528	187.388.047

	Mã chứng khoán	31/12/2022		31/12/2021	
		Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
Trái phiếu niêm yết		211.012.055.034	211.008.964.072	387.066.675.869	388.400.643.961
Trái phiếu Chính phủ		210.838.300.000	210.838.300.000	347.956.900.000	348.417.800.000
Trái phiếu doanh nghiệp		173.755.034	170.664.072	39.109.775.869	39.982.843.961
Trái phiếu chưa niêm yết		729.537.084.304	733.621.218.822	118.942.641.732	119.474.562.192
Trái phiếu doanh nghiệp		143.595.212.710	144.182.062.026	50.409.645.534	50.635.234.268
Trái phiếu của các tổ chức tín dụng		585.941.871.594	589.439.156.796	68.532.996.198	68.839.327.924
Cổ phiếu dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền		9.492.665.763	9.595.940.000	29.085.011.536	27.167.140.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB	8.445.230.799	8.550.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB	-	-	13.874.707.314	13.303.280.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	HPG	-	-	11.700.866.998	10.412.160.000
Cổ phiếu khác		1.047.434.964	1.045.940.000	3.509.437.224	3.451.700.000
Chứng chỉ tiền gửi		206.982.713.000	207.759.425.329	151.188.726.925	151.853.658.432
Chứng chỉ quỹ		12.616.058.968	10.767.866.500	18.275.829.261	21.443.194.500
		1.443.431.603.087	1.450.059.357.149	1.008.753.145.657	1.043.412.617.782

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính FVTPL của Công ty như sau:

	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022				
Cổ phiếu niêm yết	189.986.536.212	2.049.895.977	(19.399.704.649)	172.636.727.540
Cổ phiếu chưa niêm yết	83.804.489.806	24.320.418.823	(3.455.693.743)	104.669.214.886
Trái phiếu niêm yết	211.012.055.034	-	(3.090.962)	211.008.964.072
Trái phiếu chưa niêm yết	729.537.084.304	4.084.134.518	-	733.621.218.822
Cổ phiếu dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền	9.492.665.763	118.693.341	(15.419.104)	9.595.940.000
Chứng chỉ tiền gửi	206.982.713.000	776.712.329	-	207.759.425.329
Chứng chỉ quỹ	12.616.058.968	657.747.761	(2.505.940.229)	10.767.866.500
	1.443.431.603.087	32.007.602.749	(25.379.848.687)	1.450.059.357.149
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021				
Cổ phiếu niêm yết	209.156.128.306	15.634.791.780	(587.298.736)	224.203.621.350
Cổ phiếu chưa niêm yết	95.038.132.028	18.735.003.484	(2.903.338.165)	110.869.797.347
Trái phiếu niêm yết	387.066.675.869	1.514.068.092	(180.100.000)	388.400.643.961
Trái phiếu chưa niêm yết	118.942.641.732	531.920.460	-	119.474.562.192
Cổ phiếu dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền	29.085.011.536	-	(1.917.871.536)	27.167.140.000
Chứng chỉ tiền gửi	151.188.726.925	664.931.507	-	151.853.658.432
Chứng chỉ quỹ	18.275.829.261	3.167.365.239	-	21.443.194.500
	1.008.753.145.657	40.248.080.562	(5.588.608.437)	1.043.412.617.782

3.3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
(a) Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	159.967.342.469	583.537.090.406
Chứng chỉ tiền gửi	52.000.000.000	87.680.136.986
	211.967.342.469	671.217.227.392
(b) Dài hạn		
Trái phiếu chưa niêm yết của các tổ chức tín dụng	51.365.958.897	205.613.698.627
Trái phiếu chưa niêm yết của doanh nghiệp	-	51.630.136.985
	51.365.958.897	257.243.835.612

Các khoản cho vay và dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính

(a) Các khoản cho vay

	31/12/2022		31/12/2021	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND
Hợp đồng giao dịch ký quỹ (i)	2.694.821.373.492	(6.485.552.400)	2.659.135.585.524	(9.638.966.740)
Ứng trước tiền bán chứng khoán (ii)	264.754.799.635	-	644.074.257.823	-
	2.959.576.173.127	(6.485.552.400)	3.303.209.843.347	(9.638.966.740)

(i) Hợp đồng giao dịch ký quỹ

Đây là số tiền cho nhà đầu tư vay để mua chứng khoán trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 1 năm 2017. Chứng khoán của khách hàng tham gia vào giao dịch ký quỹ được Công ty nắm giữ như tài sản đảm bảo cho khoản vay.

Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 8.572.190.817.800 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 11.854.677.205.850 Đồng).

(ii) Ứng trước tiền bán chứng khoán

Đây là số tiền bán chứng khoán ứng trước cho nhà đầu tư tại ngày giao dịch ("ứng tiền ngày T") và ngày T+1. Các khoản tạm ứng này sẽ được hoàn trả tại ngày T+2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

3.4. Các khoản cho vay và dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính (tiếp theo)

(b) Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính

Toàn bộ số dư dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính là liên quan đến các khoản cho vay ký quỹ.

Biến động dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	9.638.966.740	18.186.245.241
Tăng/(hoàn nhập) dự phòng trong năm	1.364.025.600	(8.547.278.501)
Xóa sổ khoản dự phòng	(4.517.439.940)	-
Số dư cuối năm	6.485.552.400	9.638.966.740



3.5. Các khoản phải thu và dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

	31/12/2022		31/12/2021	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị phải thu khó đòi VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị phải thu khó đòi VND
(a) Các khoản phải thu				
Dự thu tiền lãi nghiệp vụ cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán	38.451.526.423	-	23.825.799.896	-
Phải thu tiền bán chứng khoán tự doanh	2.131.121.000	-	132.966.000	-
Phải thu lãi từ các khoản tương đương tiền	1.825.914.056	-	-	-
Phải thu cổ tức được chia	-	-	21.717.000	-
	42.408.561.479	-	23.980.482.896	-
(b) Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp				
Phải thu từ dịch vụ bảo lãnh và tư vấn tài chính	28.500.000	-	2.976.887.258	-
Phải thu phí môi giới chứng khoán	769.940.309	-	1.931.043.985	-
Phải thu khác	778.773.592	-	1.766.643.971	-
	1.577.213.901	-	6.674.575.214	-
(c) Phải thu khác				
Phải thu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") (Thuyết minh 6(b)) (*)	466.826.460	-	28.288.283.372	-
Các khoản phải thu khác	2.579.921.905	-	15.191.080	-
	3.046.748.365	-	28.303.474.452	-

(*) Đây là khoản tiền gốc vay BIDV của các khách hàng cá nhân mở tài khoản giao dịch tại Công ty cho mục đích đầu tư và kinh doanh chứng khoán. Theo Hợp đồng số 01/2020/19/HĐHT để ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa BIDV và Công ty, Công ty thực hiện ứng trước tiền vay cho các khách hàng cá nhân này sau đó sẽ thu lại từ BIDV. Công ty tham gia giao dịch này với vai trò là trung gian thanh toán cho BIDV và quản lý tài sản đảm bảo khoản cho vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

3.6. Chi phí trả trước

(a) Ngắn hạn

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Chi phí thuê văn phòng	2.678.896.498	3.008.531.820
Chi phí bảo lãnh khoản vay	-	1.927.461.779
Chi phí bản quyền phần mềm	-	1.794.675.934
Khác	3.608.018.358	3.164.500.806
	6.286.914.856	9.895.170.339

(b) Dài hạn

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	5.192.738.839	5.507.867.709
Phí bảo hiểm	2.216.396.590	2.650.996.590
Chi phí bản quyền phần mềm	324.839.795	-
	7.733.975.224	8.158.864.299

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	8.158.864.299	3.376.596.590
Tăng trong năm	3.983.047.273	5.507.867.709
Phân bổ trong năm	(4.407.936.348)	(725.600.000)
Số dư cuối năm	7.733.975.224	8.158.864.299

3.7. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Tiền gửi ký quỹ cho hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh của Công ty (*)	4.827.984.500	14.627.984.500

(*) Đây là tiền ký quỹ của Công ty cho giao dịch tự doanh chứng khoán phái sinh theo Quyết định 96/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

3.8. Tài sản cố định

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	35.845.165.194	339.437.698	1.343.414.456	37.528.017.348
Mua mới trong năm (*)	10.093.608.800	-	470.496.173	10.564.104.973
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	45.938.773.994	339.437.698	1.813.910.629	48.092.122.321
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	(23.903.270.701)	(339.437.698)	(180.277.703)	(24.422.986.102)
Khấu hao trong năm	(5.454.018.570)	-	(345.352.877)	(5.799.371.447)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	(29.357.289.271)	(339.437.698)	(525.630.580)	(30.222.357.549)
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	11.941.894.493	-	1.163.136.753	13.105.031.246
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	16.581.484.723	-	1.288.280.049	17.869.764.772

(*) Máy móc, thiết bị tăng trong năm chủ yếu là các thiết bị điện tử phục vụ cho việc tăng cường kết nối như thiết bị máy chủ, thiết bị định tuyến.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 16.045.108.650 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 12.099.221.650 Đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	Phần mềm VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	6.871.421.495
Mua mới trong năm (*)	6.089.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	12.960.421.495
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	(4.090.401.472)
Khấu hao trong năm	(970.642.468)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	(5.061.043.940)
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	2.781.020.023
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	7.899.377.555

(*) Phần mềm tăng trong năm chủ yếu là các phần mềm hỗ trợ giao dịch chứng khoán.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.437.980.000 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 921.400.000 Đồng).

3.9. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Đặt cọc thuê văn phòng	5.161.935.044	5.161.935.044
Đặt cọc thuê xe ô tô	717.488.000	717.488.000
Khác	189.048.563	30.000.000
Tổng cộng	6.068.471.607	5.909.423.044

3.10. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Theo Quyết định 45/QĐ-VSD để ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120.000.000 Đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm đóng thêm số tiền là 0,01% của tổng giá trị chứng khoán đã giao dịch và môi giới trong năm trước nhưng không quá 2.500.000.000 Đồng/năm. Mức đóng góp tối đa vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20.000.000.000 Đồng.

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	13.223.227.395	13.223.227.395
Tiền lãi phân bổ	7.906.772.605	7.956.772.605
Tổng cộng	21.250.000.000	21.300.000.000

3.11. Tiền nộp Quỹ bù trừ

Theo Thông tư 11/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 19 tháng 1 năm 2016 hướng dẫn một số điều của Nghị định 42/2015/NĐ-CP để ngày 5 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, quỹ bù trừ được hình thành từ các khoản đóng góp của thành viên bù trừ bằng tiền hoặc chứng khoán được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán chấp thuận với mục đích bồi thường thiệt hại và hoàn tất các giao dịch chứng khoán phái sinh đứng tên thành viên bù trừ trong trường hợp thành viên bù trừ, nhà đầu tư của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán.

Theo Quyết định 97/QĐ-VSD để ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 10.000.000.000 Đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán vào Quỹ bù trừ cho giao dịch chứng khoán phái sinh. Các khoản đóng góp bổ sung định kỳ bao gồm khoản đóng góp bổ sung do đánh giá lại định kỳ và các khoản đóng góp bổ sung bất thường do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ban hành theo từng thời kỳ.

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Tiền nộp ban đầu	10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền nộp bổ sung	5.000.000.000	5.000.000.000
Tổng cộng	15.000.000.000	15.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

3.12. Các khoản vay và trái phiếu phát hành

(a) Vay ngắn hạn

Biến động các khoản vay trong năm như sau:

	Tại ngày 1/1/2022 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2022 VND
Vay ngân hàng (i)	2.270.919.941.644	8.530.906.000.000	(10.181.825.941.644)	620.000.000.000
Vay cá nhân (ii)	241.472.831.454	23.459.120.096.396	(23.391.134.942.478)	309.457.985.372
	2.512.392.773.098	31.990.026.096.396	(33.572.960.884.122)	929.457.985.372

(i) Số dư thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại trong nước có thời gian đáo hạn dưới 1 năm, trong đó có một số khoản vay có tài sản đảm bảo là các hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 651.021.585.210 Đồng. Gốc vay được trả một lần vào cuối thời hạn của từng lần giải ngân. Lãi suất của các khoản vay là từ 1,16% đến 8,9%/năm. Mục đích của các khoản vay là để tài trợ cho hoạt động đầu tư và vốn lưu động của Công ty.

(ii) Số dư tại 31 tháng 12 năm 2022 là các khoản vay ngắn hạn không có tài sản bảo đảm được thỏa thuận với các cá nhân là khách hàng của Công ty. Các cá nhân này cho phép Công ty sử dụng số dư tiền trên tài khoản giao dịch của họ mở tại Công ty theo các hợp đồng vay vốn đã ký. Các khoản vay này có thời hạn gốc vay là dưới 1 năm và lãi suất từ 3% đến 5,5%/năm.

(b) Trái phiếu phát hành

Biến động các khoản trái phiếu phát hành trong năm như sau:

	Tại ngày 1/1/2022 VND	Tăng trong năm VND	Đáo hạn trong năm VND	Tại ngày 31/12/2022 VND
Trái phiếu BSIH2122001	500.000.000.000	-	(500.000.000.000)	-
Trái phiếu BSIH2122002	200.000.000.000	-	(200.000.000.000)	-
Trái phiếu BSIH2122003	290.940.000.000	-	(290.940.000.000)	-
Trái phiếu BSIH2122004	136.900.000.000	12.000.000.000	(148.900.000.000)	-
	1.127.840.000.000	12.000.000.000	(1.139.840.000.000)	-

3.13. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Phải trả mua các tài sản tài chính		
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán tiền mua chứng khoán của Công ty	211.177.829.000	348.755.045.000
Trong đó:		
- Phải trả mua trái phiếu niêm yết	210.838.300.000	347.956.900.000
- Phải trả mua cổ phiếu niêm yết	92.000.000	647.750.000
- Phải trả liên quan tới chứng khoán phái sinh	247.529.000	150.395.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	6.120.270.368	11.742.308.508
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	1.026.736.379	1.011.939.869
Phải trả BIDV (Thuyết minh 6(b)) (*)	347.921.482	36.112.362.544
Phải trả chứng quyền (**)	250.539.000	6.671.532.000
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	7.534.327.574	13.074.572.181
	226.457.623.803	417.367.760.102

(*) Đây là khoản tiền trả nợ gốc vay cho BIDV của các khách hàng cá nhân mở tài khoản giao dịch tại Công ty để phục vụ mục đích đầu tư và kinh doanh chứng khoán. Theo Hợp đồng số 01/2020/19/HĐHT để ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa BIDV và Công ty, Công ty thực hiện thu hồi khoản tiền gốc vay từ các nhà đầu tư cá nhân này sau đó sẽ hoàn trả lại cho BIDV. Công ty tham gia giao dịch này với vai trò là trung gian thanh toán cho BIDV và quản lý tài sản đảm bảo cho các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

(**) Chi tiết chứng quyền có bảo đảm được phép phát hành của Công ty như sau:

Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số lượng chứng quyền được phép phát hành	Số lượng chứng quyền hủy đăng ký	Số lượng chứng quyền đang lưu hành	Số lượng chứng quyền chưa lưu hành
Tại ngày 31/12/2022							
CMSN2207	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)	9/6/2022	9/1/2023	1.500.000	-	1.471.000	29.000
CMWG2206	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (MWG)	9/6/2022	9/1/2023	1.800.000	-	1.800.000	-
CNVL2207	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (NVL)	9/6/2022	9/1/2023	1.500.000	-	1.428.700	71.300
CPNJ2204	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)	9/6/2022	9/1/2023	2.500.000	-	93.400	2.406.600
CSTB2214	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	9/6/2022	9/1/2023	2.000.000	-	562.800	1.437.200
				9.300.000	-	5.355.900	3.944.100
Tại ngày 31/12/2021							
CFPT2108	Công ty Cổ phần FPT (FPT)	6/10/2021	6/7/2022	1.500.000	-	77.400	1.422.600
CHPG2116	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	6/10/2021	6/7/2022	2.500.000	-	2.123.300	376.700
CTCB2111	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB)	6/10/2021	6/4/2022	2.500.000	-	461.100	2.038.900
CVPB2110	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)	6/10/2021	6/4/2022	1.500.000	-	1.499.900	100
				8.000.000	-	4.161.700	3.838.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

3.14. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

Biến động về thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1/1/2022 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	488.857.086	813.696.557	(964.474.465)	338.079.178
Thuế TNDN - hiện hành	15.376.744.606	30.757.480.806	(41.018.313.999)	5.115.911.413
Thuế thu nhập cá nhân - nhân viên công ty	7.403.739.832	31.221.612.596	(35.206.791.666)	3.418.560.762
Thuế thu nhập cá nhân - nhà đầu tư	27.022.633.543	170.503.896.077	(182.655.031.523)	14.871.498.097
Thuế khác	842.999.364	15.728.076.929	(16.049.147.264)	521.929.029
	51.134.974.431	249.024.762.965	(275.893.758.917)	24.265.978.479

3.15. Phải trả người lao động

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Phải trả lương thưởng cho người lao động	26.597.355.622	44.743.527.875

3.16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Lãi trái phiếu phát hành	-	8.888.290.205
Lãi vay các tổ chức tín dụng và các cá nhân	1.773.679.123	6.928.923.516
Khác	37.213.106	31.167.920
	1.810.892.229	15.848.381.641

3.17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Phải trả hoa hồng phân phối chứng khoán	-	5.176.173.000
Phải trả, phải nộp khác	1.979.265.361	3.879.046.904
	1.979.265.361	9.055.219.904

3.18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động về Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	879.629.101	2.659.633.959
Trích lập trong năm (Thuyết minh 5.1)	26.388.882.389	16.120.575.663
Biến động khác	158.000.000	8.000.000
Sử dụng trong năm	(25.073.303.697)	(17.908.580.521)
Số dư cuối năm	2.353.207.793	879.629.101

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

3.19. Giao dịch mua bán lại trái phiếu

(a) Giao dịch mua bán lại trái phiếu với các tổ chức tín dụng

	Số dư tại ngày 1/1/2022 VND	Mua trong năm VND	Bán lại trong năm VND	Doanh thu đã phân bổ trong năm VND	Số dư tại ngày 31/12/2022 VND	Mệnh giá trái phiếu tại ngày 31/12/2022 VND
Giao dịch mua bán lại trái phiếu với các tổ chức tín dụng	-	10.206.673.900	(10.391.232.911)	184.559.011	-	-

(b) Giao dịch bán mua lại trái phiếu với các tổ chức tín dụng

	Số dư tại ngày 1/1/2022 VND	Bán trong năm VND	Mua lại trong năm VND	Doanh thu đã phân bổ trong năm VND	Số dư tại ngày 31/12/2022 VND	Mệnh giá trái phiếu tại ngày 31/12/2022 VND
Giao dịch bán mua lại trái phiếu với các tổ chức tín dụng	103.346.226.339	-	(104.575.526.338)	1.229.299.999	-	-

3.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Thuế TNDN hoãn lại phải trả trong 12 tháng (*)	5.808.562.699	-

(*) Chi tiết thuế TNDN hoãn lại phải trả như sau:

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Chênh lệch tạm thời chịu thuế:		
Chênh lệch tăng đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL và chênh lệch đánh giá lại chứng quyền	29.307.539.497	-
Ảnh hưởng khác	(264.726.000)	
Tính ở thuế suất 20%: Thuế TNDN hoãn lại phải trả trong vòng 12 tháng	5.808.562.699	-

Biến động của thuế TNDN hoãn lại phải trả trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	-	-
Phát sinh trong năm (Thuyết minh 4.13)	5.808.562.699	-
Số dư cuối năm	5.808.562.699	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

3.21. Vốn góp của chủ sở hữu

(a) Số lượng cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu phổ thông	31/12/2021 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	187.800.120	122.070.078
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	187.800.120	122.070.078
Số lượng cổ phiếu quỹ	(499.460)	(499.458)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	187.300.660	121.570.620

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2022		31/12/2021	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Phần vốn của các nhà đầu tư				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	97.579.039	51,96	97.579.039	79,94
Công ty TNHH Chứng khoán Hana	65.730.042	35,00	-	0,00
Các cổ đông khác (*)	23.991.579	12,78	23.991.581	19,65
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu quỹ	499.460	0,26	499.458	0,41
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	187.800.120	100,00	122.070.078	100,00

(*) Các cổ đông khác là cổ đông tổ chức và cá nhân, mỗi cổ đông sở hữu dưới 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	Số cổ phiếu quỹ	Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	121.570.689	499.389	122.070.078
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(69)	69	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	121.570.620	499.458	122.070.078
Số lượng cổ phiếu mới phát hành trong năm	65.730.042	-	65.730.042
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(2)	2	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	187.300.660	499.460	187.800.120

3.22. Lợi nhuận chưa phân phối

Tại ngày		
	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	345.310.996.068	356.505.571.239
(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	1.080.613.488	35.338.182.798
Tổng cộng	346.391.609.556	391.843.754.037

Biến động của lợi nhuận chưa phân phối trong năm như sau:

	Số dư tại ngày 31/12/2021 VND	Lợi nhuận/(lỗ) trong năm VND	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 5.1) VND	Trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (Thuyết minh 5.1) VND	Chia cổ tức (Thuyết minh 5.1) VND	Số dư tại ngày 31/12/2022 VND
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	356.505.571.239	146.628.247.479	(26.388.882.389)	(323.478.261)	(131.110.462.000)	345.310.996.068
Lợi nhuận chưa thực hiện	35.338.182.798	(34.257.569.310)	-	-	-	1.080.613.488
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	391.843.754.037	112.370.678.169	(26.388.882.389)	(323.478.261)	(131.110.462.000)	346.391.609.556

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

4 Thông tin bổ sung báo cáo kết quả hoạt động

4.1. Lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL

	2022 VND	2021 VND
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	106.620.098.095	198.971.394.615
Trong đó:		
- Cổ phiếu niêm yết	12.281.660.276	98.741.657.650
- Trái phiếu niêm yết	38.261.477.796	19.869.801.940
- Trái phiếu chưa niêm yết	18.621.051.086	11.068.648.840
- Hợp đồng tương lai chỉ số	16.498.961.000	43.158.596.000
- Khác (*)	20.956.947.937	26.132.690.185
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	(123.862.655.004)	(83.937.457.902)
Trong đó:		
- Cổ phiếu niêm yết	(77.739.822.385)	(15.985.206.979)
- Trái phiếu niêm yết	(3.946.026.492)	(8.813.689.783)
- Hợp đồng tương lai chỉ số	(12.374.780.000)	(52.657.880.000)
- Khác (*)	(29.802.026.127)	(6.480.681.140)
(Lỗ)/lãi ròng	(17.242.556.909)	115.033.936.713

(*) Các tài sản tài chính FVTPL khác là chứng chỉ quỹ, cổ phiếu dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền, chứng chỉ tiền gửi, chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành và cổ phiếu giao dịch trên sàn UPCoM.

Chi tiết lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

(a) Lãi từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn (*) VND	Lãi bán năm nay VND	Lãi bán năm trước VND
Tài sản tài chính FVTPL					
Cổ phiếu niêm yết	6.925.218	212.576.096.565	(200.294.436.289)	12.281.660.276	98.741.657.650
Trái phiếu niêm yết	98.696.055	12.853.860.237.725	(12.815.598.759.929)	38.261.477.796	19.869.801.940
Trái phiếu chưa niêm yết	12.252.568	3.326.497.936.939	(3.307.876.885.853)	18.621.051.086	11.068.648.840
Khác	21.982.550	1.925.590.574.702	(1.904.633.626.765)	20.956.947.937	26.132.690.185
	139.856.391	18.318.524.845.931	(18.228.403.708.836)	90.121.137.095	155.812.798.615
Hợp đồng tương lai chỉ số				16.498.961.000	43.158.596.000
				106.620.098.095	198.971.394.615

(*) Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đối với tất cả các loại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

(b) Lỗ từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn (*) VND	Lỗ bán năm nay VND	Lỗ bán năm trước VND
Tài sản tài chính FVTPL					
Cổ phiếu niêm yết	18.450.905	444.264.710.250	(522.004.532.635)	(77.739.822.385)	(15.985.206.979)
Trái phiếu niêm yết	4.809.589	504.877.249.377	(508.823.275.869)	(3.946.026.492)	(8.813.689.783)
Khác	8.560.630	523.948.918.954	(553.750.945.081)	(29.802.026.127)	(6.480.681.140)
	31.821.124	1.473.090.878.581	(1.584.578.753.585)	(111.487.875.004)	(31.279.577.902)
Hợp đồng tương lai chỉ số				(12.374.780.000)	(52.657.880.000)
				(123.862.655.004)	(83.937.457.902)

(*) Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đối với tất cả các loại tài sản tài chính FVTPL.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

4.2. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL

	2022 VND	2021 VND
Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	176.407.225.402	171.178.464.478
Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	(204.856.232.013)	(135.109.511.494)
Chênh lệch ròng	(28.449.006.611)	36.068.952.984

Công ty thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của các tài sản tài chính FVTPL hàng tháng. Chênh lệch tăng khi đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào thu nhập và chênh lệch giảm khi đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở cộng gộp và không bù trừ.

Chi tiết chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31/12/2022 VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31/12/2021 VND	Ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm VND
Cổ phiếu niêm yết	189.986.536.212	172.636.727.540	(17.349.808.672)	15.047.493.044	(32.397.301.716)
Cổ phiếu không niêm yết	83.804.489.806	104.669.214.886	20.864.725.080	15.831.665.319	5.033.059.761
Trái phiếu niêm yết	211.012.055.034	211.008.964.072	(3.090.962)	753.600.000	(756.690.962)
Trái phiếu không niêm yết	729.537.084.304	733.621.218.822	4.084.134.518	-	4.084.134.518
Chứng chỉ tiền gửi	206.982.713.000	207.759.425.329	776.712.329	-	776.712.329
Khác	22.108.724.731	20.363.806.500	(1.744.918.231)	1.249.493.703	(2.994.411.934)
Chứng quyền có bảo đảm	511.961.125	250.539.000	261.422.125	2.455.930.732	(2.194.508.607)
	1.443.943.564.212	1.450.309.896.149	6.889.176.187	35.338.182.798	(28.449.006.611)

4.3. Lãi từ các khoản đầu tư HTM

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	37.409.518.419	16.213.839.753
Lãi trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	5.762.602.737	14.174.835.612
Lãi chứng chỉ tiền gửi	7.950.976.508	4.392.259.415
	51.123.097.664	34.780.934.780

4.4. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu

	2022 VND	2021 VND
Lãi từ các khoản cho vay ký quỹ	263.755.601.135	249.494.843.904
Lãi từ các khoản ứng trước tiền bán	45.735.972.635	43.449.499.163
	309.491.573.770	292.944.343.067

4.5. Doanh thu từ tư vấn đầu tư chứng khoán

	2022 VND	2021 VND
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư trái phiếu doanh nghiệp	49.006.580.000	-
Doanh thu tư vấn khác	408.214.553	674.236.475
	49.414.794.553	674.236.475

4.6. Doanh thu từ tư vấn tài chính

	2022 VND	2021 VND
Doanh thu hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu	15.589.000.000	63.157.000.000
Doanh thu tư vấn tài chính khác	1.576.089.282	3.097.406.101
	17.165.089.282	66.254.406.101

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

4.7. Chi phí môi giới chứng khoán

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	94.182.710.631	132.440.700.651
Phí giao dịch chứng khoán	76.408.388.007	107.268.086.744
Chi phí môi giới trả điểm giao dịch	49.062.701.383	78.321.738.128
Chi phí môi giới chứng chỉ quỹ	7.982.812.382	1.261.943.791
Chi phí công nghệ thông tin	5.126.799.164	3.533.202.213
Chi phí thuê văn phòng	7.623.322.895	6.583.534.461
Khác	27.278.137.312	24.648.249.798
	267.664.871.774	354.057.455.786

4.8. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	17.464.625.000	-

4.9. Chi phí tư vấn tài chính

	2022 VND	2021 VND
Chi phí trực tiếp cho dịch vụ tư vấn tài chính	9.886.751.000	29.995.233.750
Chi phí nhân viên	8.588.797.040	10.234.735.811
Khác	2.476.509.603	2.394.083.087
	20.952.057.643	42.624.052.648

4.10. Doanh thu tài chính

	2022 VND	2021 VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	6.974.302.486	5.379.975.842
Doanh thu tài chính khác	2.918.232.734	5.384.628.815
	9.892.535.220	10.764.604.657

4.11. Chi phí tài chính

	2022 VND	2021 VND
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	2.523.333.247	4.634.835.094
Chi phí lãi vay ngân hàng	89.610.302.604	72.004.067.622
Chi phí lãi vay từ trái phiếu phát hành	59.124.205.131	51.452.747.909
Chi phí lãi vay cá nhân	17.368.421.368	6.966.678.370
Chi phí lãi vay từ hoạt động bán và mua lại trái phiếu	1.229.299.999	6.185.550.361
Chi phí lãi vay khác	636.654.523	688.078.909
Chi phí tài chính khác	3.468.664.056	2.640.483.733
	173.960.880.928	144.572.441.998

4.12. Chi phí quản lý

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	70.314.447.968	82.967.824.522
Chi phí thuê văn phòng	11.805.666.867	11.086.563.823
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.938.874.995	5.075.359.237
Chi phí thuế, phí và lệ phí	182.753.600	5.326.622.163
Chi phí mạng viễn thông	3.547.487.556	2.609.859.593
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.270.293.619	4.975.476.837
Chi phí khác	19.827.038.983	14.979.207.506
	117.886.563.588	127.020.913.681

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

4.13. Chi phí thuế TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế TNDN khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	148.936.721.674	435.580.602.664
Thuế tính ở thuế suất 20%:	29.787.344.335	87.116.120.533
Điều chỉnh thuế TNDN:		
Thu nhập không chịu thuế	(1.157.976.883)	(547.863.417)
Chi phí không được khấu trừ	94.990.393	130.605.754
Chi phí thuế TNDN hoãn lại của các năm trước ghi nhận vào năm nay	8.378.546.068	-
Chênh lệch tạm thời mà không được ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	-	(8.163.523.329)
Dự phòng thiếu các năm trước	13.441.909	155.494.194
Khác	(550.302.317)	-
Chi phí thuế TNDN (*)	36.566.043.505	78.690.833.735
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động:		
Thuế TNDN – hiện hành (Thuyết minh 3.14)	30.757.480.806	78.690.833.735
Thuế TNDN – hoãn lại (Thuyết minh 3.20)	5.808.562.699	-
	36.566.043.505	78.690.833.735

(*) Chi phí thuế TNDN được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

4.14. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

	2022	2021 (Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	112.370.678.169	356.889.768.929
Điều chỉnh giảm lợi nhuận do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(26.388.882.389)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	112.370.678.169	330.500.886.540
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	138.498.355	121.570.652
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	811	2.719

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được tính lại theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC như sau:

	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh lại	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	356.889.768.929	-	356.889.768.929
Điều chỉnh giảm lợi nhuận do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(26.388.882.389)	(26.388.882.389)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	356.889.768.929	(26.388.882.389)	330.500.886.540
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	121.570.652	-	121.570.652
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	2.936	(217)	2.719

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty chưa trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Số phân phối cho quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 sẽ được phê chuẩn trong Đại hội đồng Cổ đông tổ chức năm 2023.

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

5 Thông tin bổ sung báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn có phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (**) VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (**) VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	1.220.700.780.000	2.861.823.457	(4.686.864.250)	2.100.000.000	36.425.535.101	36.425.535.101	196.626.153.263	1.490.452.962.672
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(2.488.950)	-	-	-	-	(2.488.950)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi 2020 (Thuyết minh 3.18)	-	-	-	-	-	-	(16.120.575.663)	(16.120.575.663)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(449.000.000)	(449.000.000)
Bán tài sản tài chính AFS	-	-	-	(2.100.000.000)	-	-	-	(2.100.000.000)
Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-	-	17.844.488.446	-	(17.844.488.446)	-
Trích Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	17.844.488.446	(17.844.488.446)	-
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	-	356.889.768.929	356.889.768.929
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(109.413.615.600)	(109.413.615.600)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	1.220.700.780.000	2.861.823.457	(4.689.353.200)	-	54.270.023.547	54.270.023.547	391.843.754.037	1.719.257.051.388
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(68.940)	-	-	-	-	(68.940)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi 2021 (Thuyết minh 3.18)	-	-	-	-	-	-	(26.388.882.389)	(26.388.882.389)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(323.478.261)	(323.478.261)
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	-	-	112.370.678.169	112.370.678.169
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	-	(131.110.462.000)	(131.110.462.000)
Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược (***)	657.300.420.000	2.037.631.302.000	-	-	-	-	-	2.694.931.722.000
Chi phí phát hành cổ phiếu (***)	-	(2.339.101.500)	-	-	-	-	-	(2.339.101.500)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.878.001.200.000	2.038.154.023.957	(4.689.422.140)	-	54.270.023.547	54.270.023.547	346.391.609.556	4.366.397.458.467

(*) Theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án trả cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2021 bằng tiền với tỷ lệ 7% vốn cổ phần cho các cổ đông hiện hữu của Công ty và Đại hội đồng Cổ đông đã ủy quyền cho Hội đồng Quản trị của Công ty thực hiện việc chi trả này. Ngày 27 tháng 9 năm 2022, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 1629/NQ-BSC thông qua về việc thực hiện chi trả cổ tức theo nội dung đã nêu trong Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông. Ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông được quyền nhận cổ tức năm 2021 bằng tiền là ngày 10 tháng 10 năm 2022. Cổ tức được chi trả vào ngày 28 tháng 10 năm 2022.

(**) Công ty chưa thực hiện việc phân phối lại quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ theo hướng dẫn tại Thông tư 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 do Bộ Tài Chính ban hành.

(***) Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 19 tháng 12 năm 2021 của Đại hội đồng Cổ đông bất thường của Công ty, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ra Nghị quyết số 240/NQ-BSC đề ngày 15 tháng 3 năm 2022 thông qua phương án thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho cho nhà đầu tư chiến lược là Công ty TNHH Đầu tư Tài chính Hana (được đổi tên thành Công ty TNHH Chứng khoán Hana từ ngày 1 tháng 7 năm 2022) để tăng vốn điều lệ.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 (ngày kết thúc đợt chào bán), Công ty đã phát hành thêm thành công 65.730.042 cổ phiếu (tương đương với 35% vốn điều lệ sau đợt chào bán) cho nhà đầu tư chiến lược với giá chào bán là 41.000 đồng/cổ phiếu, có thời gian hạn chế chuyển nhượng là 3 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Tổng chi phí cho đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ là 2.339.101.500 đồng.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, Công ty đã nhận được Công văn số 6474/UBCK-QLKD của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận kết quả phát hành nêu trên. Ngày 30 tháng 9 năm 2022, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ra Nghị quyết số 1722/2022/NQ-HĐQT để thông qua kết quả phát hành cổ phiếu và phê duyệt các nội dung liên quan đến các thủ tục tăng vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

6 Thuyết minh về các bên liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan với mối quan hệ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Ngân hàng mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV (BIC)	Công ty con của BIDV
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC)	Công ty con của BIDV
Công ty Liên doanh Tháp BIDV (BIDV Tower)	Công ty liên doanh của BIDV
Công ty TNHH Chứng khoán Hana	Cổ đông lớn
Hội đồng Quản trị/Ban Tổng Giám đốc/Ban Kiểm soát	Nhân sự chủ chốt

(a) Giao dịch với các bên liên quan

	2022 VND	2021 VND
BIDV		
Doanh thu lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu	40.609.592.500	11.425.019.189
Doanh thu phí dịch vụ	93.636.364	-
Chi phí dịch vụ giao dịch	46.465.360.692	59.354.583.145
Chi phí dịch vụ thanh toán	347.141.711	449.230.977
Thu hộ tiền cho vay cầm cố của khách hàng	4.326.281.667.472	5.281.688.978.093
Chi hộ cho vay cầm cố cho khách hàng	3.752.649.738.513	5.528.870.154.002
BIC		
Doanh thu phí môi giới chứng khoán	139.195.682	289.221.105
Chi phí mua bảo hiểm	861.666.959	693.851.243
BIDV Tower		
Chi phí thuê văn phòng	-	11.281.751.250
Công ty TNHH Chứng khoán Hana		
Góp vốn bằng tiền (Thuyết minh 5.1)	2.694.931.722.000	-
Cổ tức được chia	46.011.029.400	-

Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

Lương và các quyền lợi gộp khác của các nhân sự chủ chốt như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian	2022 VND	2021 VND
1	Ngô Văn Dũng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2021	120.000.000	60.000.000
2	Chung Jae Hoon	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2022	421.716.343	-
3	Nguyễn Duy Viễn	Tổng Giám đốc Ủy viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020	3.215.954.588	2.781.585.571
4	Nguyễn Thanh Huyền	Ủy viên Hội đồng Quản trị	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2021	2.216.000.000	1.782.741.411
5	Lim Do Kyoon	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2022	-	-
6	Lê Đào Nguyên	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2021 Miễn nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2022	323.478.261	360.000.000
7	Phạm Thanh Thủy	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2021	60.000.000	8.500.000
8	Vũ Minh Châu	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2021	36.000.000	8.500.000
9	Kang Ju Seok	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2022	-	-
10	Lê Thị Thanh Bình	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2021 Miễn nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2022	31.909.000	8.500.000
11	Lê Phương Thủy	Trưởng Ban Kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2021	-	434.891.889
12	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2021	-	3.500.000
13	Lê Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2020	2.455.673.531	2.170.332.197
14	Phạm Xuân Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2020	2.455.673.531	2.175.908.250
15	Ngô Thị Phong Lan	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2020	1.493.452.084	2.173.949.143
Tổng cộng				12.789.878.968	11.968.408.461

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
BIDV		
Số dư tiền gửi của Công ty tại BIDV	770.213.727.339	816.672.747.493
Số dư tiền gửi của nhà đầu tư tại BIDV	380.531.402.930	1.565.637.444.993
Đầu tư vào cổ phiếu (lô lẻ)	1.369.646.596	1.022.640.481
Đầu tư vào trái phiếu	80.978.720.294	18.759.321.798
Chứng chỉ tiền gửi	50.000.000.000	137.150.576.226
Dự thu lãi tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi	5.044.100.387	6.787.378.296
Phải trả phí dịch vụ giao dịch	790.370.763	1.980.433.394
Phải trả lãi hoạt động cho vay ký quỹ	1.348.114.903	3.051.271.184
Giải ngân hộ tiền cho vay cầm cố của khách hàng (Thuyết minh 3.5)	466.826.460	28.288.283.372
Thu hộ tiền cho vay cầm cố cho khách hàng (Thuyết minh 3.13)	347.921.482	36.112.362.544
Phải thu phí dịch vụ	70.000.000	-
BIC		
Đầu tư vào cổ phiếu (lô lẻ)	15.442.365	14.597.265
BIDC		
Số dư tiền gửi của Công ty tại BIDC	3.723	3.716
Số dư tiền gửi của nhà đầu tư tại BIDC	1.227.072	20.001.218.452
BIDV Tower		
Đặt cọc thuê văn phòng	-	3.256.630.104

7 Báo cáo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty nhận định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại dịch vụ mà Công ty cung cấp và hoạt động kinh doanh nguồn vốn. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận môi giới chứng khoán tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động môi giới chứng khoán, dịch vụ lưu ký chứng khoán và các dịch vụ chứng khoán khác.

Bộ phận tự doanh tạo ra thu nhập và phát sinh chi phí liên quan đến danh mục tài sản tài chính FVTPL và tài sản tài chính AFS.

Bộ phận tư vấn và đại lý phát hành chứng khoán tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động đại lý phát hành chứng khoán, tư vấn phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Bộ phận kinh doanh nguồn vốn tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến các hoạt động huy động vốn và sử dụng vốn.

Doanh thu và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022					
	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Hoạt động tư vấn, đại lý phát hành VND	Hoạt động kinh doanh nguồn vốn VND	Tổng cộng VND
Doanh thu và thu nhập	674.145.648.928	298.975.268.903	66.579.883.835	59.197.125.984	1.098.897.927.650
Chi phí hoạt động	(353.396.735.455)	(370.728.462.230)	(45.559.178.331)	(6.350.494.965)	(776.034.870.981)
Trong đó:					
Chi phí trực tiếp bằng tiền	(281.076.357.092)	(338.655.267.658)	(38.416.682.643)	-	(658.148.307.393)
Khấu hao và các chi phí phân bổ (*)	(72.320.378.363)	(32.073.194.572)	(7.142.495.688)	(6.350.494.965)	(117.886.563.588)
Tổng cộng	320.748.913.473	(71.753.193.327)	21.020.705.504	52.846.631.019	322.863.056.669
Chi phí tài chính					(173.960.880.928)
Thu nhập thuần khác					34.545.933
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế					148.936.721.674

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021					
	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Hoạt động tư vấn, đại lý phát hành VND	Hoạt động kinh doanh nguồn vốn VND	Tổng cộng VND
Doanh thu và thu nhập	832.807.491.419	399.528.163.819	77.120.670.523	34.333.258.072	1.343.789.583.833
Chi phí hoạt động	(436.532.279.855)	(270.263.805.069)	(53.620.338.304)	(3.245.330.864)	(763.661.754.092)
Trong đó:					
Chi phí trực tiếp bằng tiền	(357.811.645.499)	(232.498.642.264)	(46.330.552.648)	-	(636.640.840.411)
Khấu hao và các chi phí phân bổ (*)	(78.720.634.356)	(37.765.162.805)	(7.289.785.656)	(3.245.330.864)	(127.020.913.681)
Tổng cộng	396.275.211.564	129.264.358.750	23.500.332.219	31.087.927.208	580.127.829.741
Chi phí tài chính					(144.572.441.998)
Chi phí thuần khác					25.214.921
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế					435.580.602.664

(*) Chi phí được phân bổ cho từng bộ phận theo tỷ lệ đóng góp của bộ phận đó trong tổng doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán.

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022					
	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Hoạt động tư vấn, đại lý phát hành VND	Hoạt động kinh doanh nguồn vốn VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	2.996.062.481.834	1.508.384.421.546	28.500.000	713.793.256.525	5.218.268.659.905
Trong đó:					
Tiền và tương đương tiền	-	-	-	500.000.000.000	500.000.000.000
Tài sản tài chính FVTPL	-	1.450.059.357.149	-	-	1.450.059.357.149
Các khoản đầu tư HTM		51.365.958.897	-	211.967.342.469	263.333.301.366
Các khoản cho vay	2.959.576.173.127	-	-	-	2.959.576.173.127
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và các tài sản thế chấp	(6.485.552.400)	-	-	-	(6.485.552.400)
Các khoản phải thu	38.451.526.423	2.131.121.000	-	1.825.914.056	42.408.561.479
Phải thu các dịch vụ công ty cung cấp	1.548.713.901	-	28.500.000	-	1.577.213.901
Tài sản ngắn hạn khác	-	4.827.984.500	-	-	4.827.984.500
Phải thu khác	2.971.620.783	-	-	-	2.971.620.783
Tài sản phân bổ (*)	52.116.219.093	23.112.899.478	5.147.095.170	4.576.355.854	84.952.569.595
Trong đó:					
Trả trước cho người bán	1.215.058.263	538.863.332	120.001.424	106.694.981	1.980.618.000
Phải thu khác	46.088.842	20.439.832	4.551.820	4.047.088	75.127.582
Tài sản ngắn hạn khác	4.340.474.827	1.924.946.977	428.673.404	381.139.647	7.075.234.855
Tài sản cố định	15.808.706.832	7.010.966.226	1.561.297.423	1.388.171.846	25.769.142.327
Tài sản dài hạn khác	30.705.890.329	13.617.683.111	3.032.571.099	2.696.302.292	50.052.446.831
Tổng cộng	3.048.178.700.927	1.531.497.321.024	5.175.595.170	718.369.612.379	5.303.221.229.500
Tài sản không phân bổ					
Trong đó:					
Tiền và tương đương tiền					287.865.279.208
Tổng tài sản					5.591.086.508.708

(*) Tài sản được phân bổ cho từng bộ phận theo tỷ lệ đóng góp của bộ phận đó trong tổng doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán.

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022					
	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Hoạt động tư vấn, đại lý phát hành VND	Hoạt động kinh doanh nguồn vốn VND	Tổng cộng VND
Nợ phải trả bộ phận	32.870.543.196	217.977.529.974	1.497.820.980	-	252.345.894.150
Trong đó:					
Người mua trả tiền trước	-	-	1.497.820.980	-	1.497.820.980
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15.029.255.803	211.428.368.000	-	-	226.457.623.803
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15.272.174.147	-	-	-	15.272.174.147
Chi phí phải trả	1.354.477.160	-	-	-	1.354.477.160
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.214.636.086	740.599.275	-	-	1.955.235.361
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	5.808.562.699	-	-	5.808.562.699
Nợ phải trả phân bổ (*)	26.308.950.555	11.667.694.629	2.598.321.111	2.310.204.424	42.885.170.719
Trong đó:					
Phải trả người bán	2.736.314.991	1.213.521.902	270.243.581	240.277.429	4.460.357.903
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.517.467.915	2.446.928.874	544.915.440	484.492.103	8.993.804.332
Phải trả người lao động	16.316.794.412	7.236.296.793	1.611.477.102	1.432.787.315	26.597.355.622
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.443.632.529	640.233.196	142.575.846	126.766.222	2.353.207.793
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14.741.788	6.537.801	1.455.926	1.294.485	24.030.000
Nợ phải trả khác	279.998.920	124.176.063	27.653.216	24.586.870	456.415.069
Tổng cộng	59.179.493.751	229.645.224.603	4.096.142.091	2.310.204.424	295.231.064.869
Nợ phải trả không phân bổ					
Trong đó:					
Vay và nợ ngắn hạn					929.457.985.372
Tổng nợ phải trả					1.224.689.050.241

(*) Nợ phải trả được phân bổ cho từng bộ phận theo tỷ lệ đóng góp của bộ phận đó trong tổng doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán.

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021					
	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Hoạt động tư vấn, đại lý phát hành VND	Hoạt động kinh doanh nguồn vốn VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	3.349.382.647.831	1.315.439.120.894	2.976.887.258	686.217.227.392	5.354.015.883.375
Trong đó:					
Tiền và tương đương tiền	-	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
Tài sản tài chính FVTPL	-	1.043.412.617.782	-	-	1.043.412.617.782
Các khoản đầu tư HTM		257.243.835.612	-	671.217.227.392	928.461.063.004
Các khoản cho vay	3.303.209.843.347	-	-	-	3.303.209.843.347
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và các tài sản thế chấp	(9.638.966.740)	-	-	-	(9.638.966.740)
Các khoản phải thu	23.825.799.896	154.683.000	-	-	23.980.482.896
Phải thu các dịch vụ công ty cung cấp	3.697.687.956	-	2.976.887.258	-	6.674.575.214
Tài sản ngắn hạn khác	-	14.627.984.500	-	-	14.627.984.500
Phải thu khác	28.288.283.372	-	-	-	28.288.283.372
Tài sản phân bổ (*)	51.277.835.594	24.599.850.159	4.748.493.626	2.113.976.135	82.740.155.514
Trong đó:					
Trả trước cho người bán	2.039.006.960	978.186.094	188.818.647	84.059.945	3.290.071.646
Phải thu khác	9.414.603	4.516.529	871.823	388.125	15.191.080
Tài sản ngắn hạn khác	8.168.588.588	3.918.770.224	756.437.755	336.757.609	13.180.554.176
Tài sản cố định	9.845.308.123	4.723.153.811	911.707.414	405.881.921	15.886.051.269
Tài sản dài hạn khác	31.215.517.320	14.975.223.501	2.890.657.987	1.286.888.535	50.368.287.343
Tổng cộng	3.400.660.483.425	1.340.038.971.053	7.725.380.884	688.331.203.527	5.436.756.038.889
Tài sản không phân bổ					
Trong đó:					
Tiền và tương đương tiền					567.976.363.845
Tổng tài sản					6.004.732.402.734

(*) Tài sản được phân bổ cho từng bộ phận theo tỷ lệ đóng góp của bộ phận đó trong tổng doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán.

Doanh thu và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022					
	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Hoạt động tư vấn, đại lý phát hành VND	Hoạt động kinh doanh nguồn vốn VND	Tổng cộng VND
Nợ phải trả bộ phận	95.472.245.773	356.167.176.275	1.540.367.585	116.535.112.458	569.714.902.091
Trong đó:					
Người mua trả tiền trước	-	-	1.540.367.585	-	1.540.367.585
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	61.941.183.102	355.426.577.000	-	-	417.367.760.102
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	27.764.199.520	-	-	-	27.764.199.520
Giao dịch mua bán lại trái phiếu	-	-	-	103.346.226.339	103.346.226.339
Chi phí phải trả	2.628.415.522	-	-	13.188.886.119	15.817.301.641
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.138.447.629	740.599.275	-	-	3.879.046.904
Nợ phải trả phân bổ (*)	46.807.934.270	22.455.475.274	4.334.566.289	1.929.700.324	75.527.676.157
Trong đó:					
Phải trả người bán	814.247.160	390.624.095	75.401.924	33.568.091	1.313.841.270
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14.483.931.607	6.948.470.876	1.341.258.969	597.113.459	23.370.774.911
Phải trả người lao động	27.729.598.186	13.302.900.804	2.567.850.587	1.143.178.298	44.743.527.875
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.207.909.708	1.538.951.425	297.062.827	132.249.040	5.176.173.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	545.146.140	261.526.510	50.482.298	22.474.153	879.629.101
Nợ phải trả khác	27.101.469	13.001.564	2.509.684	1.117.283	43.730.000
Tổng cộng	142.280.180.043	378.622.651.549	5.874.933.874	118.464.812.782	645.242.578.248
Nợ phải trả không phân bổ					
Trong đó:					
Vay và nợ ngắn hạn					2.512.392.773.098
Trái phiếu phát hành					1.127.840.000.000
Tổng nợ phải trả					4.285.475.351.346

(*) Nợ phải trả được phân bổ cho từng bộ phận theo tỷ lệ đóng góp của bộ phận đó trong tổng doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

8 Quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc xác lập những chính sách chi tiết như xác định rủi ro và đo lường rủi ro, giới hạn đầu tư và chiến lược đầu tư. Chính sách quản trị rủi ro tài chính được xem xét và điều chỉnh thường xuyên nhằm đối phó với biến động và xu hướng của thị trường.

Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính. Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc xem xét.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và tài sản khác.

Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty bằng với giá trị ghi sổ tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng chưa trừ dự phòng đã lập và chưa tính đến tài sản thế chấp cũng như các biện pháp đảm bảo khác, chi tiết như sau:

	Tại ngày	
	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền (Thuyết minh 3.1)	787.852.180.901	582.901.232.402
Tài sản tài chính FVTPL (Thuyết minh 3.2)	1.152.389.608.223	659.728.864.585
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 3.3)	263.333.301.366	928.461.063.004
Các khoản cho vay (Thuyết minh 3.4)	2.959.576.173.127	3.303.209.843.347
Các khoản phải thu và phải thu khác	47.032.523.745	58.958.532.562
Tài sản ngắn hạn khác (Thuyết minh 3.7)	4.827.984.500	14.627.984.500
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược (Thuyết minh 3.9)	6.068.471.607	9.166.053.148
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán (Thuyết minh 3.10)	21.250.000.000	21.300.000.000
Tiền nộp Quỹ bù trừ (Thuyết minh 3.11)	15.000.000.000	15.000.000.000
Tổng giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng	5.257.330.243.469	5.593.353.573.548

Số dư với ngân hàng

Số dư với ngân hàng bao gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, lãi dự thu và các khoản ký quỹ.

Tất cả các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các tổ chức tín dụng có bậc tín nhiệm cao, Số dư với ngân hàng được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Công ty và báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các số dư với ngân hàng là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư với ngân hàng BIDV, ngân hàng mẹ chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tài sản tài chính FVTPL

Chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết của Công ty chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các đối tác có mức tín nhiệm rõ ràng. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thanh toán hoặc chi trả vào lúc giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán. Việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các chứng khoán nợ do Công ty nắm giữ là trái phiếu doanh nghiệp, được phát hành bởi các tổ chức có rủi ro tín dụng thấp. Các đề xuất đầu tư vào các chứng khoán này được phê duyệt theo chính sách đầu tư của Công ty. Danh mục đầu tư vào chứng khoán nợ được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận ngân quỹ và báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các chứng khoán nợ của Công ty là thấp.

Ứng trước tiền bán chứng khoán và tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh

Ứng trước tiền bán chứng khoán được thu hồi trực tiếp từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh được yêu cầu nộp vào đơn vị này.

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là một đơn vị thuộc sở hữu Nhà nước và chưa từng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán. Trung tâm Lưu ký Chứng khoán yêu cầu các thành viên phải nộp tiền vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh để đảm bảo khả năng thanh toán.

Công ty chứng khoán chỉ được nhận lệnh mua hoặc bán chứng khoán của khách hàng khi có đủ một trăm phần trăm (100%) tiền hoặc chứng khoán và phải có các biện pháp cần thiết để đảm bảo khả năng thanh toán của khách hàng khi lệnh giao dịch được thực hiện. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có số dư nào với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán bị quá hạn mà chưa thu hồi bị suy giảm giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Hợp đồng giao dịch ký quỹ

Hợp đồng giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa là 50% giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ được cập nhật thường xuyên bởi các sở giao dịch chứng khoán. Danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ được phê duyệt và cập nhật thường xuyên bởi Bộ phận quản trị rủi ro giao dịch ký quỹ dựa trên một số tiêu chí bao gồm biến động giá và tính thanh khoản.

Bộ phận Quản trị rủi ro có nhiệm vụ liên tục rà soát báo cáo giao dịch ký quỹ bao gồm dư nợ, giá trị tài sản đảm bảo và tỷ lệ ký quỹ duy trì. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn tỷ lệ Công ty quy định (tỷ lệ này được xây dựng theo quy định nội bộ và không thấp hơn tỷ lệ 30% theo luật định), hệ thống thông tin của Công ty sẽ cảnh báo và Công ty xuất lệnh yêu cầu khách hàng ký quỹ bổ sung. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 30%, Công ty buộc phải thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 8.572.190.817.800 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 11.854.677.205.850 Đồng).

Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa đối với một cá nhân hoặc một tổ chức là 3% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có khoản cho vay ký quỹ nào vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản cho vay ký quỹ tại ngày báo cáo như sau:

	Tại ngày	
	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Quá hạn và bị suy giảm giá trị	6.749.446.800	11.266.886.750
Chưa quá hạn và không bị suy giảm giá trị	2.688.071.926.692	2.647.868.698.774
Dự phòng đã lập	(6.485.552.400)	(9.638.966.740)
Giá trị thuần	2.688.335.821.092	2.649.496.618.784

Các khoản phải thu và tài sản khác

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà Công ty tín nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có khoản phải thu nào chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty.

(b) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá cổ phiếu.

Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc phân tích độ nhạy của các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty, đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất thị trường. Công ty có rủi ro lãi suất chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, cho vay và đi vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có các mức lãi suất sao cho có lợi nhất cho mục đích của Công ty mà vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro.

Các khoản tiền gửi ngân hàng, cho vay và đi vay của Công ty đều có lãi suất cố định và thời hạn ngắn nên rủi ro do lãi suất biến động là không đáng kể. Đối với các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn là các trái phiếu (Thuyết minh 3.3(b)) Công ty hưởng lãi suất cố định là 6,48%/năm trong năm đầu tiên và lãi suất sẽ được điều chỉnh theo lãi suất thị trường trong các năm tiếp theo (năm 2021: 5,575% đến 8,5%/năm).

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nếu giá các cổ phiếu tăng/giảm 10% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 10%) trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn khoảng 29.755.191.254 Đồng Việt Nam (2021: cao hơn/thấp hơn khoảng 37.698.830.185 Đồng Việt Nam). Công ty trình bày các cổ phiếu này trên khoản mục tài sản tài chính FVTPL.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty quản lý rủi ro tiền tệ bằng cách thường xuyên theo dõi tình hình tỷ giá và cập nhật kế hoạch dòng tiền bằng ngoại tệ.

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ một số ngoại tệ, chủ yếu là từ Đô la Mỹ và Euro.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty chỉ nắm giữ một số lượng không lớn ngoại tệ bằng đồng Đô la Mỹ và Euro nên rủi ro tiền tệ là không trọng yếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ phải trả tài chính. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây liệt kê các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo giá trị sổ sách:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 2 năm VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022		
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 3.12(a))	929.457.985.372	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 3.13)	226.457.623.803	-
Phải trả người bán	4.460.357.903	-
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 3.16)	1.810.892.229	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn (Thuyết minh 3.17)	1.979.265.361	-
Tổng nợ phải trả tài chính	1.164.166.124.668	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021		
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 3.12(a))	2.512.392.773.098	-
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh 3.12(b))	1.127.840.000.000	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 3.13)	417.367.760.102	-
Phải trả người bán	1.313.841.270	-
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 3.16)	15.848.381.641	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác (Thuyết minh 3.17)	9.055.219.904	-
Giao dịch bán mua lại trái phiếu (Thuyết minh 3.19(b))	103.346.226.339	-
Tổng nợ phải trả tài chính	4.187.164.202.354	-

(d) Chỉ tiêu an toàn tài chính

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo đánh giá mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Tỷ lệ này được tính toán và trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Báo cáo này được lập định kỳ hàng tháng và tuân thủ theo quy định trong Thông tư 91/2020/TT-BTC. Thông tư 91/2020/TT-BTC quy định cách tính chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính, theo đó, Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ vốn khả dụng không thấp hơn 180%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty là 870% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 351%).

9 Khối lượng và giá trị giao dịch thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm VND
(a) Của Công ty		
Cổ phiếu	58.102.623	1.608.441.712.550
Trái phiếu	201.830.229	26.109.362.298.531
Chứng khoán phái sinh	1.999	252.031.200.000
Khác	46.275.800	55.320.190.000
(b) Của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	11.744.650.179	257.120.165.837.118
Trái phiếu	420.660.590	46.128.014.551.401
Chứng khoán phái sinh	2.213.064	260.225.005.400.000
Khác	305.647.332	255.956.818.890
	12.779.381.816	591.754.298.008.490

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

10 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Đối với các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Tại ngày	
	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Dưới 1 năm	21.733.843.950	17.493.466.800
Từ 2 - 5 năm	102.914.340.240	72.407.600.640
Trên 5 năm	88.546.431.030	78.939.875.700
	213.194.615.220	168.840.943.140

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 13 tháng 3 năm 2023.



Vũ Thị Minh Nguyệt
Người lập



Trần Ngọc Diệp
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Viễn
Người đại diện theo pháp luật/ Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

Tầng 8, Tầng 9, Toà nhà ThaiHoldings,
số 210 Trần Quang Khải, Phường Trảng Tiến,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

 Tel: (024) 3935 2722
 Fax: (024) 2220 0669
 Email: services@bsc.com.vn